

## Chuyện về hai chiếc máy bay của vua Bảo Đại

Ngày 18 tháng 01 năm 2006

**Ai cũng biết 3-3-1955 là Ngày truyền thống của Không quân nhân dân Việt Nam, nhưng không phải ai cũng biết trước đó gần chục năm, quân đội ta đã có một đơn vị đặc biệt nghiên cứu, huấn luyện không quân! Chuyện bắt đầu từ hai chiếc máy bay riêng của vua Bảo Đại...**

### **Vốn quý đầu tiên**

Sau ngày thoái vị, vua Bảo Đại vẫn được Cụ Hồ mời ra Hà Nội làm cố vấn cho Chính phủ. Vốn là "tay chơi", ông có hai chiếc máy bay riêng. Đó là chiếc Tiger Moth có hai chỗ ngồi, hai tầng cánh, thân bọc vải, một động cơ do hãng Havilland (Anh) chế tạo, dùng để bay huấn luyện; chiếc thứ hai là Morane Saulnier (Pháp) – máy bay thể thao, thân kim loại, một tầng cánh, một động cơ, hai chỗ ngồi, có thể nhào lộn. Khi ra Hà Nội, ông xin phép đưa hai chiếc máy bay ra hiến cho Chính phủ để thành lập Câu lạc bộ hàng không. Chính phủ đã chấp thuận. Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu giao cho đồng chí Phan Phác (Cục trưởng Cục Quân huấn, người có chút hiểu biết về máy bay khi còn phục vụ trong quân đội Pháp) tổ chức di dời. Hai máy bay được tháo cánh và bí mật chở bằng tàu hỏa ra Bắc rồi chuyển về cất ở sân bay Tông (Sơn Tây) vào đầu năm 1946. (Khi đó sân bay Bạch Mai và Gia Lâm đang bị quân Tàu Tưởng chiếm giữ).

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, có ý kiến cho chiếc Morane bay qua Nam Định, ném đạn cối vào khu vực quân Pháp đang bị vây hãm nhưng Cụ Hồ không đồng ý và chỉ thị phải cất giấu máy bay lên Việt Bắc. Vậy là tháng 1-1947, đồng chí Lê Thạch Liên, Lê Văn Nho nhận nhiệm vụ đưa hai máy bay theo đường sông lên Bình Ca, Tuyên Quang. Đêm đi, ngáy nghỉ, chặt cánh lá nguy trang để tránh máy bay Pháp phát hiện, thuyền đi ngược dòng rất vất vả. Hai tháng sau, khi tạm dừng ở sân bay Bình Ca, chiếc Tiger Moth bị trúng đạn máy bay địch, làm thủng vài chỗ. Tổ bảo dưỡng mua lụa Há Đông vá vá lại bằng sơn ta. Sau đó lại đưa xuống thuyền chuyển ngược lên Chiêm Hóa. Vận chuyển toàn bằng sức người, cực kỳ vất vả cho đến khi giấu trong lán ở Soi Đứng, tả ngạn sông Gâm, cách thị trấn Chiêm Hóa về phía nam 10km. "Đường băng" hạ-cát cánh là bãi trồng ngô dài 400m, rộng 25m. Xăng dầu cho máy bay được lặn từng phuy từ Cao Bằng về. Máy bay được bảo dưỡng chờ lệnh.

Cuối năm 1948 đầu 1949, cục diện chiến trường có nhiều thay đổi. Bộ Tổng tham mưu kiến nghị với Tổng tư lệnh hình thành các tổ chức ban đầu của không quân, thủy quân và một số binh chủng. Khi nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thiếu tướng Hoàng Văn Thái báo cáo về việc thành lập "Đội huấn luyện không quân", Bác Hồ đã chỉ thị: Đã làm cái gì là phải làm cho bằng được! Hướng đi (về mặt chiến lược để đón thời cơ) đã có, nhưng phải kiểm tra cơ sở thực tế xem có thực hiện được hay không. Và bước đầu chỉ nên gọi là Ban nghiên cứu, chỉ tổ chức lớp không quân, chưa phải là trường. Ban nghiên cứu có lớp để phối hợp nghiên cứu, vừa học vừa làm.

Chấp hành chỉ thị của Bác, ngày 9-3-1949, Võ Tổng (tức đồng chí Võ Nguyên Giáp) đã ký quyết định thành lập Ban nghiên cứu không quân với mật danh "Nòng trưởng thí nghiệm", đóng ở thôn Ngói Liềm, xã Hữu Lộc, Sơn Dương, Tuyên Quang, tả ngạn sông Lô, cạnh Nha nghiên cứu kỹ thuật quân giới ở thôn Đạ. Nhiệm vụ đặt ra là xây dựng cơ sở nghiên cứu ban đầu của không quân, tìm hiểu hoạt động của không quân Pháp và tìm cách chống lại, chuẩn bị cơ sở vật chất, tài liệu, huấn luyện cán bộ, chuẩn bị từng bước để tiếp thu, "đón thời cơ" triển khai hoạt động. Phương châm ban đầu là đi từ nhỏ đến lớn, cụ thể, thiết thực, bí mật, phù hợp tình hình... Đồng chí Hà Đồng được bổ nhiệm Trưởng ban, đồng chí Đoàn Mạnh Nghị (cán bộ Bộ Tổng tham mưu, vốn là nhân viên khí tượng cũ) được giao phụ trách công tác Đảng, công tác chính trị; sau này đồng chí Trần Hiếu Tâm về làm chính trị viên. Đặc biệt có hàng binh người Đức Nguyễn Đức Việt, từng là phi công lái máy bay liên lạc, cũng được điều về. Các tiểu ban hành chính, chính trị, nghiên cứu sân

bay, phòng không, khí tượng, xưởng cơ khí, tổ bảo dưỡng, tổ huấn luyện... được thành lập.

Việc đầu tiên là kiểm tra chất lượng hai chiếc máy bay. Đồng chí Hà Đồng cùng đồng chí Đức Việt, Thạch Liên và tổ bảo dưỡng lên Chiêm Hóa kiểm tra rồi chọn chiếc Tiger Moth để bay thử. Trong bài "Chuyến bay đầu tiên của Không quân Việt Nam" của ông Thạch Liên còn ghi lại: "Chiều hôm đó, khoảng 5 giờ (phải chọn thời gian này vì mây bay địch đã ngưng hoạt động), anh Việt cùng bay với cụ Nguyễn Văn Đổng, trưởng ban cơ khí. Hai người chỉ mang theo có hai cặp kính che mắt chứ không mang theo dù. Máy bay chạy trên sân khoảng 250m thì bắt đầu lên cao khoảng 100m, lượn về phía nam, sau đó hạ thấp độ cao. Anh Việt có ý định cho bay theo dòng sông Gâm về sân bay nhưng vì mây bay xuống quá thấp, cánh bên trái chạm mặt nước nên đâm xuống sông. Hôm sau, anh em cùng bà con lội ra sông, tháo từng bộ phận, đem về cất giấu".

Vậy, ngày 14-9-1949 là một mốc lịch sử quan trọng của Không quân nhân dân Việt Nam – lần đầu tiên, chiếc máy bay mang cờ đỏ sao vàng bay trên vùng trời Tổ quốc.

#### **Nghiên cứu, huấn luyện**

Những ngày đầu, cán bộ Ban nghiên cứu không quân đã tự xây dựng doanh trại, lớp học, kho, xưởng. Xưởng cơ khí được trang bị một số máy cắt, gọt, rèn, hàn... Ngay trong những ngày đầu, Ban đã tiếp nhận những "tặng phẩm" của không quân Pháp: xác chiếc máy bay vận tải Junkers 52 bị bắn rơi ở Phú Lương (5-1949) và chiếc khu trục King-Cobra P-63 (hè 1950).

Giáo viên là những đồng chí ở Ban cùng một số nhân viên hàng không được chọn trong số hàng binh Pháp (Trần Há - phi công Nhật, từng đánh nhau ở Xin-ga-po, Nguyễn Ba - thợ máy Nhật, Ma-len-bach - thợ máy Đức, Lu-brich - gấp dù và nhảy dù Đức, Sê-tan-ơ thợ máy người Áo...).

Ban đã đào tạo được hai khóa. Khóa 1 khai giảng vào Thu-Đông năm 1949, đào tạo trong 4 tháng với 28 học viên hoa tiêu, bế giảng vào đầu năm 1950. Một số đồng chí tốt nghiệp lớp hoa tiêu khóa 1 lặn lội đến những nơi có xác máy bay Pháp bị bắn rơi, nhặt nhanh các bộ phận, linh kiện, mang về làm học cụ. Khóa 2 khai giảng tháng 5-1950 và đào tạo 87 học viên cho 3 ngành: hoa tiêu, khí tượng, thợ máy. Học xong phần lý thuyết, học viên hành quân về Chiêm Hóa thực hành tháo mở máy, vận hành và cho máy bay lên trên đường băng cỏ.

Ban còn nghiên cứu cơ cấu các loại sân bay, cách xây dựng sân bay dã chiến, đồng thời còn nghiên cứu phương pháp bắn máy bay địch bằng các loại súng máy, súng trường bộ binh, làm giả ghép 2 trung liên, chế tạo máy ngắm bắn mục tiêu trên không... Tháng 5-1951, theo lệnh Bộ Tổng tham mưu, Ban đã cử 20 đồng chí sang Trung Quốc tham gia nhận và chuyển loại pháo cao xạ 37mm phóng không. Đây là đơn vị phóng không đầu tiên của QĐND Việt Nam.

Suốt trong thời kỳ xây dựng, Bộ Tổng tham mưu thường xuyên kiểm tra và cử cán bộ tác chiến xuống giúp đỡ, lên lớp. Thiếu tướng Hoàng Văn Thái thường xuyên theo dõi và nhiều lần xuống thăm. Tại Hội nghị "Tham mưu và Quân huấn toàn quân lần thứ tư", đầu năm 1950, trong giai đoạn "Tích cực chuẩn bị chuyển sang tổng phản công", Tổng tham mưu trưởng đã đến dự lễ bế mạc lớp hoa tiêu khóa 1 và trở thành người anh thân thiết của thầy, trò "nhà trường".

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, quân đội ta đã cử các đồng chí có kiến thức về hàng không, mà phần lớn là cán bộ, học viên của Ban nghiên cứu không quân, đi tiếp quản các sân bay và cơ sở hạ tầng của lực lượng không quân Pháp.

... Mới ngày nào cán bộ, giáo viên, học viên của Ban nghiên cứu không quân hầu hết mới ngoài 20 tuổi. Nay thì kẻ còn người mất, lớp còn sống "trẻ nhất" cũng đã là ở tuổi 80. Chuyện mới đây mà đã 60 năm!

## Năm ngải cứu trên đầu đồng chí Tổng Tư lệnh (số 1)

Ngày 13 tháng 10 năm 2003

**Có những sự kiện lịch sử mà bại thời gian không thể phủ mờ... Có những võ công hiển hách tồn tại mãi với dân tộc, với loài người tiến bộ. Chiến thắng Điện Biên Phủ mùa xuân năm Giáp Ngọ (1954) là một võ công như thế!**

Nửa thế kỷ đã trôi qua. Đã có hàng vạn bài báo và hàng trăm cuốn sách trong và ngoài nước viết về sự kiện trọng đại này. Tuyệt đại đa số tác giả đã phán ánh lịch sử một cách khách quan, trung thực, cung cấp nhiều tư liệu quý, được bạn đọc hoan nghênh, mặc dù có tác giả không tránh khỏi những sai sót về chi tiết. Điều đáng tiếc là hơn 10 năm lại đây, một số ít người nước ngoài đã viết quá sai sự thật về một số sự việc xảy ra 50 năm về trước.

Là một cựu chiến binh từng công tác ở Bộ Tổng tư lệnh và Bộ chỉ huy chiến dịch, tôi xin góp một số tư liệu, nhằm làm sáng tỏ thêm quá trình hình thành chủ trương "đánh nhanh, thắng nhanh" và chủ trương "đánh chắc tiến chắc", những chủ trương liên quan trực tiếp đến thất bại hay thành công của trận quyết chiến chiến lược này. Trong quá trình đó, ấn tượng sâu sắc nhất còn lưu mãi trong tôi là những năm ngải cứu trên đầu vị Tổng tư lệnh kiêm chỉ huy trưởng chiến dịch, sau 11 ngày trần trụi và một đêm không ngủ, trước khi hạ được một quyết tâm sáng suốt và táo bạo ở thời điểm cuối cùng!

Hồi đó tôi là cán bộ cấp Trung đoàn, làm Trưởng đoàn cán bộ phiên dịch Bộ Tổng tư lệnh QĐNDVN, trực tiếp làm phiên dịch và sĩ quan liên lạc giữa Tổng tư lệnh và Thủ trưởng Bộ Tổng tham mưu với Trưởng và phó đoàn Cố vấn quân sự Trung Quốc. Tôi được giao nhiệm vụ này vì biết tiếng Trung Quốc và có trình độ nhất định về chính trị - quân sự, nhất là sau khi được Đảng cử sang học tập ở Học viện Mác-Lê-nin Bắc Kinh năm 1949-1950.

Cũng cần nói rõ: Theo đề nghị của Trung ương Đảng ta, Đoàn Cố vấn quân sự đã được Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cử sang Việt Nam từ tháng 8 năm 1950 để giúp quân đội ta kinh nghiệm tiền hành tác chiến tập trung, đưa cuộc kháng chiến chuyển mạnh sang giai đoạn mới. Trưởng đoàn là đồng chí Vi Quốc Thanh, một cán bộ cách mạng lâu năm, lịch lãm và chín chắn, từng lãnh đạo, chỉ huy Binh đoàn (cấp trên Quân đoàn) của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Phó đoàn kiêm Tham mưu trưởng là đồng chí Mai Gia Sinh, từng là Quân đoàn trưởng, một cán bộ quân sự nhiệt tình, nhiều kinh nghiệm. Theo cách xưng hô của bạn, cán bộ ta thường gọi là Vi đoàn trưởng, Mai phó đoàn trưởng, hoặc đồng chí Vi, đồng chí Mai...

Cơ quan Tổng hành dinh đặt giữa rừng đại ngàn Việt Bắc. Nơi đây, mùa thu 1953, bộ óc cuộc kháng chiến đang phân tích kế hoạch quân sự mang tên viên Tổng chỉ huy thứ bảy của đội quân viễn chinh xâm lược Pháp ở Đông Dương. Với sự phối hợp và giúp đỡ của tình báo Trung Quốc, ta đã có trong tay bản kế hoạch vào hạ tuần tháng 9: Na-va đề ra mục tiêu trong vòng 18 tháng tiêu diệt phần lớn chủ lực của quân đội ta, giành một thắng lợi chiến lược quyết định, buộc Chính phủ ta phải đàm phán theo những điều kiện do Pháp đề ra, nhằm kết thúc chiến tranh mà vẫn duy trì được quyền lợi thực dân của chúng.

Kế hoạch Na-va chia làm hai bước:

Bước 1: Trong Đông Xuân 1953 - 1954, trên chiến trường Bắc Đông Dương, tránh giao chiến lớn với chủ lực "Việt Minh", duy trì thế phòng ngự chiến lược, giữ vững đồng bằng Bắc bộ, bảo vệ Thượng Lào (trước hết là Luông Prabang và cánh đồng Chum). Trên chiến trường Nam Đông Dương, thực hành tiến công chiến lược, đánh chiếm các căn cứ kháng chiến của đối phương, trước hết là vùng tự do Liên khu 5 và Khu 9. Đi đôi với hoạt động tác chiến, ra sức bình định các vùng chiếm đóng, đẩy mạnh

bắt lính, đồn quân, đồng thời tăng quân từ Pháp sang để khẩn trương xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đủ sức đè bẹp đối phương vào năm tới.

Bước 2: Từ mùa thu năm 1954, sau khi đã giành được ưu thế về lực lượng cơ động chiến lược, thực hành tổng giao chiến trên chiến trường miền Bắc (từ vĩ tuyến 18 trở ra) giáng cho chủ lực "Việt Minh" những đòn nặng nề, tạo thế mạnh đi vào đàm phán, tìm "lối thoát danh dự" cho cuộc chiến tranh xâm lược.

Để thực hiện kế hoạch chiến lược nói trên, mùa thu năm 1953, Na-va tập trung một lực lượng cơ động lớn gồm 44 tiểu đoàn ở đồng bằng Bắc bộ. Với lực lượng đó, y vừa sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công thu đông của chủ lực ta mà y phán đoán là có nhiều khả năng xảy ra ở đồng bằng; vừa đối phó với chiến tranh du kích trong vùng chúng chiếm đóng ở Bắc bộ, lại vừa tạo được thế uy hiếp các vùng tự do rộng lớn của ta ở Thanh - Nghệ - Tĩnh, Trung du và Việt Bắc. Dưới khẩu hiệu "Luôn luôn chủ động, luôn luôn tiến công", Na-va cho quân tập kích sâu vào hậu phương ta ở Lạng Sơn, thả hàng ngàn biệt kích xuống Tây Bắc, mở các cuộc càn quét dữ dội ở các vùng tạm chiếm.

Lúc bấy giờ đồng chí Vi Quốc Thanh về nước mới sang, đã cùng Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp mà chúng tôi quen dùng tên gọi thân mật là anh Văn - lên gặp Bác Hồ ở Khuổi Tát. Đây là một bản nhỏ của người Dao trên đỉnh núi, ở vùng giáp ranh 2 tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang. Bác ở và làm việc trong một nhà sàn nhỏ trên sườn núi, có rừng tre che khuất.

Sau khi nghe báo cáo kế hoạch của địch, Bác nói: "Na-va có rất nhiều tham vọng, muốn giành thắng lợi lớn về quân sự. Địch muốn chủ động, ta buộc chúng phải lâm vào bị động. Địch muốn tập trung quân cơ động thì ta có kế hoạch buộc chúng phải phân tán ra mà đánh."

Theo sự chỉ đạo của Bác, anh Văn và đồng chí Vi Quốc Thanh bàn bạc và nhất trí đề nghị với Tổng quân ủy và Bộ Chính trị: dùng một bộ phận quân chủ lực phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương chủ động mở các cuộc tiến công trên những hướng chiến lược hiểm yếu mà địch tương đối yếu và sơ hở, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải phân tán quân cơ động để đối phó. Tiếp tục khoét sâu mâu thuẫn cơ bản giữa tập trung và phân tán binh lực của địch, tạo nên thế trận mới, thời cơ mới. Theo dõi sát tình hình để khi thời cơ xuất hiện thì nhanh chóng tập trung chủ lực, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, làm chuyển biến cục diện chiến tranh.

Sau khi chủ trương tác chiến Đông Xuân được Tổng quân ủy và Bộ Chính trị thông qua, Bộ Tổng tham mưu đã khẩn trương xây dựng kế hoạch tác chiến:

Trong Đông Xuân 1953-1954, lấy Tây Bắc làm hướng chính. Bước một: dùng Đại đoàn 316 tiến công tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng hoàn toàn khu Tây Bắc. Bước hai: Đại đoàn 316 phối hợp với Trung đoàn 148 của khu Tây Bắc, cùng bộ đội tình nguyện Việt Nam và quân giải phóng Pathét Lào giải phóng tỉnh Phong Xa Lỳ của bạn. Hướng này do các đồng chí Lê Quảng Ba, Chu Huy Mân, Tư lệnh và chính ủy Đại đoàn 316 phụ trách.

Hướng Trung và Hạ Lào, sử dụng Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304, Trung đoàn 101 của Đại đoàn 325, do đồng chí Hoàng Sâm, Tư lệnh Đại đoàn 304 và đồng chí Trần Quý Hai, Tư lệnh kiêm chính ủy Đại đoàn 325 phụ trách, phối hợp với bộ đội tình nguyện Việt Nam và lực lượng của bạn, tiến công vào các vị trí xung yếu, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đánh thông hành lang Nam Bắc Đông Dương. (Còn nữa)

# Nắm ngải cứu trên đầu đồng chí Tổng Tư lệnh (số 2)

Ngày 14 tháng 10 năm 2003

(Tiếp theo)

**Hướng Tây Nguyên**, sử dụng hai Trung đoàn 108 và 803, chủ lực của Liên khu 5, do đồng chí Nguyễn Chánh, Tư lệnh kiêm chính ủy Liên khu 5 trực tiếp chỉ huy, đánh chiếm khu vực bắc Tây Nguyên, phá âm mưu bình định miền Nam Việt Nam của địch.

**Hướng đồng bằng Bắc bộ**: Đại đoàn 320 và các trung đoàn chủ lực của Liên khu 3 có nhiệm vụ chiến đấu thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, đánh phá giao thông, phá hỏng các phương tiện vận chuyển đường bộ, đường thủy và đường không của địch.

**Ở các vùng địch tạm chiếm** từ trung du, đồng bằng Bắc bộ, Bình Trị Thiên, Nam Trung bộ đến Nam bộ, Lào và Cam-pu-chia, sẽ đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiêu hao rộng rãi sinh lực địch, giành đất, giành dân, buộc địch phải căng mỏng lực lượng ra đối phó.

**Khối chủ lực còn lại** gồm các Đại đoàn 308, 312, 304 (thiếu Trung đoàn 66), Đại đoàn công binh-pháo binh 351 và Trung đoàn 246 giấu quân bí mật tại vùng trung du, sẵn sàng cơ động lên Tây Bắc và đánh địch tiến công ra vùng tự do của ta.

Đối với **Đại đoàn 325** (thiếu Trung đoàn 101) thì để lại Trung đoàn 18 hoạt động ở Bình Trị Thiên, Trung đoàn 95 ra Nghệ An chinh huấn, sẵn sàng làm lực lượng dự bị của Bộ Tổng tư lệnh.

Kế hoạch tác chiến Đông Xuân của ta chưa triển khai thì ngày 15 và 16-10-1953, Na-va đã ra tay trước bằng cuộc hành binh Hải Âu (Mouette) đánh ra tây nam Ninh Bình và cuộc hành binh con bồ nông (Pelican) đánh vào vùng ven biển Thanh Hóa. Nhưng sau hơn 20 ngày chiến đấu, đòn tiến công thăm dò của địch hồng chủ động phá kế hoạch chuẩn bị của ta đã hoàn toàn thất bại.

Ngày 19-11-1953, trong một khu rừng thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Bộ Tổng tư lệnh triệu tập hội nghị quân chính từ cấp Trung đoàn trở lên để phổ biến kế hoạch tác chiến Đông Xuân. Hội nghị đang họp thì được tin ngày 20-11 địch nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ. Sau mấy phút hội ý với Thiếu tướng Phó tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp tạm dừng cuộc họp một lúc để kịp thời xử trí tình hình:

- Chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu đôn đốc Đại đoàn 316 hành quân gấp lên Lai Châu. Chậm nhất ngày 6-12-1953, đại bộ phận lực lượng của Đại đoàn phải có mặt ở Tuần Giáo.

- Lệnh cho Đại đoàn 304 hành quân nghi binh lên Tây Bắc rồi bí mật luồn rừng về Phú Thọ, giấu quân kín đáo, sẵn sàng đánh địch tiến công ra vùng tự do hoặc cơ động đi hướng khác khi tình hình đòi hỏi.

- Các Đại đoàn 308, 312, 351 sẵn sàng chuẩn bị để khi có lệnh là lên đường.

- Bộ Tổng tham mưu cử ngay bộ phận tiền trạm đi trước lên Tây Bắc bằng xe ô tô để bố trí Sở chỉ huy tiền phương.

Ngày 23-11, để chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ trước tình hình mới, khi kết luận hội nghị, anh Văn nói đại ý:

“Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mặc dù ta không phán đoán được cụ thể địa điểm và thời gian, nhưng cũng nằm trong dự kiến trước của ta là: Nếu Tây Bắc và Thượng Lào bị uy hiếp thì địch sẽ tăng viện lên hướng đó. Như vậy là Na-va đã bắt đầu bị động. Ta cần tìm hiểu thêm ý đồ của địch. Rồi đây, chúng có thể tăng cường lực lượng, xây dựng tập đoàn cứ điểm, và cũng không loại trừ khả năng địch rút. Nhưng vô luận tình hình thay đổi thế nào, địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ căn bản có lợi cho ta”.

Hội nghị sắp kết thúc thì Bác Hồ đến thăm. Không khí cuộc họp sôi nổi và càng thêm ấm cúng. Từ lâu, đã thành thói quen là mỗi lần có hội nghị để chuẩn bị cho một chiến dịch lớn. Bác Hồ thường đến thăm và dẫn dò cán bộ trước khi lên đường ra trận.

Bác khen ngợi các đại biểu đã thảo luận sôi nổi và nhất trí với phương án tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh. Bác nhấn mạnh: "Vì tình hình địch có thể còn thay đổi, nên các chú phải luôn luôn nắm vững phương châm chỉ đạo tác chiến mà Bộ Chính trị đã đề ra là: "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt".

Lời động viên và dặn dò của Bác đã tăng thêm niềm tin và quyết tâm của cán bộ trước khi bước vào một cuộc chiến đấu mà mọi người thấy trước là sẽ ác liệt hơn trước rất nhiều. Đó là vì, sau khi đình chiến ở Triều Tiên, Mỹ đã tăng cường can thiệp vào Đông Dương, viện trợ ồ ạt cả về tài chính và vũ khí cho quân đội Pháp. Kế hoạch Na-va chính là sản phẩm của sự cấu kết giữa hai tên đế quốc.

Sau khi làm việc cụ thể với cán bộ các chiến trường xa, anh Văn, anh Thái cùng mấy cán bộ tham mưu tập trung nghiên cứu tình hình Tây Bắc. Tiếp đó anh Văn hội ý với đồng chí Vi. Vấn đề đặt ra là: Địch sẽ giữ cả Lai Châu và Điện Biên Phủ, hoặc rút quân từ Lai Châu về, tăng cường xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm để duy trì sự có mặt của quân đội Pháp ở Tây Bắc và che chở cho Thượng Lào? Hoặc sau khi đón được bọn ở Lai Châu, địch ở Điện Biên Phủ cũng có khả năng rút chạy? Khi đại bộ phận chủ lực ta đã tiến sâu vào Tây Bắc, liệu địch có khả năng đánh ra vùng tự do ở trung du và Việt Bắc hay không? Sau khi bàn bạc, hai người nhận định: Na-va là một viên tướng có tầm nhìn chiến lược và những chủ trương rất táo bạo, ta phải tỉnh táo đề phòng. Việc điều động các đơn vị chủ lực phải được tiến hành từng bước. Trước mắt, cần cho ngay Đại đoàn 308 tiến lên Tây Bắc, nhanh chóng bao vây Điện Biên Phủ, đề phòng địch rút chạy, đồng thời chuẩn bị tiến công tập đoàn cứ điểm nếu chúng chấp nhận giao chiến với ta. Các Đại đoàn khác như 304, 312, 351 vẫn giấu quân ở Tuyên Quang, Phú Thọ rồi tùy tình hình mà xử trí.

Ngày 26-11-1953, bộ phận nhẹ đi trước của tiền phương Bộ Tổng tư lệnh lên đường đi Tây Bắc. Cơ quan tham mưu do anh Hoàng Văn Thái-Phó tổng tham mưu trường phụ trách, lấy bí danh là anh Thành. Cùng đi có anh Cao Pha-Cục phó Cục Quân báo và các bộ phận tác chiến, thông tin, cơ yếu, bảo đảm sinh hoạt. (Anh Đỗ Đức Kiên, Cục phó Cục tác chiến đã được cử đi trước mấy hôm để chuẩn bị Sở chỉ huy tiền phương). Cơ quan chính trị do anh Lê Liêm, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị phụ trách, lấy bí danh là anh Lê. Cơ quan cung cấp do anh Đặng Kim Giang, Phó chủ nhiệm Tổng cục cung cấp(1) phụ trách, lấy bí danh là anh Đặng. Về phía bạn có đồng chí Mai Gia Sinh và một số cố vấn tham mưu. Tôi cũng được phân công đi trước để giúp hai đồng chí Thái và Mai làm việc.

Bộ phận đi trước của tiền phương Bộ Tổng tư lệnh đi bằng xe ô tô ra trận. Trừ mấy chiếc xe Jeep của các đồng chí lãnh đạo, còn lại là xe vận tải Mô-lô-tô-va do Liên Xô viện trợ. Chỉ riêng điều đó cũng nói lên một bước trưởng thành đáng phấn khởi của quân đội ta. Nhớ lại thời chiến dịch Biên giới mùa thu năm 1950, khi Bác Hồ ra trận, Bác ngồi xe vận tải và cũng chỉ đi được từng đoạn, vì đường chưa thông suốt, lại rất nhiều ổ gà, Bác bảo đi bộ còn sướng hơn!

Để tránh máy bay và giữ bí mật, chúng tôi ngày nghỉ, đêm đi, từ căn cứ núi Hồng qua Đèo Khế, vượt sông Lô ở bến Bình Ca quen thuộc. Qua cây số 5 và Đèo Hùng, chúng tôi quặt lên Yên Bái rồi vượt sông Thao ở bến Âu Lâu. Tại đây anh Thái và đồng chí Mai gặp anh Vương Thừa Vũ đang chuẩn bị cho Đại đoàn 308 tiến vào Tây Bắc. Sau khi nghe tình hình chuẩn bị chiến đấu của Đại đoàn, anh Thái dặn anh Vũ khi qua Nà Sản, nhớ cho cán bộ nghiên cứu kỹ cách tổ chức phòng ngự của tập đoàn cứ điểm. Nếu đánh Điện Biên Phủ, 308 chắc chắn sẽ là đơn vị chủ công...

(Còn nữa)

## Năm ngải cứu trên đầu đồng chí Tổng Tư lệnh (số 3)

Ngày 15 tháng 10 năm 2003

---

Vượt sông Thao, chúng tôi bắt đầu đi sâu vào Tây Bắc bao la, qua những vùng vừa

được giải phóng cuối năm 1952. Lúc này đường từ Âu Lâu qua Ba Khe, qua đèo Lũng Lô mới mở để đến Vạn Yên đã được sửa xong. Đường từ Vạn Yên đến Tạ Khoa đã được mở rộng. Bến Tạ Khoa đã có phà cho ôtô vượt sông Đà. Nhìn những đoạn đường ngoằn ngoèo mới sửa, những thành cao vách đứng bên bờ vực thẳm trên đèo Lũng Lô, chúng tôi nghĩ đến bao mồ hôi và cả máu của bộ đội công binh, dân công và các cán bộ giao thông công chính đã đổ xuống trên tuyến đường hiểm trở này. Đây là đường 13 nối liền Yên Bái với Cò Nòi trên đường 41. Trung ương Đảng và Chính phủ đã chỉ thị phải bảo đảm thông suốt cho cả xe vận tải và xe kéo pháo trước khi bước vào chiến cuộc Đông xuân 1953-1954.

Vượt qua ngã ba Cò Nòi, ngày 30-11, đoàn chúng tôi đến Nà Sản. Anh Thái và đồng chí Mai dừng lại đây một ngày để nghiên cứu tập đoàn cứ điểm mà địch mới rút bỏ chưa đầy 4 tháng.

Thu đông 1952, quân ta mở chiến dịch Tây Bắc, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng gần hết vùng Tây Bắc, gồm các tỉnh Yên Bái, Sơn La và Lai Châu (trừ thị xã và khu vực xung quanh). Địch phải thu thập tàn quân và các lực lượng ở Tạ Khoa, Cò Nòi, Sơn La về Nà Sản, lập thành lập đoàn cứ điểm. Sang đợt 3 chiến dịch, ta chủ trương tiến công Nà Sản.

Đêm 30-11-1952, ta tiêu diệt Pú Hồng và Bản Hối, nhưng sau đó địch phản kích chiếm lại Pú Hồng. Đêm 1-12-1952, ta đánh Nà Xi và Bản Vây đều không thành công. Nguyên nhân là bộ đội đã đuối sức sau gần 2 tháng chiến đấu liên tục, địch lại có ưu thế về pháo binh và không quân, ta chưa có kinh nghiệm đánh tập đoàn cứ điểm.

Nghiên cứu xong Nà Sản, đồng chí Mai bàn với anh Thái: "Một nguyên nhân quan trọng khiến năm ngoái ta chưa thành công là do chưa có khả năng kiểm chế pháo binh và hạn chế hoạt động của không quân địch. Năm nay, bộ đội Việt Nam đã có lựu pháo 105 ly và pháo cao xạ 37 ly, lại đã qua nghiên cứu cách đánh tập đoàn cứ điểm, nên nhất định là chúng ta đánh được. Tập đoàn cứ điểm cũng có nhiều sơ hở. Ta cần khẩn trương lên mặt trận nắm tình hình địch và chuẩn bị sẵn phương án tác chiến".

Lúc bấy giờ, ta chỉ mới có bản đồ Tây Bắc tỷ lệ 1-100.000, khu vực Điện Biên Phủ vẫn còn để trắng. Sau khi địch nhảy dù, theo yêu cầu của ta, tên sĩ quan bị bắt hỏi tháng 11-1952 khi ta giải phóng Điện Biên Phủ lần đầu, đang ở trại tù binh Chiêm Hóa, đã vẽ tay một sơ đồ Điện Biên Phủ. Ngoài dòng sông Nậm Rốm và các ngọn đồi phía Đông, các chi tiết khác còn sơ sài.

Đêm 4-12-1953, đoàn xe vượt đèo Pha Đin dài hơn 30km, qua những dãy núi cao sừng sững che kín cả một vùng trời. Máy bay địch đã tăng cường đánh phá. Sáng 5-12, anh Thái được Bộ Tổng tham mưu điện cho biết: địch đang rút các đơn vị Âu Phi ở Lai Châu về Điện Biên Phủ bằng đường không. Anh lệnh ngay cho Đại đoàn 316 đang trên đường tiến lên Tuần Giáo đẩy nhanh tốc độ hành quân, không để cho bọn địch còn lại ở Lai Châu rút chạy.

Sáng 6-12, đoàn đến Sớ chỉ huy tiền phương đầu tiên của Bộ Tổng tư lệnh ở hang Thẳm Púa, ngang cây số 15 trên đường Tuần Giáo đi Mường Thanh. Bộ Tổng tham mưu điện cho biết thêm: địch đã lệnh cho các đơn vị lính ngự ở Lai Châu rút về Điện Biên Phủ theo đường bộ qua Mường Pồn. Ngày 7-12, anh Thái trực tiếp giao nhiệm vụ cho Đại đoàn 316 tiêu diệt quân địch rút chạy, giải phóng Lai Châu. Lệnh cho Đại đoàn 308 gấp rút tiến về Điện Biên Phủ, cho đơn vị đi đầu nhanh chóng vòng theo đường tắt xuống chốt chặn ở phía Nam Hồng Cúm, đề phòng địch rút chạy về hướng Thượng Lào.

Ngày hôm sau, anh triệu tập cán bộ công binh, giao nhiệm vụ cùng với thanh niên xung phong và dân công gấp rút mở rộng đường Tuần Giáo đi Mường Thanh, bảo đảm cho xe kéo pháo và xe vận tải có thể vào sát chiến trường. Anh Cao Pha được giao nhiệm vụ khẩn trương tổng hợp các nguồn tin để báo cáo cụ thể tình hình địch.

Lúc này, căn cứ vào báo cáo và bản vẽ của các mũi trinh sát tiền phương và các đơn vị thuộc trung đoàn 148 đã bám sát và đánh địch từ đầu, kết hợp với tin trinh sát kỹ thuật, ta đã nắm được tương đối cụ thể địa hình và các vị trí đóng quân của địch. Binh lực đã lên đến 9 tiểu đoàn. Chúng đã san bằng thị trấn Mường Thanh để xây dựng Sở chỉ huy và trận địa pháo. Sân bay Mường Thanh đã được sửa chữa và sử dụng. Hàng ngày, máy bay vận tải liên tục chở các loại trang bị kỹ thuật thả dù hoặc hạ cánh. Địch đang tập trung xây dựng các cụm cứ điểm Him Lam, đồi A1 và các ngọn đồi khác ở phía Đông, ở Nam Bắc sân bay. Ở phía Tây đã có cứ điểm Cana Na và một vài nơi đang đào công sự. Sau đó, địch

đóng thêm Bàn Kéo và một vị trí tiền tiêu ở đồi Độc Lập. Trinh sát phát hiện ở Hồng Cúm cũng đã có địch và máy bay trực thăng lên xuống. Tuy nhiên, phần lớn công sự còn làm theo kiểu dã chiến, phòng ngự địch ở phía Tây còn nhiều sơ hở. Anh em báo cáo: Một chiến sĩ trinh sát có lần vào gần sân bay lấy dù tiếp tế và phục bắt tù binh, đến sáng không ra được, đã giấu mình trong đồng dù nằm ăn đồ hộp và ngủ cả ngày mà địch không hề hay biết!

Ngày 9-12-1953, căn cứ vào tình hình địch và địa hình, hai đồng chí Thái, Mai cùng một số cán bộ và Cố vấn tham mưu bàn cách đánh. Có hai phương án được đề ra:

- Một là: Dùng toàn bộ lực lượng chia làm nhiều hướng đánh cùng một lúc, có sự chi viện và hợp đồng chặt chẽ của pháo binh và cao xạ. Một mũi đột kích mạnh của bộ binh sẽ từ phía Tây và Tây Nam thọc sâu vào Sở chỉ huy, giống như một lưỡi gươm đâm thẳng vào tim, tạo nên sự rối loạn ở trung tâm phòng ngự địch ngay từ đầu, rồi từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào tiêu diệt địch trong thời gian tương đối ngắn.

- Hai là: bao vây địch dài ngày rồi đánh dần từng bước một, lần lượt tiến công từng trung tâm để kháng bằng nhiều trận công kiên kế tiếp, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn quân địch.

**Đồng chí Mai gọi cách đánh thứ nhất là “chiến thuật moi tim” (Oa tâm tạng chiến thuật), cách đánh thứ hai là: “chiến thuật bóc vỏ” (bóc bì chiến thuật).** Đồng chí phân tích: Năm ngoái đánh Nà Sản, ta dùng chiến thuật bóc vỏ, lần lượt đánh từng vị trí, lại không có trọng pháo tầm xa để chế áp pháo binh và Sở chỉ huy địch, nên chúng tập trung được toàn bộ hỏa lực của tập đoàn cứ điểm chi viện cho từng vị trí bị tiến công. Ta thương vong nhiều mà không dứt điểm được. Mà có dứt điểm thì cũng không giữ được, như vị trí Pú Hồng. **Ở Điện Biên Phủ hiện nay, địch còn trong trạng thái lâm thời phòng ngự, công sự chưa vững chắc, lại có nhiều sơ hở ở phía Tây. Ta nên tranh thủ đánh sớm, đánh nhanh bằng sức mạnh mới của bộ pháo hiệp đồng, dùng chiến thuật moi tim để tiêu diệt địch.** Nếu không đánh sớm, địch tăng thêm binh lực, hỏa lực, củng cố công sự và hoàn chỉnh thế bố phòng thì e sẽ gặp khó khăn.

Anh Thái đặt vấn đề: Làm thế nào để đưa pháo vào trận địa khi ta chủ trương đánh sớm, đánh nhanh mà chưa kịp làm đường cho xe kéo pháo? Làm thế nào để hạn chế tác dụng của máy bay, pháo binh, giảm bớt thương vong khi ta đánh liên tục cả ban ngày?

Đồng chí Mai giải đáp: “Sau khi hoàn thành việc mở rộng đường Tuần Giáo-Mường Thanh, ta chỉ cần đốn cây, phạt cỏ rồi dùng sức người kéo pháo vào trận địa. Việc này chúng tôi đã từng làm, tuy có khó khăn vất vả, nhưng sẽ tạo được bất ngờ lớn. Về việc đối phó với máy bay và pháo địch, ta có khả năng làm được: trận đánh sẽ bắt đầu bằng một trận pháo cấp tập dữ dội, làm cho pháo địch và máy bay thường trực ở sân bay bị tổn thất nặng ngay từ đầu. Tiếp đó là các mũi đột kích của bộ binh thọc sâu vào chia cắt đội hình, mũi chủ yếu đánh thẳng vào Sở chỉ huy và trung tâm thông tin theo kiểu “nở hoa trong lòng địch” (tâm trung khai hoa). Ta làm được như vậy thì các trận đánh ban ngày sẽ diễn ra trong trạng thái địch ta xen kẽ. Máy bay và pháo địch không dễ dàng bắn trúng đội hình chiến đấu của ta mà không gây thương vong cho quân của chúng. Tôi được thông báo là các tiểu đoàn pháo cao xạ của Liên Xô viện trợ và đưa qua Trung Quốc huấn luyện đã tiến bộ khá nhanh. Trước khi về nước, cán bộ và chiến sĩ đã nắm vững chiến thuật và kỹ thuật. Đây là một lực lượng đáng tin cậy để hạn chế hoạt động của không quân địch”.

**Sau khi cân nhắc thuận lợi và khó khăn về cách đánh cũng như về khả năng đảm bảo hậu cần, hai đồng chí nhất trí chọn phương án đánh nhanh thắng nhanh để chuẩn bị báo cáo với anh Văn.**

Trong khi đó thì ở hậu phương, ngày 6-12-1953, tờ trình của Tổng quân ủy gửi lên Bộ Chính trị đã dự kiến: “Thời gian tác chiến ở Điện Biên Phủ ước độ 45 ngày, không kể thời gian tập trung bộ đội và làm công tác chuẩn bị. Trận đánh có thể bắt đầu vào trung tuần tháng 2-1954 (\*). Dự kiến này đã được tính toán theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc”.

Hạ tuần tháng 12, anh Văn báo cáo tiếp tình hình mới. Bộ Chính trị hạ quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Như vậy là, sau khi buộc địch phải bị động phân tán khối chủ lực của chúng, phải vội vã ném những đơn vị lính dù và bộ binh tinh nhuệ nhất xuống một vị trí cô lập ở vùng rừng núi, cách xa các căn cứ lớn của chúng ở đồng bằng, ta đã chủ động tạo ra thời cơ và tích cực nắm lấy thời cơ, buộc địch phải “tổng giao chiến” sớm hơn một năm so với ý định ban đầu của chúng.

Ngày 1-1-1954, Bộ Chính trị chỉ định cơ quan lãnh đạo và chỉ huy chiến dịch. Anh Văn được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy chiến dịch kiêm Bí thư Đảng ủy, anh Thái làm tham mưu trưởng, anh Liêm làm chủ nhiệm chính trị, anh Giang làm chủ nhiệm cung cấp. Cả ba anh đều được chỉ định là ủy viên Đảng ủy mặt trận Điện Biên Phủ.

(Còn nữa)

(\*) Xem "Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Pháp"-BTTM xuất bản 1991 trang 730

## Năm ngày cứu trên đầu đồng chí Tổng tư lệnh (số 4)

Ngày 16 tháng 10 năm 2003

Anh Văn lên Khuổi Tát chào Bác trước khi lên đường. Bác hỏi:

- Chú đi xa như vậy, chỉ đạo các chiến trường có gì trở ngại không?

- Các đồng chí Tổng tham mưu phó, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và Tổng cục Cung cấp đều đã có r. lệnh. Việc ở nhà có anh Nguyễn Chí Thanh và anh Văn Tiến Dũng. Chỉ trở ngại là ở xa, không thường xuyên xir. Bác nói:

- Tổng tư lệnh ra mặt trận. "Tướng quân tại ngoại". Trao cho chú toàn quyền quyết định...

Và Bác không quên dặn kỹ: "Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh. Không c

Ngày 5-1, anh Văn cùng Sở chỉ huy tiền phương Bộ Tổng tư lệnh lên đường đi Tây Bắc. Cùng đi có các Nghĩa-Cục trưởng Cục quân báo, Hoàng Đạo Thúy-Cục trưởng Cục Thông tin. Về phía bạn có đồng chí Vi Quốc

Qua Tuyên Quang, anh Văn ghé thăm vị trí trú quân của đơn vị pháo đã lên đường trước đó mấy hôm. C. đoàn 304, lệnh cho Trung đoàn 57 gấp rút hành quân lên Điện Biên Phủ, chỉ để Trung đoàn 9 ở lại bảo vệ hậu pl. lần lượt tiến lên Tây Bắc, Đại đoàn công pháo 351 và Trung đoàn 57 cũng đã lên đường.

Sau khi vượt đèo Pha Đin để lên Tuần Giáo, anh Văn ghé thăm cán bộ chỉ huy các tuyến vận tải tiếp tế c. cộc cạch trên những con đường mới mở, vượt sông Lô, sông Thao lại vượt sông Đà, hết đèo Lũng Lô lại đến P. trở. Ngã ba Cò Nồi là nơi tiếp giáp của hai con đường huyết mạch: từ Việt Bắc, Trung du sang, từ Thanh Nghệ. biến nơi này thành một túi bom... Nghĩ tới vấn đề tiếp tế cho mặt trận, đường quá dài, người ở tiền tuyến cần gạ. vận của các cậu sẽ trở nên gay go gian khổ khi chiến dịch kéo dài. Các cậu phải cố gắng lắm mới hoàn thành đ.

Sáng 12-1-1954, anh Văn đến Tuần Giáo. Chợp mắt được một lúc thì anh Thái đã từ Sở chỉ huy ra đón. /. Biên Phủ và phương án đánh nhanh thắng nhanh đã bàn với đồng chí Mai và anh Liêm, anh Giang. Anh Văn c. Tổng quân ủy trình lên Bộ Chính trị ngày 6-12-1953. Anh muốn vào sớm để gặp cán bộ và nghe thêm tình hình. Thẩm Púa, tranh thủ triệu tập hội nghị Đảng ủy. Trong cuộc họp, tất cả các đảng ủy viên đều nhất trí chọn phục. quân ta đang sung sức, quyết tâm chiến đấu rất cao, lại có trọng pháo và cao xạ lần đầu xuất trận, ta có thể tạo. cứ điểm được tăng cường quá mạnh, ta sẽ bỏ lỡ cơ hội đánh tiêu diệt lớn trong Đông Xuân này. Đánh dài ngày. Phủ, mỗi ngày tiêu thụ gần 50 tấn gạo. Nếu tính từ Sơn La trở lên, binh quân phải có 90 tấn gạo/ngày cho cả bộ. vận độc đạo của ta. Nếu chiến dịch kéo dài thì làm sao có đủ gạo ăn mà đánh được? Đó là chưa tính đến đạn. đồng bằng, nay thì đã bước đầu thống suốt, hăng hái, quyết tâm; nhưng nếu ở chiến trường rừng núi quá lâu, ăn. y chỉ đều có thể dần dần giảm sút...

Anh Văn không nhất trí với những ý kiến đó. Dĩ nhiên, đánh nhanh thắng nhanh có nhiều điều lợi, nhưng. đội ta, tuy đã được chuẩn bị về tư tưởng và chiến thuật để đánh tập đoàn cứ điểm, nhưng chưa có kinh nghiệm. đường và kéo pháo. Dịch còn có thể tăng quân, xây dựng công sự và bố phòng ngày càng vững chắc. Ngay bả. hơn. Anh Văn sang bàn với đồng chí Vi Quốc Thanh, hy vọng sẽ có sự đồng tình của Trường đoàn cố vấn. Anh. đánh nhanh? Đồng chí Vi nói: "Tôi đã gặp đồng chí Mai Gia Sinh và các cố vấn cùng đi chuẩn bị chiến trường. Sản để nghiên cứu kỹ tập đoàn cứ điểm mà quân Pháp vừa rút bó. Qua bài học Nà Sản, tất cả đều nhất trí là. nhanh và có nhiều khả năng đánh thắng". Anh Văn trình bày những suy nghĩ của mình về trình độ tác chiến củ. trường, cho rằng khó có khả năng tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong thời gian ngắn. Suy nghĩ một lúc, đồng chí. chân chưa vững, để nay mai chúng tăng quân và củng cố công sự thì không đánh được, ta sẽ bỏ mất thời cơ".

Tuy vẫn không tin vào phương án "đánh nhanh, thắng nhanh", nhưng anh Văn tự thấy mình vừa mới đến. án đã được các đồng chí đi trước lựa chọn, lại là đa số trong Đảng ủy và được tất cả các đồng chí bạn đồng tình. trị, vì không thể trao đổi vấn đề tuyệt mật này qua điện đài; viết thư cho cán bộ cầm về thì không thể kịp. Anh đ. Cao Pha cho điều tra thật kỹ những vị trí địch ở cánh đồng phía Tây, trên hướng đột kích chủ yếu vào Sở chỉ l. mỗi ngày 2 lần, đặc biệt là hiện tượng tăng quân và củng cố công sự. Khi có hiện tượng đột xuất thì phải báo cá. nghĩ của mình với đồng chí Hiếu, chánh văn phòng; dặn là biết vậy để giúp anh theo dõi, không được nói với bá

Anh Nguyễn Văn Hiếu, nguyên là Chính ủy Trung đoàn, được điều về văn phòng Tổng chính ủy-đồng thời năm 1949. Từ chiến dịch Biên giới đến chiến dịch Điện Biên Phủ, anh luôn theo anh Văn ra mặt trận. Anh có lẽ dài, tôi học được rất nhiều điều: anh luôn luôn bình tĩnh, lạc quan, tin tưởng, kể cả trong những trường hợp rất nhất trí trong cơ quan lãnh đạo, phát huy sức mạnh của tập thể. Tác phong gần gũi với cán bộ, chiến sĩ và nhà duy sáng tạo. Xử lý công việc lúc thì kiên quyết, táo bạo, khẩn trương; lúc thì cân nhắc hết sức thận trọng. Anh c thời là nhà chỉ huy quân sự. Trong chỉ huy tác chiến, tôi thấy anh luôn luôn kiên định, có lúc lại thấy anh rất nhẹ nghiên cứu kỹ tình hình hiện tại và dự kiến những khả năng biến động trong các bước tiếp theo, cả về phía ta khần, không dừng lại ở những điều đã định. Tối 12-1-1954, sau cuộc họp của Đảng ủy mặt trận, anh cho triển Đánh như vậy là mạo hiểm. Vì vậy cần theo dõi sát tình hình để khi có đủ căn cứ thì kịp thời đặt lại vấn đề... (3)

Ngày 14-1-1954, phương án đánh nhanh, thắng nhanh và nhiệm vụ của các đơn vị, các binh chủng đã đư gian tác chiến dự kiến là 3 đêm 2 ngày. Trước mắt, cần tập trung lực lượng làm gấp đường kéo pháo, rồi dùng s

Không khí Hội nghị phấn khởi và tin tưởng, chỉ huy các đại đoàn đều biểu thị quyết tâm hoàn thành nhiệm

Khi kết luận Hội nghị, để chuẩn bị tư tưởng phần nào cho cán bộ, anh Văn nói: "Hiện nay tình hình địch ch theo dõi ý đồ và hành động của chúng để một khi tình hình thay đổi thì kịp thời xử trí".

Trong quá trình chuẩn bị chiến dịch, một khó khăn lớn của công tác tham mưu là chỉ có bản đồ tỷ lệ 1/100. hơn để chỉ huy tác chiến. Anh Thái lệnh cho các đơn vị tìm mọi cách lấy bản đồ của địch. Khó khăn đó đã được k tế ở Tây Mường Thanh, đã lấy được một thùng hàng vừa đựng "xúc xích"(4) vừa có 1 tập bản đồ khu vực Điện cuộc họp ngày 14-1 để xác định tọa độ và tổ chức hiệp đồng giữa các đơn vị, giữa bộ binh và pháo binh; đồng bản. Tổ trình sát được tặng thưởng ngay huân chương Chiến công.

(Còn nữa)

**Hoàng Minh Phương**

**(Nguyên trưởng phòng Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh-Trường khoa lý luận chung Viện KHQS đoàn Cửu Long).**

(1) Trung đoàn 9 cuối tháng 4-1954 lên Điện Biên Phủ. Trung đoàn 66 hoạt động ở Trung Lào.

(2) Theo hồi ức của Thiếu tướng Nguyễn An, nguyên cán bộ Trung đoàn, phụ trách một tuyến tiếp vận ch cục Hậu cần.

(3) Anh Hiếu năm 1967 về làm phó hiệu trưởng, trường Quân sự trung cao rồi Phó Viện trưởng Học viện L

(4) Phiên âm theo tiếng Pháp của từ "Saucisse".



---

## Nắm giải cứu trên đầu đồng chí Tổng tư lệnh (số 5)

Ngày 17 tháng 10 năm 2003

---

### (Tiếp theo số trước)

Theo báo cáo của Cục Quân báo, lúc này binh lực địch ở Điện Biên Phủ đã từ 6 tiểu đoàn lúc đầu, tăng lên 11 tiểu đoàn bộ binh và dù. Hằng ngày máy bay địch, kể cả máy bay C119 do phi công Mỹ lái, tiếp tục vận chuyển và thả dù hàng trăm tấn lương thực, vũ khí, đạn dược, dây kẽm gai và cọc sắt xuống sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm. Đồi Độc Lập lúc đầu chỉ là một cứ điểm tiền tiêu, nay đã trở thành một trung tâm đề kháng vững chắc. Cụm cứ điểm Him Lam đã được tăng cường.

Đêm 17 rạng ngày 18-1-1954, Sở chỉ huy chiến dịch từ cây số 15 chuyển vào ngang cây số 62(1), trong một khu rừng có suối thuộc địa phận bản Nà Tấu. Các đồng chí trong Bộ chỉ huy chiến dịch chia nhau đi kiểm tra đôn đốc các đơn vị: Việc làm đường kéo pháo từ cửa rừng Nà Nham (cột số 67 cũ, cách Mường Thanh 17km) qua núi Pha Song cao 1.150m, xuống Bán Tổ tới Bản Nghiu (tây bắc Điện Biên Phủ) dài 15km, rộng 3m, đã được hoàn thành sớm hơn dự kiến. Nhưng việc kéo pháo phải kéo dài. Phải dùng hàng trăm người kết hợp với tời kéo dãn từng khẩu nặng hàng tấn, qua những đoạn có dốc cao vực thẳm, trung bình mỗi giờ chỉ nhích được từ 150 đến 200m. Đến ngày 19-1, pháo vẫn chưa vào tới vị trí.

Ngày nổ súng trước định là 20-1, nay được quy định lại là 25-1-1954, giờ G là 17 giờ.

Tại Sở chỉ huy chiến dịch, ngoài việc thường xuyên theo dõi tình hình địch qua báo

cáo của các đơn vị, của trinh sát mặt đất và trinh sát kỹ thuật, anh Văn chỉ thị cho anh Hoàng Xuân Tuy, Trưởng ban Tuyên huấn mặt trận(2) tổ chức nghe các đài phương Tây, đặc biệt là đài con Nhạn, đài Pháp Á, để có thêm cơ sở phán đoán ý đồ của địch. Ta được biết: trong thông điệp đầu năm, Na-va tuyên bố: "Điều kiện chiến thắng đã đầy đủ, chỉ còn tùy thuộc vào ý chí của tất cả chiến binh hải, lục, không quân để làm cho năm 1954 là năm thắng lợi rõ rệt của quân đội Pháp!".

Ngày 20-1, Cục quân báo báo cáo tiếp: Sau khi củng cố hệ thống phòng ngự trên các ngọn đồi phía đông, địch đóng thêm một số vị trí ở phía tây bắc Mường Thanh. Có khả năng hình thành một trung tâm để kháng mạnh ở đây. Địch ráo riết củng cố công sự và hệ thống vật cản. Xung quanh các cứ điểm đều có bãi mìn dày đặc, kết hợp với nhiều hàng rào kẽm gai rộng từ 50 đến 70m, có nơi rộng đến gần 200m. Đặc biệt, trinh sát phát hiện có một loại súng 4 nòng đặt gần Sở chỉ huy của Đờ Cát, có thể quay bắn về nhiều hướng.

Như vậy, qua lời nói cũng như việc làm, Na-va đã quyết tâm giữ vững Điện Biên Phủ bằng mọi giá.

Sáng 23-1, sau khi kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu của Đại đoàn 312 qua điện thoại, nghe Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn báo cáo là đơn vị phải đột phá liên tục 3 phòng tuyến của địch mới vào được trung tâm, anh Văn gọi anh Cao Pha sang giao nhiệm vụ. Anh nói: "Địch đã tăng cường lực lượng, công sự và vật cản, mà ta thì chưa hiểu rõ cách bố trí phòng ngự bên trong của chúng ở Nam sân bay và Mường Thanh. Sắp tới, Đại đoàn 312 từ phía Bắc sẽ phải đánh một mạch từ đồi Độc Lập, Bán Kéo, Căng Na, qua sân bay vào tới trung tâm, mình lo là anh em sẽ thương vong nhiều và khó hoàn thành nhiệm vụ. Cậu phải xuống cùng đi theo mũi của 312, mang điện đài theo hay dựa vào mạng điện thoại của anh Tấn là tùy. Đi đến đâu, đánh đến chỗ nào, cậu nắm ngay tình hình địch, chú ý khai thác tù binh và báo cáo về ngay".

Anh Cao Pha cùng một cán bộ và một liên lạc xuống sở chỉ huy Đại đoàn 312 báo cáo với anh Tấn và yêu cầu giúp đỡ.

Cũng trong 23-1, hai ngày trước khi nổ súng, anh Phạm Kiệt, Cục phó Cục bảo vệ được cử làm phái viên Bộ Tổng tư lệnh theo dõi việc kéo pháo vào trận địa phía tây bắc sân bay, đề nghị gặp anh Văn qua điện thoại. Anh Kiệt nói: "Pháo của ta đều bố trí trên trận địa đã chiến, địa hình rất trống trải, nếu bị phản pháo hoặc không quân đánh phá sẽ khó tránh khỏi tổn thất. Một số pháo vẫn chưa kéo được vào vị trí. Đề nghị anh cân nhắc".

Sau này, anh Văn cho biết: Lời của anh Lê Trọng Tấn mặc dù không nhân mạnh khó khăn mà vẫn biểu thị quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, nhưng đã làm cho anh suy nghĩ rất nhiều... Đặc biệt lời của anh Phạm Kiệt, người duy nhất phát hiện khó khăn, đã củng cố thêm quyết tâm của anh là không thể mạo hiểm đánh theo kế hoạch đã đề ra.

Ngày 24-1 một chiến sĩ của Đại đoàn 312 không may bị địch bắt. Qua tin trinh sát kỹ thuật, ta lại biết địch đã nắm được thời gian ta nổ súng là 17 giờ ngày 25-1 và thông báo cho nhau(3).

Anh Văn quyết định hoãn giờ nổ súng lại 24 tiếng. Tăng sáng 26-1, trời rét đậm, sương mù dày đặc trong khu rừng Nà Tấu. Tôi đang ra suối rửa mặt thì liên lạc xuống gọi lên gặp anh Văn gấp. Anh đang ngồi nghiên cứu tình hình qua tấm bản đồ trải trên bàn nữa, đầu quần đầy lá ngải cứu.(4) Tôi ngạc nhiên hỏi: "Anh nhức đầu hay sao mà đắp ngải cứu nhiều như thế?". Anh thân mật đáp: 11 ngày qua mình suy nghĩ rất nhiều và suốt đêm qua không ngủ được. Chiều nay trận đánh sẽ bắt đầu, nhưng những yếu tố thắng lợi thì ta chưa hoàn toàn nắm chắc. Cậu sang báo đồng chí Vi là tôi có việc cần bàn gấp sáng nay. Chỉ hẹn làm việc thôi, chứ không nói gì về việc đêm qua mình không ngủ!

Tôi dịch cho anh Văn trong cuộc trao đổi ý kiến với đồng chí Vi Quốc Thanh. Gặp anh Văn, đồng chí Vi ngạc nhiên nhìn nắm ngải cứu trên đầu, ân cần hỏi thăm tình hình sức khỏe rồi nói:

- Trận đánh sắp bắt đầu, đề nghị Võ Tổng(5) cho biết tình hình mới nhất ra sao?

- Đó cũng là vấn đề tôi muốn trao đổi với đồng chí. Qua theo dõi tình hình, tôi cho rằng địch không còn trong trạng thái làm thời phòng ngự, mà đã trở thành một tập đoàn cứ điểm kiên cố. Vì vậy không thể đánh theo kế hoạch đã định. Có 3 khó khăn lớn mà bộ đội Việt Nam chưa thể vượt qua:

**Một là:** Các đơn vị chủ lực của chúng tôi cho đến nay chỉ mới có khả năng cao nhất là tiêu diệt 1 tiểu đoàn địch tăng cường trong công sự vững chắc. Chưa có khả năng, trong một thời gian ngắn, tiêu diệt cả chục tiểu đoàn địch phòng ngự trong tập đoàn cứ điểm. Ở Nà Sản cuối năm 1952, một trung đoàn đánh một tiểu đoàn địch trong công sự dã chiến mà chưa thành công. Nay địch có 49 cứ điểm, binh lực hòa lực mạnh hơn, có công sự vững chắc và hệ thống vật cản dày đặc, lại càng khó thắng, mặc dù một năm qua bộ đội có nhiều tiến bộ.

**Hai là:** Trong trận này ta có thêm lựu pháo và cao xạ, đã được các đồng chí giúp đỡ huấn luyện, có kết quả tốt, nhưng bộ binh, pháo binh hiệp đồng quy mô lớn mới là lần đầu, lại chưa qua diễn tập. Cán bộ còn lúng túng trong việc chỉ huy. Có Trung đoàn trưởng đã đề nghị trả bớt hỏa lực trợ chiến về cho Bộ!

**Ba là:** Như đồng chí đã biết, không quân Pháp mạnh hơn không quân Tưởng Giới Thạch khi các đồng tiến hành chiến tranh giải phóng. Nay lại có thêm không quân Mỹ tăng cường. Bộ đội chúng tôi lâu nay mới quen tác chiến ban đêm ở những địa hình dễ ẩn náu để hạn chế chỗ mạnh của địch về không quân và pháo binh. Nay phải chiến đấu liên tục trong 3 đêm 2 ngày với kẻ địch có ưu thế về máy bay, pháo và xe tăng trên địa hình trống trải, nhất là trên cánh đồng Mường Thanh khá rộng, thì rất khó tránh thương vong, khó hoàn thành nhiệm vụ.

Tất cả những khó khăn này ta đều chưa bàn kỹ cách giải quyết, chỉ mới dựa vào khả năng tiêu diệt pháo và máy bay địch trong đêm đánh đầu tiên bằng đòn cấp tập hỏa lực của ta. Ngày 12-1, khi thấy đa số tán thành phương châm đánh nhanh, thắng nhanh, tôi không nhất trí và đã nói với đồng chí. Nhưng có lẽ đồng chí cũng như tôi, chúng ta là những người vừa mới đến chiến trường, tình hình nắm chưa thật chắc, nên chưa tiện bác bỏ ý kiến của các đồng chí đã lên trước hơn một tháng. Đến nay, tình hình đã khác. Tôi đã cử cán bộ trực tiếp đi kiểm tra các trận địa pháo, phần lớn đều nằm ở nơi trống trải. Nếu trong đêm đầu ta không diệt được pháo địch, ban ngày địch dùng không quân oanh tạc, dùng pháo binh bắn phá, dùng bộ binh và xe tăng phản kích thì không có đường và xe kéo, pháo ta sẽ rút đi đâu?

Nói tóm lại, theo tôi, nếu đánh theo kế hoạch cũ là thất bại. Trung ương Đảng chúng tôi từng nhắc nhở: "Chiến trường ta hẹp, người của ta không nhiều, cho nên chỉ được thắng không được bại, vì bại thì hết vốn". Qua 8 năm kháng chiến, chúng tôi mới xây dựng được 6 Đại đoàn bộ binh chủ lực, mà phần lớn đều có mặt trong chiến dịch này...

Đồng chí Vi suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Vậy theo ý Võ Tổng thì nên xử trí như thế nào?

- Ý định của tôi là ra lệnh hoãn cuộc tiến công chiều hôm nay; kéo pháo ra, thu quân về vị trí tập kết. Chuẩn bị lại theo phương châm đánh chắc tiến chắc. Thời gian chiến dịch kéo dài, khó khăn sẽ không ít, nhất là về mặt tiếp tế. Nhưng tôi tin tưởng vững chắc rằng, với sự cố gắng của cán bộ và chiến sĩ, sự chi viện của toàn Đảng, toàn dân ở hậu phương, với sự giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí, chiến dịch này nhất định thắng!

Sau lát giây suy nghĩ, đồng chí Vi nói:

- Tôi đồng ý với Võ Tổng. Tôi sẽ làm việc với các đồng chí trong đoàn Cố vấn.

- Thời gian gấp. Tôi sẽ họp ngay Đảng ủy để quyết định. Tôi đã có dự kiến cho Đại đoàn 308 tiến về hướng Luang Prabang, cố ý bộc lộ lực lượng chừng nào để kéo không quân địch về hướng đó, không để chúng gây khó khăn khi ta lui quân và kéo pháo ra.

Hơn nửa giờ sau, các đồng chí trong Đảng ủy mặt trận đã có mặt đủ ở Sở chỉ huy, anh Hiếu ghi biên bản. Anh Văn trình bày những suy nghĩ từ lâu về cách đánh tập đoàn cứ điểm, về 3 khó khăn chưa thể vượt qua như đã nói với đồng chí Vi, rồi tóm lại: Ta vẫn giữ vững quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, nhưng phải thay đổi cách đánh.

Mọi người im lặng một lúc. Lát sau, đồng chí Chủ nhiệm chính trị phát biểu: - Ta đã động viên sâu rộng bộ đội về nhiệm vụ rồi, cán bộ, chiến sĩ đều rất tin tưởng, quyết tâm chiến đấu rất cao. Các đơn vị, các binh chủng đều trong tư thế sẵn sàng nổ súng. Nay phải lui quân và kéo pháo ra, khác nào như giội nước lạnh vào đầu, thì giải thích làm sao? Sau này động viên lại để có quyết tâm và tin tưởng như bây giờ, không phải dễ.

Đồng chí Chủ nhiệm cung cấp nói: Tôi thấy cứ nên giữ vững quyết tâm. Tới bây giờ, giao đơn chuẩn bị đã khó khăn. Nếu không đánh ngay, sau này lại càng không đánh được.

Gạo không đưa lên được, bộ đội đói thì sức đâu mà đánh? Bài học Khâu Vác trong chiến dịch Tây Bắc(6) nhắc chúng ta: Đánh cách nào thì cũng phải tính đến khả năng bảo đảm tiếp tế. Nhiều khi gạo là Tư lệnh, là yếu tố quyết định!

Anh Văn nói: Tinh thần bộ đội là rất quan trọng, nhưng quyết tâm phải có cơ sở. Hậu cần là điều kiện tiên quyết, nhưng để giành thắng lợi, quyết định cuối cùng phải là có cách đánh đúng.

**(Còn nữa)**

*(Nguyên trưởng phòng Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh-Trưởng khoa lý luận chung Viện KHQS Bộ Quốc phòng, Phó tư lệnh tham mưu trưởng  
Binh đoàn Cửu Long)*

*(1) Thời kỳ chiến dịch ĐBP, từ Tuần Giáo đi Mường Thanh là 84km. Nay đường đã được nắn lại, chỉ còn 80km. Lối rẽ vào hang Thẩm Púa giờ là km 14,468 gần cầu Bàn Bó; lối rẽ vào SCH bản Nà Tấu ngang cây số 62 bây giờ là km 55.*

*(2) Anh Tuy năm 1956 chuyển ngành ra làm Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa, năm 1965-1990 làm Thứ trưởng Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.*

*(3) Tài liệu của phương Tây sau này cho biết: Sở dĩ địch nắm được thời gian nổ súng của ta là do thu được một số bức điện của cơ quan cung cấp mật trận.*

*(4) Năm 1994 tôi trở lại vùng này, cây ngải cứu vẫn mọc đầy nương rẫy quanh Sở chỉ huy chiến dịch năm xưa.*

*(5) Võ Tổng tư lệnh.*

*(6) Trước đợt 2 chiến dịch Tây Bắc cuối năm 1952, tuyến tiếp tế từ Mậu A vào Nghĩa Lộ không hoàn thành nhiệm vụ. Quảng đường này phải qua đèo Khâu Vác cao 1.500m, nhiều suối quanh co, bị mưa bất ngờ, đường trơn như mỡ, dân công đau ốm, một số bỏ về. Chỉ tiêu là 15 tấn/ngày mà chỉ chuyển được một nửa, có ngày chưa được một tấn.*

 TDP

## Năm ngải cứu trên đầu đồng chí Tổng tư lệnh (số 6)

Ngày 19 tháng 10 năm 2003

**(Tiếp theo số trước)**

Đồng chí Tham mưu trưởng nói: "Anh Văn cần nhắc cũng phải... Nhưng lần này, ta có ưu thế binh lực, hòa lực, có lưu pháo, cao xạ kiểm chế pháo binh và không quân địch, có kinh nghiệm của bạn, bộ đội đã qua huấn luyện, tôi thấy nếu đánh, vẫn có thể thắng".

Cuộc họp chưa kết luận được, phải tạm dừng một lát.

Khi hội nghị tiếp tục, anh Văn nói: "Tình hình khẩn trương, cần sớm có quyết định. Vô luận tình hình nào, chúng ta cũng phải nắm vững nguyên tắc cao nhất là "đánh chắc thắng". Trước khi tôi lên đường, Bác giao nhiệm vụ: "Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh". Với tinh thần trách nhiệm trước Bác và Bộ Chính trị, trước sinh mệnh của hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, tôi đề nghị các đồng chí trả lời câu hỏi: "Nếu đánh có chắc thắng trăm phần trăm không?".

Đồng chí Chủ nhiệm Chính trị nói:

- Anh Văn nêu câu hỏi thật khó trả lời. Ai dám bảo đảm là sẽ chắc thắng trăm phần trăm?

Đồng chí chủ nhiệm hậu cần nói tiếp:

- Làm sao dám bảo đảm như vậy?

- Tôi nghĩ với trận này ta phải bảo đảm chắc thắng trăm phần trăm.

Bấy giờ, đồng chí Tham mưu trưởng mới nói:

- Nếu yêu cầu phải chắc thắng trăm phần trăm thì khó...

Cuối cùng Đảng ủy đi đến nhất trí là trận đánh có thể gặp nhiều khó khăn mà ta chưa có biện pháp cụ thể để khắc phục.

Anh Văn kết luận:

- Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là: "Đánh chắc thắng", cần chuyển phương châm chiến dịch từ "Đánh nhanh, thắng nhanh" sang "Đánh chắc, tiến chắc". Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn mặt trận lui về vị trí tập kết và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm chấp hành triệt để mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới".

Lúc đó là 11 giờ trưa ngày 26-1-1954.

Sau đó anh Văn nói với anh Thái: "Tôi sẽ ra lệnh cho pháo binh và giao nhiệm vụ mới cho 308. Anh ra lệnh cho các đơn vị còn lại. Anh chỉ thị cơ quan tham mưu cho một bộ phận nhỏ, mang theo một đài vô tuyến điện đi về phía Mộc Châu, mỗi ngày lên máy mấy lần, giống cung cách làm việc của điện đài 308, điện mật xen kẽ một vài tiếng lóng, đại ý nói: "Sáng... đơn vị đã về tới... bộ đội an toàn v.v..".

Do những bức điện này mà mấy ngày đầu, địch đã tưởng 308 bỏ cuộc, đang quay về đồng bằng. Địch đặc biệt chú ý theo dõi động tĩnh của Đại đoàn 308, vì 308 đi đâu thì nơi đó có nhiều khả năng là hướng tiến công chính của chủ lực ta.

Không khí ở Sở chỉ huy chiến dịch lúc này đặc biệt sôi động, vừa phải gấp rút truyền lệnh cho các đơn vị, triển khai mọi mặt công tác chuẩn bị như làm lại từ đầu; vừa phải tự giải quyết những vấn đề tự tưởng nổi cộm lên do kế hoạch thay đổi quá đột ngột. Và cũng chính lúc này, trong ánh mắt của vị chỉ huy chiến dịch sáng lên vẻ quyết đoán và bình tĩnh lạ thường. Trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bí thư Tổng quân ủy, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận Điện Biên Phủ, nét mặt đầy tự tin, anh Văn đã có một quyết định sáng suốt và quả đoán ở giờ phút cuối cùng.

Trên toàn mặt trận, mặc dù còn có những băn khoăn, suy nghĩ khác nhau, cán bộ và chiến sĩ các đơn vị đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của anh với một niềm tin, một tinh thần kỷ luật tuyệt vời...

Giao nhiệm vụ xong cho các cơ quan và đơn vị, anh Văn viết ngay một bức thư hỏa tốc, cho một cán bộ đi xe jeep mang về hậu phương báo cáo với Bác và Bộ Chính trị về việc thay đổi phương châm chiến dịch. Ít ngày sau, đã có thư trả lời của đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh, báo tin Bộ Chính trị nhất trí cho rằng quyết định thay đổi phương châm là hoàn toàn đúng đắn. Trung ương Đảng và Chính phủ sẽ động viên toàn dân, dốc toàn lực chi viện mặt trận Điện Biên Phủ cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn.

Sau quyết định ngày 26-1, vào những ngày giáp Tết (31-1-1954), Sở chỉ huy chiến dịch chuyển vào khi vực Mường Phăng, cách trung tâm Mường Thanh theo đường chim bay gần 15km. Đây là Sở chỉ huy thứ 3 và cũng là Sở chỉ huy chính thức của chiến dịch Điện Biên Phủ. Cũng như hai Sở chỉ huy trước, đây cũng đồng thời là Sở chỉ huy tiền phương của Tổng tư lệnh. Vì tại đây, anh Văn còn chỉ đạo hoạt động tác chiến của các chiến trường Bình Trị Thiên, Liên khu 5, Tây Nguyên, Nam bộ và của quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường hai nước bạn. Đồng bằng Bắc bộ và các nhiệm vụ khác ở hậu phương do các đồng chí Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng; Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị trực tiếp chỉ đạo.

Ở khi vực Mường Phăng, đứng trên đỉnh núi gần Sở chỉ huy, qua ống nhòm, có thể nhìn rõ cánh đồng Mường Thanh và toàn cánh tập đoàn cứ điểm. Một đài quan sát đã được đặt ở đây để các đồng chí chỉ huy có thể lên trực tiếp xem xét tình hình mặt trận.

Phong cảnh thiên nhiên ở Mường Phăng thật đẹp. Hoa ban trắng bắt đầu nở rộ trên các sườn đồi. Mùa xuân đã đến! Nhưng tại mặt trận, mọi người hầu như quên Tết vì bị cuốn hút vào những công việc khẩn trương. Nói vậy, chứ không ít người cũng có những giây phút chạnh lòng nghĩ tới gia đình, vì Tết cổ truyền là những ngày đoàn tụ... Nhiều đồng chí đã 7, 8 năm không có điều kiện về ăn tết với vợ con. Cả dân tộc đang trong vòng lửa đạn...

Suốt đêm giao thừa 29 Tết<sup>(1)</sup> anh Văn thao thức theo dõi việc kéo pháo ra. Đến gần sáng, anh Phạm Ngọc Mậu gọi điện báo cáo là đã hoàn thành nhiệm vụ, toàn bộ pháo đã an toàn về vị trí. Anh Mậu không quên báo cáo với Tổng tư lệnh là đêm hôm qua, do anh Tấn<sup>(2)</sup> nhắc, do sáng kiến của anh Phạm Kiệt,<sup>(3)</sup> các đồng chí chỉ huy kéo pháo đã mừng thắng lợi và đón giao thừa bằng một "bữa tiệc tất niên", mỗi người được lưng bát chè và nửa điều thuốc lá! Anh Văn xúc động gọi lời mừng Xuân và mừng bộ đội đã lập được một kỳ tích đáng khen.

Sáng mùng 1 Tết (3-2-1954), sương lạnh còn trùm khắp núi rừng. Trời chưa sáng hẳn, nhưng tiếng pháo địch đã từ Mường Thanh vọng tới.

Sau khi sang lán tác chiến chúc Tết cơ quan tham mưu chiến dịch, anh Văn sang lán đồng chí Vi Quốc Thanh chúc Tết đoàn Cổ vấn và báo tin thắng lợi trên các chiến trường. Đây là lần thứ tư vì sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Việt Nam, các đồng chí Cổ vấn Trung Quốc phải tiếp tục ăn một cái Tết xa Tổ quốc, xa gia đình và lần này ở ngay mặt trận tại miền Tây Bắc Việt Nam xa xôi... Đồng chí Vi vui vẻ chúc mừng năm mới và những thắng lợi mới của quân và dân ta. Đồng chí cho biết: sau khi được phân tích đầy đủ về chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và ta, các Cổ vấn ở cơ quan và đơn vị đều nhất trí với chủ trương thay đổi phương châm chiến dịch. Mọi người đều bày tỏ quyết tâm đồng cam cộng khổ, đem hết trí tuệ và năng lực giúp bộ đội Việt Nam giành toàn thắng. Đồng chí đã đề nghị Quân ủy Trung ương và Bộ tổng tham mưu Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc gửi gấp những tài liệu tổng kết kinh nghiệm chiến đấu mới nhất ở Triều Tiên, nhất là kinh nghiệm xây dựng trận địa và chiến đấu đường hầm, kể cả cuốn truyện "Thượng cam lĩnh" để bộ đội Việt Nam tham khảo.

**(Còn nữa)**

*(Nguyên trường phòng Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh-Trường khoa lý luận chung Viện KHQS Bộ Quốc phòng, Phó tư lệnh tham mưu trường Binh đoàn Cửu Long)*

*(1) Âm lịch năm ấy (Quý Tỵ) 29 là ngày cuối năm, không có ngày 30.*

*(2) Khi kéo pháo ra, anh Lê Trọng Tấn-Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 được chỉ định làm chỉ huy trưởng, anh Phạm Ngọc Mậu-Chính ủy Đại đoàn công pháo 351 được chỉ định làm Chính ủy lực lượng kéo pháo.*

*(3) Anh Phạm Kiệt là một trong những người chỉ huy đội du kích Ba Tơ (Quảng Ngãi) trước Cách mạng Tháng Tám biệt danh là Tê Đơ (T2). Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, anh là Cục phó Cục bảo vệ, được anh Văn cử đi kiểm tra các trận địa pháo trước ngày 26-1. Chính anh là người báo cáo rằng: Pháo bố trí theo kiểu đã chiến như vậy là không bảo đảm an toàn.*

## Nắm giải cứu trên đầu đồng chí Tổng tư lệnh (số 7)

Ngày 19 tháng 10 năm 2003

Những ngày đầu xuân Giáp Ngọ cũng là những ngày các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai mọi mặt công tác chuẩn bị chiến dịch theo phương châm mới. Xung quanh Điện Biên Phủ là cả một công trường lao động không lờ, tấp nập ngày đêm. Các trận chiến đấu nhỏ vẫn diễn ra trên các hướng: địch nống ra, ta phản kích đẩy lùi chúng để giữ vững các điểm cao khống chế.

Từ khi bước vào chiến cuộc Đông-Xuân, trên các chiến trường phối hợp, các đòn tiến công chiến lược đã được thực hiện đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt. Ở Trung Lào, Hạ Lào và Bắc Tây Nguyên, ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, buộc địch phải tiếp tục phân tán lực lượng, lập thêm tập đoàn cứ điểm, hòng chặn đà tiến công của chủ lực ta. Ở đồng bằng Bắc bộ, Bình Trị Thiên, cực Nam Trung bộ và Nam bộ, chiến tranh du kích phát triển mạnh chưa từng thấy, tiêu hao, tiêu diệt và kiểm chế lực lượng địch, làm rối loạn hậu phương của chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lực ta vây hãm và tiến công địch ở Điện Biên Phủ. Trong các hoạt động phối hợp đó, riêng Đại đoàn 308 đã thực hiện một nhiệm vụ ngoài dự kiến ban đầu, bất ngờ mở cuộc tiến công chiến lược sang Thượng Lào, sau khi rút khỏi trận địa phía tây Điện Biên Phủ ngay chiều 26-1, chỉ mấy giờ sau khi Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ nhận lệnh qua điện thoại của anh Văn. Mặc dù khi xuất quân, tình hình địch và địa hình đều chưa nắm chắc, trên lưng mỗi chiến sĩ chỉ còn hai ngày gạo, nhưng Đại đoàn đã chấp hành mệnh lệnh vô điều kiện, vượt suối băng rừng và những dãy núi đá tai mèo sắc nhọn, liên tục tiến công, truy kích và tiêu diệt địch, giải phóng

một vùng rộng lớn dọc sông Nậm Hu, uy hiếp thủ đô Luang Prabang. “Đòn tiến công chiến lược thứ tư” theo sáng kiến của anh Văn và do Đại đoàn thực hiện thành công đã có nhiều tác dụng: đánh lạc hướng phán đoán của Bộ chỉ huy quân đội Pháp, buộc địch phải tiếp tục phân tán binh lực lên thủ đô nước Lào và Mường Sai; phá vỡ phòng tuyến sông Nậm Hu, làm cho quân địch ở Điện Biên Phủ càng thêm cô lập. Đại đoàn còn thu hút được không quân địch về hướng Thượng Lào, buộc chúng phải lập thêm cầu hàng không Hà Nội - Luang Prabang, giảm bớt khó khăn cho bộ đội ta ở Điện Biên Phủ khi lui quân và kéo pháo ra, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xúc tiến công tác chuẩn bị chiến dịch theo phương châm mới.

Tính đến ngày 18-2-1954, khi Đại đoàn 308 được lệnh trở lại Điện Biên Phủ thì trên chiến trường toàn Đông Dương, ta đã điều động phần lớn lực lượng cơ động chiến lược của địch theo ý định của ta, gồm 48 tiểu đoàn dù và bộ binh tinh nhuệ, buộc Na-va phải lần lượt tổ chức thành 7 “con nhím” ở các chiến trường Tây Bắc, Trung-Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên rồi Thượng Lào. (Điện Biên Phủ: 12 tiểu đoàn(1), Xê Nô: 10, Pắcxê: 4, Pleiku: 11, An Khê: 3, Luang Prabang: 5, Mường Xai: 3). Trong các “con nhím” đó, Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhất mà cả Pháp lẫn Mỹ đều coi là “pháo đài bất khả xâm phạm”.

Các cuộc tiến công thắng lợi của ta đã làm cho kế hoạch của Nava bị đảo lộn và bắt đầu phá sản. Nhưng đến tháng 3-1954, thấy quân ta vẫn chưa tiến công Điện Biên Phủ, Nava cho rằng: “Ngọn trào tiến công của Việt Minh đã đến đỉnh cao và bắt đầu tàn lụi. Quân đội Pháp, mặc dù có những tổn thất nhất định, nhưng bằng hình thái phòng ngự tập đoàn cứ điểm, đã kịp thời chặn đứng được các mũi tiến công lớn của chủ lực Việt Minh. Đối phương không đánh được, tất phải sớm quay về, quân đội Pháp sẽ chiếm lại các vùng bị mất”. Với nhận định chủ quan đó, y chủ trương giành lại quyền chủ động, tiếp tục cuộc tiến công chiến lược ở miền Nam. Ngày 12-3-1954, với một binh lực tập trung tương đối lớn, Nava cho quân đổ bộ lên Quy Nhơn, tiếp tục chiến dịch chiếm khu 5 mang tên Át Lãng (Adlande). Y không ngờ rằng, chỉ một ngày sau, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã bị chìm trong bão lửa.

Về phía ta, với hơn một tháng rưỡi chuẩn bị thêm theo phương châm đánh chắc, tiến chắc, ta đã làm được rất nhiều công việc: Làm hơn 60 km đường cho xe cơ giới kéo pháo vào trận địa, xây dựng trận địa kiên cố cho các loại pháo, đặc biệt là lựu pháo 105 ly (có bệ bắn, có hầm ẩn nấp đủ sức chịu đựng đạn pháo 105, 155 ly, kể cả đạn xuyên); xây dựng trận địa bao vây và xuất phát tiến công, xuất phát xung phong cho bộ binh; chuẩn bị hậu cần cho một chiến dịch dài ngày... Chiều và đêm 13-3-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu bằng một chiến thắng giòn giã: sau hơn 5 giờ chiến đấu quyết liệt, ta tiêu diệt hoàn toàn trung tâm đề kháng Him Lam ở phía Đông Bắc Mường Thanh. Cụm cứ điểm này do một tiểu đoàn lê dương phòng thủ trên 3 điểm cao kiên cố, được bao quanh bằng hệ thống mìn và dây thép gai dày đặc.

Đại đoàn 312 có vinh dự lớn lập công đầu. Anh Văn cử anh Cao Pha xuống đơn vị để khai thác tù binh, nắm thêm tình hình địch. Đến Sờ chỉ huy Đại đoàn, anh Tấn mang đồ hộp và rượu chiến lợi phẩm ra “chiêu đãi” và vui vẻ nói: “Ăn uống thoải mái đi cậu ạ! Để mừng thắng lợi trận đầu chiến dịch, mừng cả Đại đoàn và mừng riêng cho “tớ”! Nhớ lại hôm cậu được cử đi theo mũi đột kích của 312 theo phương án đánh nhanh, nếu không có quyết định ngày 26 tháng giêng thì đơn vị mình đã “phơi áo”. Và mình cũng “về theo các cụ” ở ngang Bản Kéo hay sân bay rồi! Còn đâu để gặp cậu hôm nay”.

Tiếp theo chiến thắng Him Lam, ta tiêu diệt đồi Độc Lập và bức hàng Bản Kéo. Chỉ sau 5 ngày chiến đấu, cánh cửa phía Bắc tập đoàn cứ điểm đã được mở toang. Lần đầu xuất trận, lựu pháo 105 của ta đã bắn rất chính xác, phối hợp chặt chẽ với bộ binh tiêu diệt địch. Đạn pháo đã rớt trúng sở chỉ huy Him Lam, giết chết thiếu tá tiểu đoàn trưởng Pêgô (Pegaux) cùng ba sĩ quan và phá hỏng điện đài, khiến Him Lam mất liên lạc với Mường Thanh ngay từ đầu trận đánh. Lựu pháo cũng đã bắn trúng sở chỉ huy phân khu trung tâm, giết chết trung tá Gôxê (Gaucher), chỉ huy trưởng phân khu và một số sĩ quan. Ở sân bay Mường Thanh, pháo ta đã làm cháy một kho xăng, phá hỏng 6 máy bay chiến đấu và nhiều đoạn đường băng. Bắn vào trận địa pháo binh địch, ta phá hỏng 12 khẩu trọng pháo và súng cối lớn. Trong đêm 13-3, sau khi hoàn hồn, pháo địch đã bắn 6 ngàn viên đạn xuống Him Lam và những nơi nghi là trận địa pháo binh ta, nhưng Him Lam vẫn thất thủ và pháo của ta vẫn an toàn, địch không sao phát hiện được. Không làm “cầm hơng được pháo binh Việt

Minh" như đã tuyên bố trước khi vào trận đánh, để tập đoàn cứ điểm bị tổn thất quá nặng, đại tá Pirót (Piroth), Tư lệnh phó chỉ huy trường pháo binh đã tự sát bằng một quả lựu đạn vào sáng 15-3-1954, sau khi không ngăn cản được quân ta tiêu diệt đồi Độc Lập.

Thắng lợi của đợt một chiến dịch và cái chết của Pirót chứng tỏ ta đã tìm ra cách đánh đúng. Dù kẻ địch đã hết sức đề phòng, chúng vẫn không tránh khỏi bị tiêu diệt. Pháo binh địch đã tỏ ra bất lực trước pháo binh ta! Tiếp tục quán triệt phương châm đánh chắc, tiến chắc, để chuẩn bị cho đợt 2, anh Văn cùng Đảng ủy Mặt trận đề ra 3 nhiệm vụ cho các đơn vị:

1. Nhanh chóng tiếp cận, bao vây địch bằng một hệ thống trận địa tiến công và bao vây vững chắc, trong tầm bắn có hiệu quả của tất cả các loại pháo, súng lớn nhỏ của ta; chia cắt phân khu Hồng Cúm với phân khu Trung tâm của địch.

2. Theo nguyên tắc bảo đảm chắc thắng, tiếp tục diệt thêm một số cứ điểm ở ngoại vi tập đoàn cứ điểm.

3. Không chế có hiệu quả cả hai sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm; chuẩn bị đánh địch phản kích; tăng cường các hoạt động tiêu hao, quấy rối.

Trong 3 nhiệm vụ trên, xây dựng trận địa tiến công và bao vây là quan trọng nhất. Đồng chí Vi Quốc Thanh và đoàn Cố vấn đã nhiệt tình giới thiệu kinh nghiệm của bạn và hướng dẫn cụ thể cho cán bộ ta.

Chúng ta đã xây dựng hai loại đường hào: Một là đường hào trục dùng cho việc cơ động bộ đội, cơ động pháo, vận chuyển thương binh, hình thành một đường vòng rộng bao quanh trận địa địch ở phân khu Trung tâm. Hai là đường hào tiếp cận của bộ binh, xuất phát từ vị trí trú quân của các đơn vị trong rừng rồi đổ ra cánh đồng, cắt ngang đường hào trục, tiến vào những vị trí địch mà ta định tiến công tiêu diệt. Dọc đường hào bộ binh, có hố phòng pháo, hầm trú ẩn, chiến hào và ụ súng để đối phó với những cuộc tiến công của đối phương.

Các loại hào phải có độ sâu 1,7m, đáy hào trục rộng 1,2m, đáy hào bộ binh rộng 0,5m. Về chiều dài, lúc đầu ước tính trên bản đồ khoảng 100km, nhưng trong quá trình chiến dịch, bộ đội ta đã đào đến hơn 200km đường hào. Phải lao động cật lực, khoảng 14 đến 18 tiếng mỗi ngày, khắc phục vô vàn trở ngại!

Việc xây dựng trận địa phải tiến hành chủ yếu vào ban đêm, đào đến đâu nguy trang đến đấy và phải triển khai cùng một lúc trên toàn mặt trận để phân tán sự chống phá của địch. Nhưng khi các đường hào đã vươn dài hàng chục km trên cánh đồng thì không còn cách nào che mắt được kẻ thù! Chúng đã dùng pháo binh và không quân bắn phá ngày đêm, đưa quân ra những trận địa ở gần để san lấp và gài mìn, ngăn quân ta đào tiếp. Từ đây mỗi mét đường hào từ đó không chỉ phải đổ mồ hôi mà cả bằng xương máu!

**(Còn nữa)**

*(Nguyên trưởng phòng Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh-Trưởng khoa lý luận chung Viện KHQS Bộ Quốc phòng, Phó tư lệnh tham mưu trưởng Binh đoàn Cửu Long)*

*(1) Khi bắt đầu chiến dịch, địch có ở Điện Biên Phủ 12 tiểu đoàn bộ binh và dù, về sau tăng thêm 5, chưa kể 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh và 10 đại đội lê.*

 TOP

## Năm ngải cứu trên đầu đồng chí Tổng tư lệnh (số 8)

Ngày 20 tháng 10 năm 2003

**(Tiếp theo số trước)**

Sau khi nghe báo cáo về tình hình xây dựng trận địa, ngày 20-3-1954, anh Văn viết một thư thân mật gửi bộ đội ta với sự khốn quẫn và khó khăn gấp 10 lần của địch bị vây hãm trong tập đoàn cứ điểm. Anh động viên khắc phục khó khăn, chiến đấu anh dũng của quân đội ta để xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc trận địa sắp tới. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, anh Văn đã 4 lần viết thư cho bộ đội trước khi bắt tay vào nhiệm vụ m khiến quan hệ giữa người chỉ huy và chiến sĩ vô cùng gắn bó. Nhà văn Nguyễn Đình Thi từng tham gia chiến dịch để tiên thâm nhập thực tế. sau này đã nói với tôi: "Một vi Tổng tư lệnh viết thư tâm tình với cán bộ và chiến sĩ

đội Cụ Hồ, và cũng là điều hiếm thấy trong chiến tranh các nước”.

Hạ tuần tháng ba, để đảm bảo an toàn cho Sở chỉ huy Mường Phăng trong một chiến dịch dài ngày, ác liệt xuyên một ngọn đồi. Sau đó mở rộng ở đoạn giữa, làm thành mấy phòng đủ bố trí nơi hội họp, phòng tác chiến, từng cây gỗ tròn chắc nịch để đủ sức chống bom, chống pháo. Do các đơn vị công binh phải ưu tiên đi bảo đảm vừa gác vừa đào hầm, thế mà hầm Sở chỉ huy vẫn khang trang, vững chắc. Gần cửa hầm phía Đông là lán ở và làm việc của anh Thái. Anh Liêm và các đồng chí bạn cũng có lán ở và làm việc như vậy, bên cạnh có hầm trán lớn của Sở chỉ huy.

Một sáng cuối tháng 3-1954, anh Văn gọi tôi lên làm việc rồi mời cùng ăn bữa Đọan Hùng của đồng bào bảo đảm giúp anh mấy lỗ trên mảnh đất rừng cạnh lán, để anh thử gieo hạt bưởi xem sao... Bốn mươi năm sau Phăng thì cạnh lán người chỉ huy chiến dịch năm xưa, đã mọc lên 3 cây bưởi. Một cây đã bị chặt nhưng còn gốc sè, quả khá ngọt nhưng không to lắm vì bị tán cây rừng che mát một phần ánh nắng.

Như vậy là, qua thử thách của thời gian, của gió núi mưa rừng và sự chèn ép của các loại cỏ dại, máy cày. Thiết nghĩ, đây cũng có thể coi là một di tích của Sở chỉ huy chiến dịch, nếu không bảo tồn và chăm sóc thì 18 giờ ngày 30-3-1954, quân ta bắt đầu mở đợt tiến công thứ hai. Nhiệm vụ của đợt này là đánh chiếm các ngòi, thất chặt vòng vây, từng bước thu hẹp phạm vi chiếm đóng và vùng trời của địch.

Đây là đợt đánh dài ngày và ác liệt nhất của chiến dịch. Qua nhiều ngày đêm giành đi giật lại quyết liệt nhưng chỉ chiếm được một nửa đồi A1. Đồi C1 được đánh chiếm hoàn toàn đêm 30-3, đến sáng ngày 9/4, địch diễn trong 4 ngày đêm; cuối cùng mỗi bên chiếm giữ một nửa. Ở mặt trận phía Tây, đêm 1-4 quân ta dựa vào chiến thuật đánh lán, chiếm cứ điểm 106 ở phía Tây sân bay, tiêu diệt một đại đội lê dương. Đêm 2-4 dũng sĩ ta số lính Âu Phi. Vị trí 311 bị uy hiếp, một bộ phận địch ra hàng, một bộ phận rút chạy. Đêm 4-4 ta tiến công cứ điểm thành công. Vận dụng và phát triển kinh nghiệm đánh lán, đêm 18-4 ta tiêu diệt được cứ điểm này và đêm 22-4 Sau những thắng lợi đó, trận địa của ta từ phía Đông, phía Tây và phía Bắc tiến vào, như con bạch tuộc vươn v được với nhau, cắt ngang và đánh chiếm sân bay trung tâm, quân địch liên tiếp tổ chức phản kích dữ dội, có xe thất bại.

Đến hạ tuần tháng 4, phạm vi đóng quân của địch ở khu trung tâm ngày càng bị thu hẹp, mỗi chiều chỉ trong tầm bắn của các cỡ hỏa lực ta. Các trận địa cao xạ ta được chuyển xuống cánh đồng, thu hẹp và không c đánh phản kích là phong trào thi đua bắn tỉa của các chiến sĩ súng trường, súng máy, súng cối, pháo binh..., làm

Sau khi sân bay bị chiếm, địch chỉ còn cách tiếp tế, tiếp viện duy nhất là thả dù. Nhưng vì vùng đất và vùng cao xạ ta bắn trúng, nên một bộ phận ngày càng lớn dù tiếp tế đã rơi vào trận địa ta. Ta đã tranh đoạt tiếp tế v c chỗ. Một số lính nhảy dù đã bị bắt sống ngay từ khi chạm đất. Địch đã huy động 2/3 máy bay chiến đấu và 100% Điện Biên Phủ, không kể những phi đội máy bay C119 của Mỹ. Có ngày chúng đã xuất kích 250 lần chiếc máy bom bi, bom bướm bướm, bom nổ chậm, bom na-pan xuống trận địa ta. Nhưng những cố gắng của không quân

Ở mặt trận phía Nam, phân khu Hồng Cúm (Isabelle) của địch có một lực lượng khá mạnh với 2.000 qu một Trung đoàn làm nhiệm vụ kiểm chế, nhưng trận địa tiến công và bao vây vẫn ngày càng xiết chặt. Từ đầu rào của địch, vươn tới các lô cốt tiền duyên. Địch đã nhiều lần phản kích giải tỏa nhưng đều thất bại, với hơn 20 Trung đoàn đã thu được khoảng 60 tấn hàng gồm đạn pháo, cối, đồ hộp, thuốc men... trong đó có 600 viên đạn

Đợt tiến công thứ hai đã thu nhiều thắng lợi nhưng ta chưa hoàn toàn đánh chiếm được A1 và C1, là l Chiến dịch phải kéo dài. Máy bay Pháp và Mỹ tăng cường đánh phá các tuyến đường tiếp vận của ta. Rồi nhữ mặt trận gặp khó khăn nghiêm trọng. Trên vách liếp lán làm việc của anh Văn, ngoài bản đồ Điện Biên Phủ, b theo dõi tình hình tiếp tế gạo, đạn hằng ngày cho mặt trận. Một buổi sáng trung tuần tháng 4, đường chỉ đỏ trên trước gạo nhập kho chiến dịch chưa đầy 1 tấn! Về đạn pháo 105 ly, tuy đã có thêm nguồn bổ sung tại chỗ do đíc Bộ binh rất tin tưởng pháo nên hay yêu cầu bắn chi viện. Bộ chỉ huy chiến dịch giáo dục ý thức tiết kiệm, chống t đạn pháo: xin bắn trên 3 viên phải có ý kiến của Tham mưu trưởng, trên 10 viên phải có sự phê chuẩn của Tổng

Anh Văn phải tạm giao việc chỉ huy tác chiến cho anh Thái, dành liền mấy ngày để chỉ đạo công tác h đưa nhanh gạo, đạn ra chiến trường. Anh viết gấp một điện khẩn báo cáo Bác và Trung ương. Đồng chí Trường viên sức người sức của cho tiền tuyến. Đã tạm thời đình chỉ các lớp huấn luyện, cho cán bộ về các địa phương trận.

(Còn nữa)

*(Nguyên trường phòng Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh-Trường khoa lý luận chung Viện KHQS Bộ Quốc phòng, Phó tư lệnh tham mưu trưởng Binh đoàn Cửu Long)*

*(1) Đánh lán là sáng tạo đầu tiên của Trung đoàn 36 đại đoàn 308. Bộ đội ta dùng những "con cúi" bện bằng rơm bảo đảm an toàn cho những người ở phía sau đào chiến hào lán dần về phía địch. Đến cự ly thích hợp, ta dùng l phá dần từng mảng vật cản, thậm chí đảo hầm xuyên qua hàng rào kẽm gai và bãi mìn của địch, rồi bất ngờ n khiến kẻ địch trở tay không kịp.*

## Nắm giải cứu trên đầu đồng chí Tổng Tư lệnh (số 9)

Ngày 21 tháng 10 năm 2003

Mùa mưa năm 1954 hình như đến sớm. Ngoài việc gây trở ngại lớn cho công tác tiếp vận, mưa xuống cứ vất vả vô cùng. Theo báo cáo của các đơn vị, của anh Lê Quảng Ba, Đại đoàn trưởng 316 và nhất là của anh Vũ các giao thông hào và chiến hào đã ngập nước. Nhiều chỗ bùn nhão, bước ngập tới ngang ống chân. Những h ẩm ướt. Mùi bùn tanh tươi, mùi rễ cây ri nhựa hăng nồng, quặng lẫn mùi mồ hôi và thuốc súng, tạo nên một mùi ' đội hơn, không khí chiến trường oi ả, ngột ngạt. Bộ đội dễ sinh bệnh tật, nhất là sau hơn 4 tháng lao động và chi

Tại Sở chỉ huy, đêm đêm mỗi khi nghe tiếng sấm, anh Văn ra khỏi lán, thấy những đám mây đen ùn lên thức bồn chồn, không sao ngủ được. Anh lo gạo, đạn lại không lên kịp, anh thương cán bộ, chiến sĩ đang bị b đang nằm trong những căn hầm ẩm thấp... Rồi những biểu hiện tư tưởng hữu khuynh tiêu cực xuất hiện, như r chủ quan khinh địch. Tuy không một ai trong lãnh đạo cũng như đội ngũ cán bộ "bị Mỹ đe dọa ném bom nguy "Trước khi nước lũ dâng cao, rút thật nhanh bộ đội ra khỏi Điện Biên Phủ" như mấy cuốn sách nước ngoài đã v trên cũng cực kỳ quyết liệt.

Như vậy là quyết định ngày 26-1-1954, tuy đã được thực tiễn chứng minh là đúng qua những trận thắng l thách cực kỳ to lớn.

Sau khi đi sâu chỉ đạo giải quyết cụ thể các vấn đề tồn tại về chiến thuật kỹ thuật, về bảo đảm tiếp tế, c rộng chống hữu khuynh tiêu cực, anh Văn cùng Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định mở đợt tiến công t mọi mặt, đợt tiến công phát triển thuận lợi. Đồi A1 trước cũng định đánh vào đêm đầu. Nhưng do phải chờ cơn phía Đông vào dưới hầm ngầm của địch để đặt gần 1.000 cân thuốc nổ, nên đến đêm 6-5 mới đánh.

8 giờ tối ngày 6-5-1954, tôi đang lấy tin trong hầm tác chiến thì anh Văn đến. Sau khi nghe báo cáo tình để ra mệnh lệnh tiến công. Anh cầm bút viết:

Mệnh lệnh:

1. Thời gian quy định đúng 8 giờ 30, không được chậm.
2. Đến 8 giờ 30 thì:
  - a) Đồi A1 bộc phá.
  - b) Pháo và H6<sup>(1)</sup> bắn tập kích lần thứ nhất.
  - c) Bộ binh các hướng đều xung phong.
  - d) Hang Càng<sup>(2)</sup> lập tức chế áp pháo địch.
3. Các nơi phải lấy giờ cho đúng.

8 giờ 15

Ngọc<sup>(3)</sup>

Anh chú thích thêm vào bên cạnh: Thời gian trên nhất định phải giữ cho đúng để thực hiện bộ pháo hiệp Tôi đưa sổ cho trực ban tác chiến truyền đạt mệnh lệnh cho các đơn vị.

Ta dự định dùng tiếng nổ của bộc phá đồi A1 làm hiệu lệnh nổ súng chung cho toàn mặt trận. Nhưng đã điện thoại hỏi đơn vị thì hóa ra bộc phá đã nổ, nhưng vì ở sâu trong lòng đất nên tiếng vang không lớn. Lợi dụng 1.000 cân thuốc nổ, bộ binh ta từ nhiều hướng đánh lên đồi A1, tiêu diệt toàn bộ tiểu đoàn lê dương, bắt sống c giờ, đánh chiếm các vị trí còn lại trên dãy đồi phía Đông, ở phía Bắc cầu Mường Thanh. Đại đoàn 308 đã đánh 300m.

Cùng với các đồng chí khác theo dõi cuộc chiến đấu suốt đêm 6-5 trong hầm tác chiến, anh Văn thờ phà 36 ngày đêm chiến đấu, qua 4 lần tiến công đồi A1, quân ta đã giành toàn thắng trên cao điểm cuối cùng. Vị trí N bị tiêu diệt. Thắng lợi cuối cùng đã ở trong tầm tay.

Sáng ngày 7-5, mặc dầu thấm mệt, anh Văn, anh Thái vẫn nán lại ở hầm tác chiến, chỉ thị cho quân b. Trước đó ta được tin: sau khi kế hoạch mang tên "Cuộc hành binh chim kền kền"<sup>(5)</sup> không thực hiện được, Na Thượng Lào tiến lên phối hợp với tàn quân Đờ Cát phá vây, mở một đường máu rút chạy.

Anh Văn trực tiếp gọi điện thoại, lệnh cho chỉ huy các Đại đoàn phải bao vây thật chặt, không để một tề nhiệm vụ trong đêm được tiếp tục đánh ban ngày.

14 giờ 30, anh Văn hội ý với đồng chí Vi: Tranh thủ lúc địch đang rối loạn, ra lệnh ngay cho các đơn vị đ 17 giờ 30, Đại đoàn 312 báo cáo về, toàn bộ địch trong phân khu trung tâm đã đầu hàng. Đã bắt sống c vốn rất nghiêm mật, bỗng sôi động hẳn lên, tiếng reo hò vang dội. Nhưng gương mặt anh Văn vẫn chưa lộ vẻ v

- Có đúng là đã bắt được Đờ Cát hay không?

- Báo cáo anh, anh em báo cáo lên là đã bắt được.

- Căn cứ vào đâu mà biết nó đúng là Đờ Cát?  
Cả anh Tấn và các anh lãnh đạo Đại đoàn đều chưa trả lời được. Anh Văn chỉ thị:  
- Phải bắt cho được Đờ Cát. Không để địch đánh tráo chỉ huy. Đề phòng nó đưa tên khác ra thay, còn rảnh trên căn cứ. Phải kiểm tra cấp hiệu, phù hiệu. Anh Tấn và các anh chỉ huy, lãnh đạo Đại đoàn phải chịu trách nhiệm của Đờ Cát không?

Đơn vị trả lời không có. Anh Văn nói với anh Thái cho một cán bộ đi xe jeep xuống ngay Đại đoàn 312, 1 Theo dõi mặt trận phía Nam, sau khi nghe anh Lê Chương và anh Nam Long báo cáo, anh Văn lệnh cho hợp với Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 tiêu diệt, bắt sống toàn bộ quân địch, không cho chúng chạy thoát về Thượng Suốt chiều hôm đó, tôi luôn ở cạnh anh Văn. Anh bảo tôi điện giục 312 báo cáo nhanh về việc bắt Đờ Cát. Lát sau, anh Tấn gọi dây nói báo cáo đúng là đã bắt được Đờ Cát cùng toàn bộ Bộ tham mưu tập đoàn người với anh, kiểm tra kỹ giấy tờ và chữ ký của y.

Anh Văn cẩn thận hỏi lại:  
- Đồng chí đã tận mắt nhìn thấy Đờ Cát chưa?  
- Báo cáo anh, Đờ Cát đã được dẫn về Sở chỉ huy Đại đoàn, hiện đang đứng trước mặt tôi cùng với các đồng chí cầm can và đội mũ đỏ.

Đến lúc này, anh Văn mới thực sự yên tâm. Anh phấn khởi nói:  
- Chúc mừng các đồng chí! Tôi sẽ điện ngay về báo cáo với Bác, với Trung ương và Chính phủ!  
Anh chỉ thị cho Ban Tuyên huấn mặt trận thảo gấp một bản thông cáo đặc biệt đưa anh sửa chữa bổ sung. Đồng thời báo ngay tin địch ở Mường Thanh đầu hàng cho các đơn vị bộ đội và dân công ở phía sau qua đường. Cuộc chiến đấu ở Mường Thanh đã kết thúc, nhưng anh còn phải cùng anh Thái chỉ huy bộ đội tiêu diệt thống loa địch vận, ta kêu gọi chúng đầu hàng và sẽ được đối xử tử tế. Nhưng địch vẫn ngoan cố tìm cách tháo 8 giờ đêm ngày 7-5, bộ phận truy kích thuộc Trung đoàn 57 báo cáo đã bắt gặp địch. 12 giờ đêm, anh l toàn bộ 2.000 địch ở Hồng Cúm, kể cả tên chỉ huy là Đại tá La-lăng (Lalande).

Thế là sau 55 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, chiến dịch Điện Biên Phủ đã toàn thắng: Sự phản kích và thay đổi phương châm và cách đánh chiến dịch ngày 26-1 của anh Văn là hoàn toàn đúng đắn. Kế hoạch Na-va Đã quá khuya và quá mệt sau 1 ngày và 2 đêm căng thẳng, anh nở một nụ cười rạng rỡ rồi ngã mình th Tôi tiếc rằng mình không phải là nhà văn để miêu tả lại thật hay những phút giây hân hoan và xúc động 26 tháng 1, tuy mệt mỏi nhưng gương mặt vẫn cương nghị trước khi hạ một quyết tâm táo bạo, kịp thời. Tôi nh tập trung suy nghĩ; nhớ những đêm anh thao thức vì trời đổ mưa to, sấm chớp đầy trời ...

Tiếng chuông điện thoại cắt đứt dòng cảm xúc của tôi. Đồng chí Vi gọi điện: "Chúc mừng Võ Tổng và cá (Còn nữa)

1. H6 là mặt danh của hòa tiễn 6 nòng do Trung Quốc vừa viện trợ.
2. Tên Hồng Cúm.
3. Bí danh anh Văn trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
4. 20 năm sau, tôi đã đưa anh Văn xem lại bản mệnh lệnh này. Anh chỉ thị cho sao chụp để đưa Bảo tàng Quân
5. Opération Vautour: chủ trương dùng không quân Mỹ ném bom nguyên tử xuống Điện Biên Phủ để cứu nguy c
6. Opération Albatros.



## Nắm ngải cứu trên đầu đồng chí Tổng tư lệnh (số 10)

Ngày 22 tháng 10 năm 2003

Anh Văn trả lời: "Chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí Vi, các đồng chí Cố vấn và nhân dân Trung Quốc!"

Lời cảm ơn của anh Văn rất chân thực: Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ở cơ quan chỉ huy cũng như ở các Đại đoàn, trước cũng như sau khi thay đổi phương châm chiến dịch, các bạn Trung Quốc đã giúp đỡ ta một cách tích cực, nhiệt tình. Bạn coi cuộc chiến đấu của ta cũng như của bạn, không nề gian khổ. Bạn đã giới thiệu cho ta kinh nghiệm chiến đấu của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc trong chiến dịch vây hãm quân Tưởng ở Hoài Hải, của Quân chí nguyện Trung Quốc ở Triều Tiên, đặc biệt là kinh nghiệm xây dựng công sự trận địa... Bộ đội ta đã vận dụng những kinh nghiệm đó một cách sáng tạo. Trong toàn chiến dịch, cùng 24 khẩu pháo, Trung Quốc đã viện trợ cho ta 3.600 viên đạn pháo 105 ly, chiếm 18% tổng số đạn tiêu thụ trên mặt trận.(1) Bạn đã giúp ta 1.700 tấn lương thực, chiếm 10,6% tổng số gạo dùng trong chiến dịch. Tỷ lệ không cao, nhưng nghĩa tình rất sâu nặng. Chiến

tranh Triều Tiên vừa kết thúc, bạn còn nhiều khó khăn. Đây là số gạo từ Vân Nam chuyển đến bản Nậm Cúm ở sát biên giới với Lai Châu. Ta đã kết hợp đường bộ với đường sông, dùng gồng gánh, dùng thuyền, dùng mảng vượt qua 102 ghềnh thác chở về Điện Biên Phủ trong tháng 4 năm 1954. Trong những ngày cuối chiến dịch, cùng với một tiểu đoàn pháo DKZ 75 ly, một tiểu đoàn gồm 12 giàn hỏa tiễn sáu nòng do các bạn Trung Quốc trang bị và huấn luyện cũng đã kịp đưa lên mặt trận, tham gia vào trận cấp tập hỏa lực đêm 6-5. Mặc dù độ tàn sát còn cao, nhưng đuôi lửa, tiếng rít và tiếng nổ dữ dội của loại vũ khí mới này đã làm tăng thêm nỗi kinh hoàng của quân địch vốn đã kiệt sức và tuyệt vọng sau 54 ngày đêm chiến đấu.

Hôm sau, mồng 8 tháng 5, tại Mường Phăng, cơ quan Hậu cần tổ chức một bữa "tiệc" bánh cuốn với rượu vang chiến lợi phẩm để ăn mừng chiến thắng. Hai đồng chí Vi Quốc Thanh, Mai Gia Sinh và một số Cố vấn cùng dự liên hoan với Bộ chỉ huy chiến dịch. Anh Văn đã cùng đồng chí Vi hân hoan nâng cốc chúc mừng thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ và chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 chúc mừng tình hữu nghị chiến đấu giữa hai Đảng, nhân dân và quân đội hai nước anh em ...

Đĩ nhiên chiến thắng Điện Biên Phủ trước hết là chiến thắng của ý chí và trí tuệ Việt Nam, của những người trực tiếp chiến đấu và đổ máu trên chiến trường, của toàn dân ta ở hậu phương đã dốc sức chi viện cho tiền tuyến. Sự viện trợ quý báu về vật chất và kinh nghiệm của Trung Quốc, Liên Xô và các nước anh em, sự đồng tình ủng hộ của Đảng Cộng sản và nhân dân lao động Pháp, của nhân dân tiến bộ toàn thế giới tuy không phải là quyết định nhưng là yếu tố vô cùng quan trọng. Phát huy sức mạnh của toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại luôn luôn là bài học thắng lợi của cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam.

\*  
\* \*

35 năm sau, trong hồi ký về Điện Biên Phủ, anh Văn coi quyết định ngày 26-1-1954 thay đổi phương châm và cách đánh chiến dịch là quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình. Tôi nghĩ: Đây là một quyết định lịch sử trong một chiến dịch lịch sử.

Bằng quyết định đó, anh đã đưa mọi người trở về với chủ trương đúng đắn ban đầu của tập thể Tổng quân ủy trong tờ trình gửi lên Bộ Chính trị ngày 6-12-1953. Anh đã trải qua một quá trình cân nhắc thận trọng, xử lý khôn khéo và kiên trì thuyết phục để vừa giữ vững nguyên tắc, vừa bảo đảm đoàn kết nhất trí cao trong lãnh đạo trước khi bước vào một trận đánh một mất một còn với địch.

Bằng quyết định đó, ta đã không chấp nhận một trận quyết chiến để phân thắng bại trong 3 đêm 2 ngày với một đội quân tinh nhuệ và thiện chiến của địch, khi chúng còn sung sức, lại có ưu thế về trang bị kỹ thuật, đặc biệt là không quân và pháo binh, điều mà cả Đờ Cát, Cô-nhi và Na-va đều mong đợi để chúng có cơ hội "nghiền nát chủ lực Việt Minh"!

Làm sao có thể tiêu diệt nhanh gọn cả một tập đoàn 49 cứ điểm với trên 16 ngàn quân, khi mà diễn biến thực tế của chiến dịch đã chứng minh: chỉ riêng một ngọn đồi A1 ta đã phải trải qua 36 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, với thương vong không ít!

Bằng quyết định thay đổi phương châm và cách đánh, ta đã chủ động chuyển sang vây hãm dài ngày, nhằm từng bước triệt đường tiếp viện, tiếp tế của địch cả trên bộ và trên không, rồi tập trung binh lực, hỏa lực, lần lượt tiến công tiêu diệt từng trung tâm đề kháng, để bảo đảm chắc thắng trong từng trận. Ta đã làm cho lực lượng của tập đoàn cứ điểm ngày càng tổn thất tiêu hao, khó khăn ngày càng chồng chất, ý chí chiến đấu của địch ngày càng sa sút để cuối cùng hoàn toàn đánh gục chúng khi quân số chúng vẫn còn đông, lập nên một chiến công lịch sử!

Chiến công lịch sử đó đánh dấu bước tiến nhảy vọt về khả năng chiến đấu của quân đội ta: từ chỗ chỉ tiêu diệt được từng tiểu đoàn hoặc tiểu đoàn tăng cường của địch phòng ngự trong từng cụm cứ điểm riêng lẻ, tiến lên tiêu diệt hơn 20 tiểu đoàn quân tinh nhuệ của chúng trong một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Ký giả Rôbe Ghilain đã viết: "Ngay cả trong đại chiến thứ hai vừa qua, quân đội Pháp cũng chưa bao giờ dựng lên một hệ thống phòng ngự đã chiến lớn mạnh như ở Điện Biên Phủ (Robert Guillaín: "La fin des illusions-Hết ảo tưởng). Ta đã đánh bại hình thức phòng ngự cao nhất của quân viễn chinh xâm lược Pháp, đề bẹp ý chí xâm lược của bon thực dân. bước Chính phủ Pháp phải ký kết

hiệp định Giơ-ne-vơ, thủ đô Hà Nội và miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Với 16.200 quân tinh nhuệ của địch bị tiêu diệt và bắt sống cùng tất cả tướng tá chỉ huy và Bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm, với 62 máy bay bị bắn rơi trên bầu trời Điện Biên Phủ và các tuyến đường vận chuyển tiếp tế của ta (trong đó có máy bay của không quân Mỹ), Điện Biên Phủ là trận đánh tiêu diệt lớn nhất, gọn nhất, điển hình nhất trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta và lịch sử đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp lực trên toàn thế giới. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới cận đại và hiện đại, quân đội một nước nhỏ, kinh tế chậm phát triển, vũ khí kém cỏi, đã đánh bại quân đội xâm lược của một cường quốc công nghiệp phương Tây.

Trong tác phẩm: "Trận Điện Biên Phủ" xuất bản năm 1963, tác giả Pháp Jules Roy từng nhận xét: "Trên toàn thế giới, nơi trận Oa-téc-lô trước đây từng gây chấn động kém hơn sự thất thủ Điện Biên Phủ đã gây nên nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đây là một trong những trận thất bại lớn nhất của phương Tây, báo hiệu sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa và sự cáo chung của một nền cộng hòa—tiếng sấm của sự kiện còn tiếp tục rền vang...".

Kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 7-5-1964, Bác Hồ đã viết trên báo Nhân Dân: "Điện Biên Phủ như là một cái móc bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn"(2).

Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng của dân tộc Việt Nam và của cả loài người tiến bộ! Trước hết, đó là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh: Với lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh quật khởi của dân tộc, từ năm 1925, Người đã sớm công bố "Bản án chế độ thực dân Pháp" để 29 năm sau, theo lệnh Người, quân và dân Việt Nam đã thi hành bản án trên pháp trường Điện Biên Phủ! Bản án tử hình đó đã chấm dứt vĩnh viễn nền thống trị thực dân của Pháp trên toàn cõi Đông Dương, đồng thời gióng lên hồi chuông báo ngày tận số của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ!

Ba tiếng đó đã cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị nô dịch đứng lên giành quyền sống và sẽ còn vang vọng mãi đến mai sau ...

Kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ dân tộc ta đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại. Tổ quốc Việt Nam mãi mãi ghi công các anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống ở Điện Biên Phủ và trên chiến trường 3 nước Đông Dương, ghi công các vị chỉ huy, các cố vấn Trung Quốc, các cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong, dân công và toàn dân, toàn quân ta đã góp phần làm nên một Đông Xuân 1953-1954 thắng to trên cả nước và một Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Tháng 10-2003

HOÀNG MINH PHƯƠNG

*Nguyên Trưởng phòng tổng kết kinh nghiệm chiến tranh-Trưởng khoa lý luận chung Viện khoa học quân sự Bộ Quốc phòng, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Binh đoàn Cửu Long.*

*(1) Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ta dùng khoảng 20.000 viên đạn pháo 105 ly, gồm 11.000 viên chiến lợi phẩm của chiến dịch Biên Giới, 3.600 viên do Trung Quốc viện trợ kèm theo pháo, 440 viên chiến lợi phẩm thu tháng 12-1953 ở mặt trận Trung Lào và khoảng 5.000 viên thu tại trận do địch thả. Sau chiến tranh Triều Tiên, đạn pháo 105 ly Trung Quốc rất khan hiếm. Trước yêu cầu cấp thiết của chiến dịch, bạn đã vét từ các kho được 7.400 viên để chuyển cho ta, nhưng đến giữa tháng 5-1954 mới tới, sau khi trận đánh đã kết thúc.*

*(2) Hồ Chí Minh toàn tập - NXB Chính trị quốc gia. Tập 11, trang 261.*

## Điện Biên Phủ và nghệ thuật sử dụng pháo binh

Ngày 27 tháng 03 năm 2004

---

Cách đây vừa tròn 50 năm, lực lượng pháo binh non trẻ của Quân đội nhân dân

Việt Nam đã làm nên một kỳ tích đó là vô hiệu hóa toàn bộ lực lượng pháo binh hùng hậu (có máy bay, xe tăng yếu trợ trực tiếp) của quân đội thực dân Pháp tại chiến trường Điện Biên Phủ. Với 24 khẩu pháo hạng nặng 105ly, 16 khẩu cối 120 ly, cùng với hỏa lực sơn pháo 75 và pháo bắn thẳng đi cùng của các đại đoàn bộ binh... pháo binh ta đã thực hiện chế áp thành công 3 tiểu đoàn pháo hạng nặng 105 ly và 155 ly (28 khẩu), 1 tiểu đoàn cối 120 ly (20 khẩu), cùng nhiều xe tăng, máy bay của quân Pháp. So với thực tế ta thấy, nếu số lượng pháo hạng nặng của ta có 1 khẩu thì của địch có 1,2 khẩu. Số đạn pháo 105 ly ta có khi bắt đầu mở màn chiến dịch chỉ là vài nghìn viên, trong khi đó địch đã dự trữ tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ tới 27 nghìn viên đạn lựu pháo 105 ly, chưa kể hàng nghìn viên đạn pháo 155 ly. Về thời gian xây dựng và trưởng thành của pháo binh ta cũng không thể lâu hơn các đơn vị pháo binh của pháo binh ra cũng không thể lâu hơn các đơn vị pháo binh của quân đội Pháp tại chiến trường Điện Biên Phủ. Như vậy tại sao chúng ta lại chiếm ưu thế gần như tuyệt đối về hỏa lực trong chiến dịch?

Sau nhiều năm nghiên cứu, đúc kết kinh nghiệm các chuyên gia quân sự của Việt Nam và của nước ngoài đã xác định: Pháo binh Việt Nam chiếm ưu thế hoàn toàn trong chiến dịch Điện Biên Phủ là do có sự phát triển vượt bậc về nghệ thuật sử dụng pháo binh trong chiến đấu. Nghệ thuật ấy được thể hiện trên một số vấn đề cơ bản sau:

Tập trung ưu thế hỏa lực pháo binh, vừa chế áp, vừa tiêu diệt các hoạt động địch theo yêu cầu của bộ binh: Chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến dịch đầu tiên quân ta được sử dụng pháo hạng nặng 105 ly với số lượng lớn nhất kể từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Khi thực hành đánh địch, ta chủ trương sử dụng kết hợp thật chặt chẽ, hợp lý giữa pháo hạng nặng, pháo bắn thẳng và súng cối các cỡ. Biện pháp sử dụng là tập trung số lượng lớn đầu khẩu cho từng trận, từng mũi để dứt điểm trận đánh. Chẳng hạn như trận mở màn chiến dịch tại Him Lam, ta đã tập trung hỏa lực của 102 khẩu pháo cối các cỡ bắn vào cụm cứ điểm, gấp hơn địch 2,6 lần. Trận đánh đồi Độc Lập, số lượng pháo của ta gấp 4,5 lần pháo địch. Sự tập trung hỏa lực vào một vị trí, một trận đánh đã làm cho cán cân hỏa lực nghiêng hẳn về phía quân ta và tạo ra sự chiếm ưu thế hoàn toàn về hỏa lực.

Pháo binh trong chiến dịch Điện Biên Phủ là một tài sản rất quý hiếm của quân đội ta lúc bấy giờ, do vậy việc bố trí như thế nào để vừa phá hủy tốt hỏa lực để đánh địch, vây hãm khốn chế địch, vừa bảo vệ được pháo binh là vấn đề được nghiên cứu kỹ. Lúc đầu theo phương châm "đánh nhanh, giải quyết nhanh" đội hình chiến đấu của lựu pháo 105 phần lớn được bố trí trong trận địa dã chiến, công sự sơ sài, địa hình trống trải, rất dễ bị pháo binh, xe tăng, máy bay của địch đánh phá. Khi chuyển phương châm tác chiến, pháo binh ta được bố trí lại với thể cực kỳ hiểm hóc. Đơn vị lựu pháo được bố trí theo đội hình đại đội nằm trong đội hình cụm pháo, kéo dài trong một vòng cung khoảng 30km, suốt từ đông bắc Hồng Cúm đến tận tây bắc Bản Kéo. Các hầm pháo đều được xây dựng kiên cố nằm phân tán trên các dãy núi cao, chia thẳng xuống các mục tiêu trong thung lũng Điện Biên Phủ với cự ly bắn trung bình khoảng 5-7km. Các trận địa sơn pháo, súng cối 120 cũng đều được bố trí ở thế "ngồi trên đầu thù" theo truyền thống "đặt gần, bắn thẳng". Trong suốt thời gian diễn ra chiến dịch, các trận địa pháo lại được cơ động linh hoạt, bám sát bộ binh, vào sâu tung thâm bố trí trong tầm bắn hiệu quả ngay tại các sườn núi cao, cỏ xạ giới rộng, tạo hỏa lực áp đảo địch. Khi kết thúc chiến dịch, pháo hạng nặng của ta không bị phá hủy một khẩu nào và đã trở thành nỗi kinh hoàng của quân Pháp trong tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Sự bố trí các trận địa pháo một cách khoa học, hiểm hóc đã tạo cho lực lượng pháo binh vừa có thế đánh, vừa có khả năng cơ động hỏa lực, cơ động đội hình theo yêu cầu tác chiến.

Cách đánh của pháo binh trong chiến dịch Điện Biên Phủ cũng vô cùng đa dạng, thể hiện rõ sự vận dụng cách đánh truyền thống với tính sáng tạo cao. Các cách đánh gần, đánh xa, đánh bất ngờ, đánh tập trung, dồn dập, đánh nhỏ lẻ, kéo dài v.v... được thực hiện đan xen trong suốt thời gian diễn ra chiến dịch, bằng các loại hỏa lực khác nhau. Việc phân chia hỏa lực pháo binh theo từng cấp, đã tạo sự chủ động cho các đơn vị khi tổ chức đánh địch. Vì vậy, tuy với số lượng pháo đạn hạn chế nhưng đã phát huy hết hiệu quả của hỏa lực, tạo ra hiệu quả to lớn trong trận đánh. Có phần

to lớn vào thắng lợi của chiến dịch.



HÀ VĂN MẠNH

---

# Đôi điều sau khi đọc “Thần tốc quyết thắng”

Ngày 16 tháng 12 năm 2003

---

Trước hết, tôi trân trọng và nhiệt liệt hoan nghênh Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã cho ra đời tập hồi ký kỷ niệm sâu sắc trong đời bộ đội viết về Quân đoàn 1 trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, trong đó có sư đoàn 312 chúng tôi. Đây là biểu hiện trách nhiệm rất cao đối với lịch sử chiến đấu của quân đoàn mà các cựu chiến binh, dẫu cho đã về với cuộc sống đời thường, vẫn cố gắng và rất công phu ghi chép làm sống lại những ngày tháng hào hùng của mùa Xuân 1975 ở một hướng chiến dịch mà Quân đoàn 1 đảm nhiệm. Có thể nói nội dung các bài viết đã phản ánh được quá trình chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu của Quân đoàn mà cấp trên giao cho, đã cùng quân và dân các địa phương đánh bắt và diệt gọn sư đoàn 5 Ngụy tại tỉnh Bình Dương, đánh chiếm Bộ Tổng Tham mưu Ngụy giữa Sài Gòn. Nhiều bài viết khá xúc động đã khiến người đọc càng hiểu sâu hơn phẩm chất anh hùng của Quân đoàn 1 chúng ta.

Nhưng tôi thấy còn những chỗ sai sót đáng tiếc. Tất nhiên hiện tượng đó tôi chỉ mới nhận thấy qua những bài viết có liên quan đến các diễn biến chiến đấu thuộc sư đoàn 312 mà tôi là sư đoàn trưởng. Chúng tôi chiến đấu trên địa bàn tỉnh Bình Dương, nhiệm vụ chủ yếu là cùng quân dân Bình Dương đánh bại sư đoàn 5 Ngụy, không để chúng rút về cứu nguy cho Sài Gòn. Chuẩn bị chiến dịch, Bộ chỉ huy thống nhất mặt trận Bắc Sài Gòn này được thành lập, tôi được chỉ định làm tư lệnh; đồng chí Sáu Phát-Bí thư tỉnh ủy Bình Dương là chính ủy; đồng chí Một Hữu-phó bí thư tỉnh ủy, tỉnh đội trưởng đảm nhiệm chức phó tư lệnh. Ba cơ quan sư đoàn, tỉnh ủy, tỉnh đội gắn bó chặt chẽ trong công tác đảm bảo lãnh đạo, chỉ huy bộ đội hoàn thành nhiệm vụ, bởi thế tôi hiểu rất rõ các diễn biến chiến đấu của sư đoàn 312 trên địa bàn này.

Điểm thứ nhất là trận nổ súng tấn công cụm cứ điểm Bình Cơ-Bình Mỹ. Đây là trận đánh do đồng chí Năm Châu tỉnh đội phó tỉnh Bình Dương trực tiếp chỉ huy. Trận đánh này, ta chỉ sử dụng tiểu đoàn 2 bộ đội tinh đánh vào. Còn một tiểu đoàn của trung đoàn 141 làm dự bị. Sư đoàn chỉ tăng cường cán bộ chỉ huy và hỏa lực. Khi ta nổ súng tấn công, địch phản ứng rất yếu. Chỉ có pháo từ căn cứ Tân Uyên bắn ra và Phú Lợi bắn đến là có vẻ dữ dội. Nhưng khi địch ở trong đồn nghe thấy tiếng xe tăng của ta gầm rú tiến lên thì chúng nhón nháo, chạy tứ tung, không dám chống cự gì hết. Tất cả thời gian chiến đấu chỉ diễn ra trong một tiếng đồng hồ, ta đã diệt gọn, bắt sống toàn bộ tiểu đoàn 306 bảo an. Vậy mà người viết lại viết “chúng chống trả quyết liệt”, “tổ chức phản kích” và “tại đây (Bình Cơ) trận đánh diễn ra rất dữ dội”, rồi “các cỡ súng đại liên, ĐKZ, cối cá nhân bắn như đổ đạn vào đội hình ta” (trang 17).

Điểm thứ hai: Trận tấn công vào căn cứ Phú Lợi là trận hiệp đồng binh chủng rất lớn của sư đoàn, Bộ tư lệnh thống nhất coi đây là trận then chốt, phải đánh mạnh, tiến tới tiêu diệt bắt gọn sư đoàn 5 Ngụy. Chúng tôi sử dụng 2 trung đoàn bộ binh 165 và 141, hỏa lực gồm trung đoàn pháo 186 và lữ đoàn pháo 130 ly cùng với lữ đoàn pháo phòng không 57 và 37 ly, một tiểu đoàn tăng thiết giáp, một tiểu đoàn công binh, một tiểu đoàn thông tin. Trung đoàn 165 tấn công hướng đông nam phát triển thuận lợi; trung đoàn 141 đột phá hướng tây bắc cò khó khăn hơn vì địch phản ứng quyết liệt. Chúng còn dám cho 40 đến 50 tên và hai xe tăng đánh ra định bịt cửa mờ, bị bộ đội trung đoàn 141 bắn cháy một chiếc, bọn sống sót vội vã quay đầu chạy vào. Ta hy sinh hai đồng chí, bị thương ba... Nhưng người viết (ở trang 27) lại bỏ quên mất trung đoàn 141 không có mặt trong trận đánh Phú Lợi này. Tiểu đoàn 2 bộ binh của tỉnh không tham gia trận Phú Lợi thì lại được đưa vào? Sau khi đánh chiếm xong căn cứ Phú Lợi, sư đoàn để lại một tiểu đoàn bắt tù binh thu vũ khí, còn lực lượng trung đoàn 165 cùng một đại đội tăng và hai tiểu đoàn Phú Lợi 1 + 2 bộ đội tinh tiến vào thị xã Thủ Dầu Một chiếm căn cứ công binh... Còn trung đoàn 141 cò đại đội xe tăng đi cùng, theo đường 13, tiến lên phối hợp với trung đoàn 209 đánh chiếm Lai Khê, cùng quân dân huyện Bến Cát bắt sống toàn bộ cơ quan Bộ tư lệnh sư

đoàn 5 Ngụy. Vậy mà người viết chỗ này lại miêu tả "... một bộ phận của trung đoàn 165 được lệnh ngược đường 13 lên phối hợp với trung đoàn 209 và trung đoàn 141 tiêu diệt hoàn toàn sư đoàn 5 Ngụy..." (trang 27)?

Điểm thứ ba: Sư đoàn định đánh địch ngoài công sự kết hợp chốt, nên cái chốt chặn đánh địch trên đường 13 không phải là hình thái của một ổ phục kích. Sư đoàn sử dụng trung đoàn 209 cùng một đại đội du kích tập trung của huyện đội Bến Cát với cả các đội du kích ven đường, lập nên trận địa chốt cắt đôi đội hình sư đoàn 5 Ngụy, buộc địch trong căn cứ Bến Cát, Lai Khê phải thoát ly ra ngoài công sự để giải tỏa con đường 13 và cứu nhau... Như vậy chiến thuật đánh chốt chặn khác chiến thuật đánh phục kích. Nhưng ở trang 130 tác giả lại viết "trận phục kích tiêu diệt sư đoàn 5 Ngụy, trên đường 13".

Điểm cuối cùng, tôi nhớ không thể quên ngày giờ nổ súng ở hướng quân đoàn đoàn 1 là 17 giờ ngày 26 tháng 4 đánh vào tuyến phòng thủ của địch trên đường 16. Cả hai sư đoàn 312 và 320 cùng đánh trận đầu mở cửa chiến dịch. Sư đoàn 312 đánh cụm cứ điểm Bình Cơ-Bình Mỹ; sư đoàn 320 đánh cụm cứ điểm Tân Uyên-Dốc Bà Nghĩa. Nhưng tác giả viết bài này lại ghi nhầm sang "ngày 27 tháng 4" (trang 17). Hôm 26 tháng 4, còn một tiếng nữa thì đến giờ nổ súng mà chúng tôi vẫn không bắt liên lạc được với quân đoàn; mà cũng chẳng biết chỉ huy sở quân đoàn ở đâu để báo cáo. Không hiểu các đồng chí sư đoàn 320 có trực tiếp nghe lệnh chẳng, chứ 312 chúng tôi thì đánh phải theo kế hoạch mà hạ lệnh nổ súng, chứ không hề nghe được lệnh nổ súng như trong bài viết ở trang 17...

Đấy, có những điểm sai sót đáng tiếc như thế liên quan đến diễn biến chiến đấu ở sư đoàn 312 chúng tôi trong chiến dịch Hồ Chí Minh. Biết làm sao đây? Chúng ta viết văn nhưng đồng thời cũng là người chép sử. Mà chép sử thì phải bảo đảm sự thật đúng như nó có. Vậy thì phải đính chính thôi!

TOP

NGUYỄN CHUÔNG

www.giangtriviet.com.vn/chiac/ki-42-subject-2  
18 Jun 2003

## Cuộc truyền lửa giữa hai thế hệ

Ngày 07 tháng 03 năm 2004

“Cô Ba dũng sĩ quê ở Trà Vinh / chị Hai năm tấn quê ở Thái Bình / hai chị em trên hai trận tuyến / anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang / trang sử vàng chống Mỹ cứu nước / sáng ngời tên những cô gái Việt Nam...”, giọng hát trong sáng, với tình cảm tha thiết của nữ ca sĩ Thanh Thúy (Đoàn Nghệ thuật Quân khu 7) qua bài hát “Hai chị em” của nhạc sĩ Hoàng Vân, mở đầu cuộc giao lưu giữa các chị Quân giải phóng Miền với Phụ nữ LLVT Quân khu đầy tình thân ái, nặng nghĩa tình đồng đội; như lò truyền thêm ngọn lửa nhiệt tình cách mạng cho thế hệ ngày nay.

Chị Nguyễn Thị Thu Trang, người chiến sĩ biệt động Sài Gòn năm xưa, tham gia đánh Mỹ khi còn là một cô nữ sinh trung học và được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND khi chị vừa bước vào tuổi 25. Chị kể về trận đánh đầu tiên, tuy chưa thành công nhưng đã dạy cho chị bài học kinh nghiệm và hun đúc thêm lòng quyết tâm để đánh thắng các trận sau này. Sinh hoạt, công tác và chiến đấu ngay trong lòng địch, phải đối mặt với bao hiểm nguy, bao khó khăn, có những lúc tưởng chừng không vượt qua nổi thì trong tâm trí chị lại hiện về hình ảnh người cha và bao người thân đã bị giặc Mỹ giết hại dã man ngay trên cánh đồng làng quê hương An Tịnh (Trảng Bàng - Tây Ninh). Lòng yêu nước, chí căm thù giặc, ý chí vươn lên kiên cường đã giúp chị vượt qua khó khăn, gan dạ, mưu trí, giành nhiều thắng lợi qua các trận đánh. Trước câu hỏi về những đồng chí, đồng đội của mình trong chiến đấu, chị đã trả lời trong những tiếng nấc nghẹn, trong hào quang của tấm danh hiệu Anh hùng LLVTND cao quý má Đảng và Nhà nước trao tặng, có công lao to lớn, có bao hy sinh mất mát của rất nhiều đồng đội. Sau khi nước nhà thống nhất, chị đã tiếp tục theo học văn hóa, đến năm 1994, chị đã có hai bằng đại học và hiện giờ chị là Phó tổng giám đốc Công ty TNHH Mai Linh, công ty liên doanh với nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh địa ốc. Tâm tình với các đại biểu phụ nữ quân khu trong ngày truyền thống, chị giải bày, khuyên nhủ chị em phụ nữ miền Đông cùng nhau thi đua, phấn đấu cống hiến, luôn trau dồi tu dưỡng đạo đức, giữ vững phẩm chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp của người lính Cụ Hồ.

## Nhân vật bạn yêu thích

# Gun-tơ, một chiến sĩ người Đức đã chiến đấu ở chiến trường Việt Bắc

Ngày 16 tháng 12 năm 2003

...Năm 1948, đại đội của chính trị viên Nguyễn Hữu Tài (Nguyên Phó cục trưởng Cục huấn luyện chiến đấu) hành quân về tiểu phi ở vùng biên giới thuộc bắc Cẩm Sơn-Lạng Sơn, thì cấp trên bổ sung về cho mấy hàng binh là lính lê dương chạy sang hàng ngũ Việt Minh, mới được đưa từ Liên khu 3 về, trong đó có một người Đức tên là Gun-tơ. Cẩm Sơn ngày ấy là vùng rừng sâu, còn rất hoang vắng, đồng bào chủ yếu là người Nùng, Tày,... sống rải rác. Địch cho đóng một số đồn lính đồng và lừa phỉnh đồng bào, nên có nhiều người hoạt động như phi, chống lại cách mạng. Đơn vị của Gun-tơ về đây, là "đại đội độc lập" vừa chiến đấu đánh địch vừa làm công tác đi sâu vận động, giáo dục, giác ngộ, tập hợp quần chúng chống mọi âm mưu của kẻ thù. Trang bị của đại đội ngày đầu chỉ có 3 khẩu FM cũ là chiến lợi phẩm, còn thì chỉ có lựu đạn, mã đao... Gun-tơ người cao lớn, khi tham gia các trận đánh rất dũng cảm, và bày tỏ mơ ước cướp được khẩu thom-son để có thể diệt được nhiều địch hơn nữa...

Trong các trận quân ta tổ chức tập kích đồn địch, Gun-tơ và các hàng binh khác thường được tổ chức vào đội biệt động, đóng giả quan và lính Pháp đi kiểm tra đồn lính đồng, bắt chúng tập hợp lại rồi bất ngờ bắt chúng đầu hàng. Cách đánh này lúc đầu hiệu quả cao, làm cho bọn địch bị bất ngờ nên rất hoang mang. Gun-tơ còn với tư cách là một lính lê dương đã phản chiến, chống lại cuộc chiến tranh phi nghĩa của thực dân Pháp chống Việt Nam, đã cùng đồng đội làm công tác địch vận cũng rất giỏi, lôi kéo được nhiều người trước đây theo địch, nay trở về với hàng ngũ Việt Minh...

Đơn vị hoạt động ở vùng rừng núi heo hút gian khổ hàng tháng trời, nhiều khi "đứt bữa" phải chịu đói, nhịn khát, nhưng Gun-tơ không bao giờ tỏ than phiền. Cũng quần "ống túm" và chằng vá đụp, Gun-tơ cùng anh em lặn lội khắp nơi làm công tác dân vận. Là người Âu, nhưng cũng như anh em khác, khi đau ốm họa hoằn mới có chút đường phèn của chính trị viên Tài mua được của đồng bào để dành, đem "bồi dưỡng" người ốm... Vậy mà có khi Gun-tơ nhường nốt cho anh em... Anh em được biết, Gun-tơ sinh năm 1928, khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc thì anh vừa tốt nghiệp trung học. Lúc đó, quân Pháp trong lực lượng Đồng minh chống phát xít, đóng ở phần tây nước Đức. Gun-tơ là người Đức, vì không muốn thất nghiệp nên phải xin sung vào đội quân lê dương của Pháp. Sau khóa huấn luyện, Gun-tơ bị đẩy sang chiến trường Bắc Phi, rồi sang Đông Dương. Đầu 1947, Pháp mở rộng đánh ra miền Bắc, nên Gun-tơ từ mặt trận phía nam bị đưa ra mặt trận Nam Định. Chứng kiến cảnh lính lê dương Pháp bắn giết dã man, đốt phá nhà cửa của đồng bào Việt Nam, qua công tác địch vận của Việt Minh, Gun-tơ cùng một nhóm lính lê dương đã tìm cách bắt liên lạc rồi trốn sang hàng ngũ du kích Việt Minh. Khi được điều lên Việt Bắc, Gun-tơ trở thành "Chiến sĩ Việt Nam mới" và mang tên Việt Nam là Lê Thanh Cường...

Hoạt động ở vùng biên giới, cho đến thu-đông 1948 thì tình hình vùng Cẩm Sơn nói riêng, vùng biên ải Lạng Sơn nói chung đã ổn định, đơn vị của Gun-tơ được rút về Liên khu 1 hoạt động đến 1949, khi Bộ thành lập Đại đoàn 308 thì đơn vị thuộc đại đoàn này, liên tục tham gia các chiến dịch trên chiến trường Việt Bắc, trong đó lớn nhất là chiến dịch Cao-Bắc-Lạng, còn gọi là Chiến dịch Biên Giới. Sau chiến dịch Cao-Bắc-Lạng giành thắng lợi lớn, biên giới Việt-Trung thông thương, có chủ trương tạo điều kiện cho các hàng binh, các "Chiến sĩ Việt Nam mới", "Những người lính da trắng của Hồ Chí Minh" hồi hương, nên Gun-tơ cũng được trở về Tổ quốc Đức đợt đầu đó. Lúc đó, nước Đức đã chia làm hai, nên Gun-tơ về sống ở thành phố Mác-đơ-buốc thuộc CHDC Đức, xây dựng gia đình riêng và sống hạnh phúc. Chính ở đây, đến 1958, dịp Đại hội thể thao các nước anh em hữu nghị, Gun-tơ được gặp lại người chính trị viên đại đội cũ của mình ở Việt Nam là Nguyễn Hữu Tài. Gun-tơ luôn nhớ tới Việt Nam, các đồng đội ở Việt Nam, muốn sang Việt Nam chiến đấu... Vì nhiều lý do, Gun-tơ không trở lại được Việt Nam, nhưng trở thành một chiến sĩ tích cực tham gia các hoạt động và phong trào ở CHDC Đức ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam rất nhiệt tình trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và sau này trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.



*Phan Đắc*

---

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

## Toàn dân đánh giặc

### Đánh giặc lá cà bằng xe tăng

Ngày 18 tháng 02 năm 2004

Đầu năm 1972, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đưa ra chủ trương: "Tranh thủ thời cơ phát triển thế chiến lược tấn công mới trên toàn chiến trường miền Nam và chiến trường ba nước Đông Dương bằng cuộc tổng tấn công chiến lược mới, dự kiến vào mùa xuân 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử Tổng thống ở Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua".

Thực hiện chủ trương đó của Bộ Chính trị, quân và dân ta đã tích cực chuẩn bị lực lượng tiến công trên ba hướng chính: hướng thứ nhất, mặt trận Quảng Trị - Thừa Thiên; hướng thứ hai, mặt trận Tây Nguyên; hướng thứ ba, mặt trận miền Đông Nam Bộ.

Mặt trận Đông Nam Bộ là địa bàn chiến lược, nên địch dồn quân phòng ngự kiên cố, lúc nào cũng thường trực 3 sư đoàn bộ binh mạnh (sư 5, sư 18, sư 25) với hàng chục chiến đoàn, lữ đoàn dù, thiết đoàn v.v. dưới sự yểm trợ tối đa của không quân Mỹ. Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: địch trên chiến trường miền Đông Nam Bộ vẫn còn khá mạnh về quân và số vũ khí. Địch rút vào thế co cụm trong các cứ điểm phòng ngự vững chắc và được hỏa lực không quân Mỹ chi viện, nên rất khó đánh, cuộc chiến rất ác liệt.

Tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ xuân 1972, đoàn M26 có hai lực lượng. Lực lượng xe tăng - thiết giáp chiến lợi phẩm gồm một đại đội. Đó là đại đội 33, tham gia đánh mở màn chiến dịch theo hướng nghi binh, đánh vào cứ điểm Sa Mát (1-4-1972); lực lượng tăng - thiết giáp của ta từ miền Bắc vào, gồm một tiểu đoàn, đó là tiểu đoàn 20, đánh trên hướng chính của chiến dịch là trận đánh vào chi khu Lộc Ninh (6-4-1972) là trận thắng giòn giã, đã được nhiều nhà nghiên cứu lịch sử quân sự tổng kết và đánh giá cao. Nhưng với trận Sa Mát thì chưa có một nhà nghiên cứu nào tổng kết, đánh giá. Cũng chưa có ai viết đầy đủ về trận đánh này.

Sa Mát là một cứ điểm đồn trú của quân ngụy Sài Gòn nằm trên lộ 22 cách biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia chưa đầy 2km. Cứ điểm này địch bố trí một tiểu đoàn thiếu, có công sự phòng ngự kiên cố. Cứ điểm Sa Mát chỉ cách chi khu Thiện Ngôn khoảng 5km. Bởi vậy Sa Mát trở thành cứ điểm án ngữ sự xâm nhập của lực lượng chủ lực ta đối với chi khu Thiện Ngôn và cả hệ thống phòng ngự dọc lộ 2 bảo vệ tỉnh lỵ Tây Ninh. Đại đội tăng - thiết giáp 33 có nhiệm vụ phối thuộc với một bộ phận của sư đoàn bộ binh số 5 chủ lực Miền đánh vào Sa Mát, mở màn chiến dịch Nguyễn Huệ. Đây là lần đầu tiên, đại đội 33 đại diện cho lực lượng tăng - thiết giáp Nam Bộ xuất xe đánh trận đầu tiên. Đối với đại đội 33 thì trận đánh này có ý nghĩa hết sức quan trọng: "Là lần đầu tiên ở mặt trận miền Đông Nam Bộ, ta dùng xe đánh địch". Bởi vậy cán bộ, chiến sĩ đại đội 33 hạ quyết tâm phải: "Đánh thắng ngay trận đầu ra quân".

Thế nhưng thực trạng của bốn chiếc xe tăng - thiết giáp lấy được của địch rất tồi tệ. Chiếc xe tăng M41-1A, đại đội 33 thu được của địch trong trận chống càn "Toàn thắng 1-71" khi chúng đánh lên biên giới Cam-pu-chia (tại Đầm Be), không có kính ngắm, muốn bắn phải ngắm trực tiếp qua nòng phòng. Chiếc xe tăng M24 thì pháo không có kim hỏa, nên không sử dụng được pháo, chỉ sử dụng được súng đại liên 12,7 ly gắn trên nóc xe. Còn chiếc xe tăng M51 thì pháo lại không có khóa nòng, nên chỉ sử dụng được súng 7,62 ly. Chiếc xe bọc thép bánh hơi AM18 thì hỏng lốp. Trong bốn chiếc xe này thì ba chiếc M24, M51, AM18 do Pháp chế tạo từ những năm chiến tranh thế giới thứ II, còn chiếc M41-1A do Mỹ chế tạo. Ba chiếc M24, M51, AM8, đại đội 33 thu được trong trận chống càn Chen La 2 giữa năm 1971. Thông tin liên lạc (đài vô tuyến, hữu tuyến điện) của 4 xe đều bị hỏng. Cán bộ, chiến sĩ ta chưa quen kỹ thuật xe địch nhưng khi nhận được lệnh

chiến đấu, toàn đại đội đã bí mật tổ chức hành quân từ căn cứ Tà Pao xuống Ka Rét dài hơn 100km. Từ Ka Rét "bò" dần về phum Chi Mon, cách Sa Mát độ 3km. Đây là cuộc hành quân lịch sử, đưa "xe tăng địch đánh địch" trên chặng đường dài hơn 100km trong điều kiện kỹ thuật xe rất tệ hại.

Đến giờ hiệp đồng nổ súng, cả ba chiếc xe của đại đội 33 đồng loạt lao thẳng vào cứ điểm Sa Mát. Cả ba chiếc xe đã tiến công địch với khí thế dũng mãnh, bất ngờ, đánh địch bằng mọi thứ vũ khí có trên xe. Chiếc xe M41-1A không có kính ngắm thì pháo thủ ngắm trực tiếp, bắn bất kể loại đạn nào, dù đạn xuyên hay đạn nổ. Chiếc xe M24 pháo không có kim hỏa, không sử dụng pháo được thì bắn bằng đại liên 12,7 ly gắn trên nóc xe và kết hợp găm rú uy hiếp địch. Chiếc xe M51 pháo không có khóa nòng thì bắn bằng đại liên kẹp nòng 7,62 ly. Riêng chiếc xe M51 là loại xe gắn 2 máy nổ, anh em đã nghĩ cách là đập hết ga cho tiếng nổ thật to, tạo thêm uy lực để uy hiếp địch. Cả ba xe không có thông tin liên lạc thì quy ước: Xe M41 đi đầu lao vào là ba xe cùng lao, áp sát uy hiếp địch. Còn trong từng xe, trưởng xe buộc dây vào hai tay của lái xe. Giật dây bên phải thì cho xe sang phải, giật dây bên trái thì cho xe sang trái, "thúc" vào lưng cho xe "tiến", vỗ đĩnh đầu là cho xe "dừng lại". Đại đội áp dụng lối đánh "giáp lá cà" làm cho địch khiếp sợ.

Được bộ binh sư đoàn 5 hợp đồng chặt chẽ, nên quân địch ở cứ điểm Sa Mát chống trả không được bao lâu, nhất là khi xe tăng xuất hiện, xông thẳng, bắn trực tiếp vào những lỗ cốt để kháng. Lực lượng bộ binh sư đoàn 5 và đại đội tăng - thiết giáp 33 thừa thời cơ dứt điểm, làm chủ trận địa. Địch sống sót tháo chạy về chi khu Thiện Ngôn, hoang mang lo sợ và tung tin "Quân giải phóng đã có xe tăng, mà lại là xe của Mỹ, của Pháp".

Trận đánh Sa Mát đã gây tiếng vang lớn, đặc biệt là đại đội 33 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ "ra quân trận đầu đánh thắng" tạo nên trận Sa Mát táo bạo, độc đáo, với lối đánh "giáp lá cà" chưa từng có trong lý luận cũng như trong lịch sử của binh chủng tăng - thiết giáp Việt Nam. Chỉ huy trận đánh là đại đội trưởng Nguyễn Đức Thuận. Thành viên của ba xe gồm 11 đồng chí: Nguyễn Khắc Đôn (trưởng xe M41-1A), Nguyễn Văn Quý (trưởng xe M24), Phạm Thanh Côi (trưởng xe M51) và 8 thành viên lái xe pháo thủ: Dương Văn Hòe, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn Bình, Chu Minh Xuyên, Nguyễn Văn Hé, Phạm Văn Sĩ, Đặng Quang Minh, Nguyễn Văn Tính.

## Những ngày tháng chiến đấu giúp bạn ở Thập Vạn Đại Sơn

Ngày 23 tháng 04 năm 2004

Tháng 3-1949, Bộ tư lệnh Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, Biên khu Việt Quế cử đại diện sang đề nghị Trung ương Đảng ta phái bộ đội Việt Nam sang giúp xây dựng một khu giải phóng tại vùng Ung - Long - Khâm ở bên kia biên giới, tiếp giáp với tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Hải Ninh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta đã vui lòng đáp ứng đề nghị của bạn. Thi hành chỉ thị của Bác Hồ và Trung ương Đảng, Bộ Tổng tư lệnh đã ra mệnh lệnh số 264 bis/TTL ngày 23-4-1949 "gửi Liên khu I", giao nhiệm vụ "phối hợp cùng các lực lượng vũ trang của Quân giải phóng Biên khu Việt Quế, kịp thời hành động, giúp Quân giải phóng xây dựng một khu giải phóng vùng Ung - Long - Khâm liền với biên giới Đông Bắc của ta, thông ra biển, tạo điều kiện khuếch trương lực lượng đón Đại quân nam hạ". "Đồng thời, hoạt động ở Đông Bắc để mở rộng khu tự do Đông Bắc ra tận biên giới và thông ra biển, liền với khu giải phóng Việt Quế".

Bộ Tổng tư lệnh cử đồng chí Lê Quảng Ba, chỉ huy trưởng Mặt trận Đông Bắc làm Tư lệnh và đồng chí Trần Minh Giang, một cán bộ Quân giải phóng Trung Quốc làm Chính trị ủy viên khu Thập Vạn Đại Sơn.

Bác Hồ rất quan tâm đến nhiệm vụ này, đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Quảng Ba. Bác tặng đồng chí Lê Quảng Ba bức ảnh chụp chung lúc họp, dưới ảnh, tự tay Bác đề 5 phương châm hành động: "Cẩn thận, bí mật, đoàn kết, hữu nghị, thắng lợi" và thời gian tặng: 5-1949.

Lực lượng tham gia chiến đấu giúp bạn được chia làm hai cánh. Một cánh hoạt động theo hướng Tà Giang (Long - Châu, lúc đó thuộc tỉnh Quảng Tây), một cánh vượt qua dãy Thập Vạn Đại Sơn đến hoạt động ở Phòng Thành, Khâm Châu (lúc đó thuộc tỉnh Quảng Đông).

Trên hướng Tà Giang, lực lượng của ta được tổ chức thành chi đội 28 do đồng chí Thanh Phong, Phó tư lệnh Liên khu I làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mẫn, trung đoàn trưởng trung đoàn 174 và đồng chí Long Xuyên, trung đoàn phó trung đoàn 28 làm Phó tư lệnh. Về phía bạn, có hai đại đội Quân giải phóng và một số đội vũ trang công tác.

Trên hướng Thập Vạn Đại Sơn, Bộ tư lệnh Liên khu I thành lập chi đội 6 do đồng chí Vũ Nam Long, trung đoàn trưởng trung đoàn 59 làm chi đội trưởng, đồng chí Đỗ Trình, Chính ủy trung đoàn 59 làm Chính ủy chi đội kiêm chính trị hiệp lý viên cho Bộ tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn(\*) và đồng chí Hoàng Bình, trung đoàn trưởng trung đoàn độc lập (một trung đoàn gồm Hoa kiều tỉnh Hải Ninh) làm chi đội phó. Thành phần chi đội 6 gồm tiểu đoàn 426 tăng cường (thuộc trung đoàn 59) và tiểu đoàn 1, còn gọi là tiểu đoàn Minh Hồ (thuộc trung đoàn độc lập Hải Ninh).

Cơ quan Bộ tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn, hành quân theo hướng Thập Vạn Đại Sơn, gồm có thành phần các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Mặt trận Đông Bắc được tăng cường nhóm cán bộ thuộc Bộ Tổng tham mưu.

Bộ đội hướng Thập Vạn Đại Sơn xuất phát từ Làng Bằng (Lạng Giang) ngày 22-6-1949 (Tiểu đoàn Minh Hồ đi sau mấy ngày). Đường hành quân đi qua Hữu Lũng, Đồng Mỏ, Pắc Xăn, vượt qua đường số 4 đến Bản Tre (khu Chi Lăng), rồi Bản Chát (sát biên giới). Nửa đêm 12-6-1949, quân ta vượt biên giới. Để giữ bí mật và phòng máy bay địch, chúng ta hành quân đêm trên đất ta, sang đất bạn thì hành quân ban ngày vì máy bay của Tưởng ít hoạt động. Qua địa phận hai huyện Thượng Tư và Tư Lạc thuộc tỉnh Quảng Tây, đi theo đường phi đi, đến sáng tối ngày 17-6, bộ đội đến thôn Trình Chúc nằm ở chân núi phía Tây của dãy Thập Vạn Đại Sơn. Sáng 18-6-1949, bộ đội ta

bắt đầu vượt Thập Vạn Đại Sơn, hành quân về phía đông và đến sẩm tối ngày 20-6, bộ đội ta mới xuống đến chân núi phía đông Thập Vạn Đại Sơn, thuộc tỉnh Quảng Đông.

Đường hành quân qua Thập Vạn Đại Sơn vẫn là đường phi đi, vượt qua đỉnh cao 1.013 mét, có nhiều dốc đứng, vực sâu. Thời tiết khi thì nắng như thiêu, khi thì mưa như trút nước.

Vượt qua Thập Vạn Đại Sơn, quân ta đến một phố nhỏ gọi là Phù Lũng. Phố này ở gần thị trấn Nà Sồ, cách Nà Lường (một thị trấn lớn) chừng 15km. Ở vùng này, đâu đâu cũng thấy dấu vết đốt phá, nhà cháy tan hoang, xóm làng xơ xác, dân chúng đói rách. Đó là dấu vết của quân Quốc dân đảng càn đi quét lại và của thổ phỉ cướp bóc.

Trước sự xuất hiện bất ngờ của quân ta, quân Quốc dân đảng đóng ở Nà Sồ bỏ chạy. Quân ta vào Nà Sồ ngày 26-6.

Bộ tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn họp ở đây. Các cán bộ Việt Nam và Trung Quốc gặp nhau, tay bắt mặt mừng. Hội nghị đã quyết định công tác hậu cần, tiếp tế lương thực phẩm là do bạn phụ trách. Ta giúp bạn cứu chữa thương bệnh binh.

Đến đây mới thấy rõ tình hình các mặt rất khó khăn cho hoạt động của bộ đội ta. Cơ sở cách mạng trong vùng hầu như không có. Các thị trấn, phố xá đều có quân Quốc dân đảng. Quốc dân đảng có quân chủ lực của tỉnh, có quân bảo an của huyện và dân đoàn bảo an các hướng. Các làng mạc đều bị địa chủ kiểm soát chặt.

Địa chủ tổ chức lực lượng vũ trang riêng, thường giữ chức thôn trưởng hay hương trưởng, hoành hành như một lãnh chúa ở địa phương. Lực lượng vũ trang của địa chủ tổ chức đến trung đội, đại đội, có khi đến tiểu đoàn do sĩ quan Quốc dân đảng chỉ huy, đều ăn lương của địa chủ. Các làng đều rào kín, có cổng làng do lính kiểm soát. Mỗi dinh cơ của địa chủ có cấm chông, có thành cao bao bọc, có lô-cốt và lỗ châu mai.

Quân giải phóng địa phương, ngoài một chi đội tập trung, chỉ còn một ít phân đội du kích ở miền núi, nơi hẻo lánh có rất ít dân, chưa hình thành khu du kích hay căn cứ du kích. Cho nên bạn phải luôn luôn di động, và đi đến đâu quyền gạo của dân ăn đến đấy.

Để có lương thực cho bạn và cho ta, bạn phải đi quyền của dân và thu gạo của địa chủ. Bạn địa chủ lại coi thường Quân giải phóng địa phương nên không chịu nộp khi thấy họ đi ít người, ít súng, hoặc chỉ nộp rất ít. Do đó, gạo và thực phẩm cung cấp cho bộ đội rất thất thường. Bộ đội ta bị đói trong thời gian khá dài. Khi bộ đội ta vào Nà Sồ, gạo mang theo chỉ đủ ăn 4, 5 ngày. Sau đó thường là ăn cháo, có ngày không có gì vào bụng. Bộ đội xuống sức trông thấy, có người đã sụt cân đến 10kg. Do thiếu gạo, mỡ, rau xanh, mỗi đại đội đã lác đác 7, 8 người bị bệnh quáng gà.

Trong tình hình đó, theo yêu cầu của bạn, ta phải phân tán tới đại đội, có lúc tới trung đội, di chuyển bộ đội từ làng này qua làng khác để giúp cán bộ bạn đi thu lương. Có nơi họ mở cổng làng cho bộ đội vào nhận gạo, cán bộ địa phương biên nhận, hẹn khi nào Đại quân xuống sẽ trả. Có nơi họ không cho vào, cán bộ địa phương cũng phải chịu. Có ngày không có gạo, bộ đội ta phải đi mót lúa rơi ngoài đồng sau khi dân gặt, lấy lúa giã thành gạo nấu cháo. Cán bộ ngồi đầu nồi, tự tay múc cháo chia đều cho anh em, nhìn anh em ăn đói mà khóc.

Bộ đội tuy đói nhưng kỷ luật rất nghiêm, nằm bên thóc gạo của dân mà không hề lấy một hạt.

Nhân dân vùng Thập Vạn Đại Sơn bị địch kìm kẹp lâu ngày, thấy có lực lượng vũ trang đến thì sợ. Bạn Quốc dân đảng tuyên truyền lừa gạt, họ sợ cộng sản đến lấy hết tài sản. Cho nên khi bộ đội vào phố, vào làng, người dân thái độ lầm lì. Họ đóng cửa không cho vào nhà và quan sát hành động của bộ đội. Rút kinh nghiệm mấy lần đi thu lương, khi bộ đội ta hành quân, thường dừng lại ở cách làng một quãng, tổ chức ca hát. Mấy chú bé chăn trâu đến với bộ đội, thể là bắc được cái cầu với dân làng. Khi vào làng, vào phố, anh em ta quét dọn sạch sẽ đường làng, ngõ xóm, khơi thông cống rãnh. Vào nhà dân, anh em ta thu dọn ngăn nắp chỗ mình ở, quét dọn nhà cửa, cắt tóc và tắm rửa cho con họ, chữa bệnh cho người ốm (chữa các bệnh thông thường như ghẻ, lở, mụn nhọt, cảm sốt v.v.) và hết sức tôn trọng phong tục tập quán của dân, giữ nghiêm kỷ luật của quân đội.

Trẻ em và những người chi. những bà mẹ Trung Quốc ở đâu cũng là cái cầu nối

dân làng với bộ đội Việt Nam.

Cuộc sống cực kỳ gian khổ, thiếu thốn, tinh thần yêu thương đùm bọc, chia ngọt sẻ bùi của bộ đội ta với nhau, những việc làm thực tế giúp dân và kỷ luật nghiêm minh của quân đội đã làm cho nhân dân Trung Quốc ở khu Thập Vạn Đại Sơn cảm động và có cảm tình với bộ đội Việt Nam. Mặt khác, ta tuyên truyền cho dân hiểu bộ đội Việt Nam sang giúp Quân giải phóng Trung Quốc đánh quân Quốc dân đảng để giải phóng nhân dân Trung Quốc khỏi bị áp bức, bóc lột. Nhân dân địa phương gọi bộ đội ta là "Quân giải phóng Việt Nam". Điều đó nói lên sự tin cậy của quần chúng.

\*  
\*  
\*

Khi bộ đội ta xuất hiện ở khu Thập Vạn Đại Sơn, quân Quốc dân đảng rút bỏ Nà Số và một số đồn lẻ khác. Tập trung quân về bốn địa điểm là Nà Lường, Phòng Thành, Đông Hưng và Trúc Sơn.

Trúc Sơn là một thị trấn cửa khẩu khá quan trọng, mỗi bề rộng đến một ki-lô-mét. Quân Tưởng đóng trong các phố. Bốn góc thị trấn có lô-cốt to. Theo bạn, địch có khoảng 4 đại đội trang bị súng trường, quân số không đủ. Ta có điều kiện bao vây địch, chặn đánh viện binh địch theo đường bộ từ Phòng Thành, Đông Hưng đến và từ biển vào. Giải phóng được Trúc Sơn, ta có thể giúp bạn có điều kiện thu thuế, có tiền nuôi quân. Đêm 5-7-1949, quân ta từ ba mặt nổ súng. Súng cối và súng máy của ta bắn mạnh. Địch cũng bắn dữ từ các lô-cốt. Hai đại đội của ta chiếm được hai góc phố nhưng không tiến được vì đạn badôca của ta không nổ mà hỏa lực địch thì mạnh. Trận đánh kéo dài đến sáng. Bộ tư lệnh chủ trương chuyển sang bao vây, tiêu diệt lô-cốt chính và dụ hàng. Sáng ngày 6-7, ta đánh lô-cốt chính nhưng không phá được. Trọng liên 12,7 ly của ta đẩy lùi quân viện bằng đường biển của địch. Đến chiều ngày thứ năm, quân viện của địch từ Phòng Thành và Đông Hưng kéo đến. Sáng ngày thứ bảy, quân ta được lệnh rút khỏi Trúc Sơn.

Như vậy là tiểu đoàn 426 trận đầu đánh Trúc Sơn không thành công. Một phần do tiểu đoàn vốn thạo đánh vận động, không quen đánh công kiên. Một phần do thiếu phương tiện phá công sự vững chắc của địch. Anh em coi đây là "mối hận Trúc Sơn" và họ quyết tâm rửa hận trong những trận sắp tới.

Hai ngày sau, một đơn vị bạn là chi đội 3 tiến công địch ở gần Trúc Sơn, diệt gọn một tiểu đoàn. Địch ở Trúc Sơn kéo về Đông Hưng cố thủ. Chúng cũng rút khỏi Nà Lường, chỉ còn đóng giữ Phòng Thành và Đông Hưng. Sau khi Nà Lường được giải phóng, chính quyền cách mạng cấp huyện đầu tiên được thành lập. Ta đề nghị với bạn cho mở một phòng khám bệnh ở Nà Lường để khám và chữa bệnh cho lực lượng vũ trang hai bên và cho dân chúng. Phòng khám bệnh đó giải quyết kịp thời một số trường hợp cấp cứu cho dân, gây ảnh hưởng tốt.

Sau trận Trúc Sơn, bộ đội ta tiến quân lên hướng Khâm Châu. Trên đường đi, đã tiến công một đại đội địch đóng ở thị trấn Vòng-Chúc, thu được nhiều lương thực. Ngày 25-7, quân ta đến Mào Lặng, một phố lớn ở gần sông, gần biển. Bạn đặt trạm thu thuế để có tiền mua gạo và thực phẩm cho bộ đội. Quân ta đang trú quân thì phát hiện địch hành quân đến, liền triển khai các đơn vị tiến công địch. Bị đánh bất ngờ, bọn địch đã bỏ chạy tán loạn.

Sau đó ta tiếp tục vượt sông sang địa phận Khâm Châu. Sang sông, ta phát hiện nhà của Trương Thụy Quý, Phó tư lệnh tiểu phi của Quốc dân đảng ở miền Nam Quảng Đông. Tên này đang di chuyển người và hàng hóa trên rất nhiều thuyền. Ta tổ chức một lực lượng nhỏ đuổi theo, đến bến Trường Thần thì gặp địch. Bọn lính hộ tống bỏ chạy. Ta bắt giữ được 24 thuyền chở đầy hàng hóa, giao tất cả cho bạn.

Hôm sau, quân ta hành quân dưới chân dãy núi Quán Thồng Quan Đường) phía nam thị xã Nam Ninh thì gặp địch. Bộ phận đi đầu nhanh chóng chiếm ngọn núi cao trước mặt, chuẩn bị tiến công điểm cao có địch bên cạnh. Khẩu 12,7 ly của ta phát huy hỏa lực mạnh, quân ta lập tức xung phong dùng lưới lê và dao kiếm đánh địch, chiếm được điểm cao và tiếp tục truy kích. Quân địch thương vong, bỏ chạy tán loạn. Ta diệt gọn một đại đội địch, cả tên tiểu đoàn trưởng, bắt sống gần 50 tên, thu được một đại liên Mác xim. 3 trung liên. 2 óng phóng lưu. 12 các bin và nhiều súng trường. Hai đại đội

còn lại của địch rút chạy.

Sau trận đánh, nhân dân làng Quán Thòong mang gạo, lợn cho bộ đội, và làm vé ca tụng bộ đội ta đánh giặc dũng cảm.

Sau trận này, ta tiến đánh Đại Trục, đánh vào nhà một tên tiểu đoàn trưởng Quốc dân đảng, bắt được một số lính.

Trận cuối cùng là trận phối hợp với tiểu đoàn du kích tập trung do đồng chí bạn là Vương Cương chỉ huy tiêu diệt tên trùm phi khét tiếng trong vùng. Tên này có khoảng 100 quân, cai quản cả một làng lớn và khống chế các làng lân cận. Nó có nhiều tội ác với dân như trói người dân vào cọc rồi đổ dầu vào người thiêu sống.

Quân du kích đánh vào làng, dồn được địch vào một khu. Chúng rút vào một căn nhà hai tầng kiên cố, có tường bao bọc. Quân du kích vây đánh suốt ngày không được. Bạn yêu cầu ta giúp đỡ. Một trung đội của ta đem khẩu trọng liên 12,7 ly và súng badôca đến chi viện. Bạn khoét thủng tường một ngôi nhà thành lỗ hổng khá to. Ta đặt trọng liên bắn lỗ tường khu nhà địch bên kia đường rồi bắn tập trung vào một điểm, xuyên thủng tường thành một lỗ thủng nhỏ, sau đó đem badôca phụt vào đúng chỗ ấy. Hai phát badôca phá một lỗ hổng to, người chui lọt. Bạn phi bỏ chạy lên gác. Máy chiến sĩ ta vọt theo lỗ hổng vào bên trong, người bắn tiểu liên chế áp các cửa sổ, người mở cổng cho quân vào. Trong lúc địch đang rối loạn, ta đánh thốc lên gác, bắt sống được tất cả hơn ba chục tên phi, cả tên tướng phi, giao cho bạn.

Sau trận đánh, ta bàn với bạn tổ chức mít tinh quần chúng và lập tòa án xét xử công khai bọn cầm đầu lực lượng phi, nêu cao uy thế của cách mạng.

Chiều hôm sau, hàng nghìn người đem theo biểu ngữ đến dự mít tinh và phiên tòa. Việc tiêu diệt đám phi này và xử bắn tên tướng phi ngay sau khi tòa tuyên án đã có ảnh hưởng lớn ở địa phương.

Vào khoảng cuối tháng 10-1949, khi Chính ủy Trần Minh Giang liên lạc được với Đại quân Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc lúc đó đã xuống gần Nam Ninh, thì bộ đội ta được lệnh rút về nước. Ta để lại một đại đội tiếp tục xây dựng cơ sở và đánh địch ở vùng biên giới giáp 2 tỉnh Quảng Đông và Hải Ninh phối hợp với bạn để giải phóng một số vùng còn có quân Quốc dân đảng chiếm đóng. Đại đội này được bổ sung một trung đội du kích thoát ly của Mông Cai được tặng cường súng cối 82 và đại liên. Chính đại đội này đã vào chiếm thị xã Đông Hưng khi quân Tưởng bỏ chạy, được nhân dân địa phương chào đón nhiệt liệt. Ta tổ chức niêm phong các kho tàng địch để lại. Hai ngày sau, quân du kích của bạn tới, bộ đội ta bàn giao toàn bộ cho bạn và rút ra đóng quân ngoài thị xã.

Hai ngày sau, Đại quân của bạn mới tới và gặp ta trên đường ta hành quân về nơi trú quân ở một làng gần Nà Lường. Hai đội quân nhận ra nhau, tay bắt mặt mừng, liên hoan ca hát ngay trên đường.

Thế là kể từ ngày lên đường ở làng Bằng đến lúc quân ta tiến vào thị xã Đông Hưng, trải qua hơn 5 tháng hành quân gian khổ, thiếu đói và chiến đấu trong những điều kiện vô cùng khổ khăn, bộ đội ta phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương của bạn đã loại khỏi vòng chiến đấu trên dưới một trung đoàn địch, mở rộng khu căn cứ của bạn, giải phóng được 10 trong số 12 thị trấn của huyện Phong Thành, làm cho các căn cứ ở khu Thập Vạn Đại Sơn nối liền một dải và tạo thế thuận lợi cho hoạt động của ta ở vùng Hải Ninh. Ta hy sinh hơn 50 đồng chí, trong số đó có cả cán bộ đại đội, trung đội, tiểu đội. Các đồng chí bạn đã quy tập hài cốt và xây dựng một đài kỷ niệm khang trang ở thị xã Đông Hưng.

Trong cuộc họp chung cuối cùng của Bộ tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn, các đồng chí Chính ủy và Tư lệnh đều nhất trí: "Thắng lợi về quân sự là quan trọng nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn nhiều".

Bằng xương máu của mình, quân đội ta đã góp phần xây đắp tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Trung Quốc mới và Việt Nam mới, góp phần nhỏ bé nhưng rất cao quý và vẻ vang vào sự nghiệp giải phóng nhân dân Trung Quốc trong lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đang còn gặp biết bao khó khăn to lớn về nhiều mặt trong những năm đầu của cuộc kháng chiến. Bộ đội ta đã gây được những ấn tượng tốt đẹp trong nhân dân vùng mới giải phóng của Trung Quốc về hình

ảnh của bộ đội cách mạng mà người dân Trung Quốc ở đây gọi là "Việt Nam Giải phóng quân": Kỷ luật rất cao, đoàn kết mật thiết, gắn bó với dân, dũng cảm phi thường, sẵn sàng hy sinh tính mạng vì nghĩa vụ quốc tế cao cả.

Khi chia tay bộ đội ta ở bờ sông Phủ Lũng, đồng chí Trần Phát-một ủy viên của khu Thập Vạn Đại Sơn-đã khóc, lưu luyến. Nắm chặt tay đồng chí Tư lệnh Việt Nam, đồng chí Phát nghẹn ngào: "Cảm ơn các đồng chí Việt Nam đã phối hợp chiến đấu, đem mồ hôi xương máu giúp chúng tôi trong lúc khó khăn. Các đồng chí đã để lại những tấm gương trong sáng về tinh thần quốc tế. Cảm ơn cách mạng Việt Nam. Tuy còn bao nhiêu khó khăn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, cách mạng Việt Nam vẫn ghé vai để gánh cho cách mạng Trung Quốc. Thật là cao thượng".

Tháng 4-2001, nhân tiết thanh minh, một đoàn cán bộ của trung đoàn 59, tiểu đoàn 426 và cơ quan Bộ tư lệnh đã tham gia hoạt động ở Thập Vạn Đại Sơn năm 1949, được phép của Ban Bí thư Trung ương Đảng ta và theo lời mời của bạn Trung Quốc, đã trở lại Thập Vạn Đại Sơn, thắp hương cho các liệt sĩ, thăm lại chiến trường xưa và cảm ơn các đồng chí bạn. Chúng tôi đã gặp lại những bạn chiến đấu Trung Quốc sau hơn 50 năm xa cách. Các đồng chí Trung Quốc đều rất vui mừng nói rằng: "Tình hữu nghị giữa hai dân tộc Trung-Việt không phải là tình hữu nghị thông thường mà là tình hữu nghị đặc biệt, được xây đắp bằng dóngh máu của người cách mạng".

*Hà Nội, ngày 20-3-2004*

*\* Sau trận Trúc Sơn một thời gian đồng chí Hoàng Thế Dũng, Chính ủy Trung đoàn Hải Kiến sang thay đồng chí Đỗ Trình.*



Trung tướng, giáo sư tiến sĩ ĐỖ TRÌNH

## Trận đánh trong “rừng im lặng”

Ngày 12 tháng 06 năm 2004

Những cựu chiến binh của tiểu đoàn 7 trung đoàn 66 không thể nào quên được trận đánh Mỹ trong khu “rừng im lặng”, mặt trận Tây Nguyên tháng 7 năm 1966. Một cánh rừng nhiều cây săng lẻ, lạ thay rất ít tiếng chim muông, côn trùng. Sự im lặng chưa bao giờ thấy, khiến cho lính ta ở quanh đấy đặt tên là khu “rừng im lặng”.

Vào ngày 3 tháng 7, trinh sát của tiểu đoàn 7 phát hiện một đại đội Mỹ dừng chân tạm thời tại “rừng im lặng” để ăn trưa. Anh em tổ chức bám sát động thái của chúng, cử người về báo cáo gấp tiểu đoàn. BCH tiểu đoàn 7 nhanh chóng hội ý. Đại đội 2 chủ công, tăng cường thêm 1 khẩu cối 82mm được lệnh hành quân gấp. Địch danh tiểu đoàn phó Võ Quang Tịnh chỉ huy.

Nhờ có dẫn đường, đơn vị nhanh chóng áp sát địch, triển khai chiến đấu. Khi thấy đội hình địch nằm trong vùng hỏa lực, Võ Quang Tịnh ra lệnh bắn. Cứ thế cối 82, cối 60 nã đạn vào đội hình Mỹ. Bị bất ngờ, chúng la lối gọi pháo và không quân chi viện. Nhưng máy thông tin bị cối giập trúng từ đầu, chúng lại càng hoảng loạn.

Đại đội trưởng Hứa Văn Kính xông xáo chỉ thị mục tiêu cho các chiến sĩ B40, AK diệt hết mục tiêu này đến mục tiêu khác. Hoàng Minh Khôi diệt 8 tên, Phạm công Vụ dùng AK bắn 3 tên, sử dụng lê đâm chết 2 tên khác. Bị đánh gấn, hỏa lực mạnh, bất ngờ, nên chỉ sau khoảng 20 phút, một đại đội bộ binh Mỹ bị diệt gọn. Đây là kỷ lục đầu tiên một đại đội ta đánh thắng, diệt gọn một đại đội Mỹ trên chiến trường.

Phản đoán đúng, địch nhất định sẽ giải tỏa lấy xác, ta báo cáo xin chi viện. Ngay chiều hôm đó xe tăng, xe bọc thép Mỹ từ đồn Đức Vinh, yểm trợ bộ binh phản kích vào trận địa đại đội 2.

Tiểu đoàn 7 được tin, lệnh cho 2 đại đội lên đường chi viện. Ta tổ chức đánh bên sườn, phía sau địch. Do phối hợp tốt, chốt đại đội 2 giữ vững, các đại đội 1 và 3 đánh lướt sườn đội hình quân Mỹ, vòng đánh phía sau bất ngờ... ta bắn cháy 3 xe bọc thép M -113, diệt thêm một đại đội quân Mỹ.

Hoảng loạn thực sự, quân Mỹ tháo chạy về phía sau, một lát máy bay Mỹ lao tới oanh tạc vào trận địa, hủy xác đồng bọn, xóa dấu vết thảm bại. Trận đánh của tiểu đoàn 7 đã hình thành bước đầu chiến thuật “chốt kết hợp vận động”.

## Chiến sĩ tình báo mang biệt danh K9 (số 1)

Ngày 13 tháng 07 năm 2004

Tiết tháng mười, đất Quảng Bình trời mưa tầm tã. Nước từ ngọn nguồn đổ về chảy băng băng. Mức nước dâng lên rất nhanh, chỉ một loáng nước mới lấp sấp bàn chân đã dâng lên ngang ngực rồi lút đầu người. Hàng nghìn nóc nhà bị ngập, trong đó có hàng trăm ngôi nhà bị nước cuốn ra biển. Người bị tắc nghẽn trong nhà, người nhanh chóng trèo lên ngọn cây cao. Trận lũ ấy tỉnh Quảng Bình có hàng trăm người chết, hàng chục người mất tích. Cảnh tượng thật hãi hùng.

Chuông nhà thờ Đồng Hới hầu như cả ngày lẫn đêm vang lên; thật náo nê và buồn thê thảm. Cha xứ khoảng hơn bốn chục tuổi. Ông ta béo tròn toàn thân bùng nhùng những mỡ là mỡ. Dân Đồng Hới kể cho nhau nghe: "Ông cha này hay đến nhà tu nữ. Có hôm, ông ngủ tại đó. Có một mục đàn bà đi tu, nhưng da thịt lúc nào cũng hồng hào, mắt sắc như dao cau. Mục hay đến buồng ở của cha xứ. Chuyện ấy cứ kéo dài hàng năm hàng tháng. Thế rồi, cái bụng của mục xơ cứng nổi lên to dần. Cha xứ Đồng Hới phải đưa mục ta vào Huế hoặc đi đâu không rõ để tránh tiếng bàn luận của bà con. Tuy nhiên, bà con cả giáo, cả lương vẫn xi xào bàn tán với nhau. Cha xứ biết, nhưng gã vẫn đứng trên bục giảng đạo cho giáo dân.

Có một buổi chiều, một người thanh niên thập thò ngoài, cánh cửa phòng của cha xứ. Ngần ngại lâu lắm, anh không dám động cánh cửa phòng của cha xứ. Anh cất tiếng nói nhỏ vọng vào phòng cha:

- Dạ thưa cha, con có việc đến nhờ cậy cha ạ!

Cha xứ lục đục một hồi lâu mới hắng giọng:

- Ai đó, có việc gì cứ nói?

- Con là Đan, Nguyễn Mậu Đan ạ. Con là con của bà Hán ạ.

- Hán nào?

- Mẹ con là con bác, cha là con chú ruột ạ.

- Á tao nhớ rồi. Thế có việc gì hở cháu?

- Mẹ con cháu sau trận lụt, quá khốn nhưng không dám làm phiền ai hết. Tính mẹ cháu thế mà cậu.

- Cậu biết mẹ cháu là người có học. Hỏi nhỏ đi học, mẹ cháu bao giờ cũng hơn cậu đấy. Thế cháu có học hành gì không?

- Dạ có ạ. Cháu học hết sơ học yếu lược. Định học nữa mà không có ăn nên đành ở nhà làm ruộng. Thi thoảng ông lý trưởng gọi sang nhờ cháu viết một ít văn bản gì đấy. Viết cả ngày ông cho được 5 chinh, đủ tiền mua gạo cho hai mẹ con ba bốn ngày ạ.

- Cha cái thằng lý trưởng Bằng keo kiệt. Nó chỉ biết ăn của người ta. Đâu mà có giống ác, giống tham lam như thế. Trời chu, đất triệt cái thằng ấy cho tao. Bây giờ, cháu nói để cậu xem sao nào?

- Mẹ cháu bảo là lên xin với cậu một việc làm. Ở hầu cậu cũng được ạ. Miễn là cháu có cơm ăn. Nếu cậu thương tình cho mẹ cháu mấy chinh, mấy xu thì càng tốt ạ.

- Thôi được. Chị em máu mủ, mày ở đây với cậu, làm việc cho cậu là được. Mày viết chữ có đẹp không? Có nói được tiếng Pháp không?

- Cậu cứ coi như sát hạch cháu ạ!

Đan được ngồi vào bàn. Cha xứ đưa ra một quyển tiếng Pháp dày cộp. Đan đọc liền thoáng.

- Thôi dừng lại cậu hỏi. Đoạn vừa rồi cháu đọc, họ viết gì?

- Đây là cuốn sách của một người Pháp viết về dân thuộc địa. Ông ta mô tả vua quan thời Naurvễn. Ông viết cả một số chính sách hà khắc của vua quan thời Naurvễn

với bà con mình ạ...

- Khá lắm, cháu phát âm rất chuẩn, lại hiểu đúng nghĩa cuốn sách viết. Bây giờ cháu viết chữ cho cậu coi thử.

Cha xứ đọc một bài thơ Pháp dài tới hơn hai chục câu. Đàn chép thơ xong lại đọc lại cho cha xứ nghe. Gã ta gật gù cái thân béo núc ních:

- Cháu cậu vậy mà giỏi. Giỏi hơn khá đấy cháu ạ. Có mấy thằng nói là thông ngôn mà xem ra, chúng nó có trình độ bằng nửa cháu thôi. Thế này nhé. Về nói với mẹ, trước hết là cậu hỏi thăm. Còn cháu từ mai tới đây ở luôn với cậu. Mỗi tháng cậu biếu mẹ cháu mười lăm chinh. Cứ tạm thế đã, sau này cậu xem xét sẽ tính sau vậy.

- Cháu cảm ơn cậu nhiều ạ.

- À cậu dặn thêm. Không phải mang quần áo gì cả. Mặc một bộ từ nhà đến đây thôi. Còn tới đây cậu may cho mấy bộ, mua cả giày, mũ nữa chứ! Cháu sẽ phải tiếp các quan Pháp nhiều, vì vậy không thể ăn mặc xuề xòa được. Lũ Pháp nó đã bảo dân mình là An-nam-mít. Nếu mà không biết cách sinh hoạt, ăn nói, ăn mặc cho đúng phép, nó sẽ bảo mình là con lừa, con lợn đấy, nghe chưa?

- Dạ. Cháu xin phép cậu, cháu chào cậu ạ.

Đàn về nhà, trong lòng vui như hội. Anh kể chuyện cho mẹ nghe về cuộc gặp gỡ của hai cậu cháu.

Bà lắng lặng gật đầu. Bà bảo con:

- Thức lâu mới hiểu đêm dài con ạ! Chớ có vô vấp, rồi lại hỏi không kịp đâu. Ngày mai con đến nhà thờ ngay chứ.

- Dạ

- Thế thì chuẩn bị mà đi.

- À! Cậu đưa biếu mẹ 5 chinh đây, mẹ giữ mà đong gạo mẹ nhé.

Hai mẹ con sống giữa cái nổi thực thực, hư hư rất khó tả. Thôi, cùng liều nhắm mắt đưa chân vậy!

Đêm đó, Đàn xin phép mẹ đi rất khuya mới về. Bà mẹ hỏi, anh chỉ trả lời cho qua chuyện. Thậm chí anh đã giấu việc anh làm.

- Mẹ chớ lo, con đi chơi với mấy thằng bạn thân, báo với nó là có việc làm. Bạn nó mừng cho con. Thế là ngồi quên mất. Đến khi gà gáy mới biết mà về.

- Lần sau thì chớ thế nữa. Lỡ gặp lính tuần thì khổ con ạ. Mà phải vào tù thì mẹ khổ lắm đấy!

- Dạ. Lần sau con về sớm.

Đêm vừa rồi. Đàn đã bơi qua sông Nhật Lệ sang đất Võ Ninh để gặp đồng chí Cổ Kim Thành, báo cáo về công việc được giao. Nghe Đàn báo cáo, anh Thành mừng lắm.

- Thế là ta đã cắm được vào đất chúng ở rồi. Cậu vào đấy phải thật khéo léo để lấy được tin tức cho cấp trên. Nhưng phải hết sức chú ý anh em ta nữa đấy. Du kích Đồng Hới lâu nay vẫn hoạt động khá kết quả. Không thận trọng là anh em thanh toán nhầm thì uổng công, hơn nữa bị gián đoạn công việc của ta.

- Thừa anh, em nhớ. Em xin hết sức cố gắng!

Đàn lại vượt sông Nhật Lệ trở về sau khi gà gáy canh một. Anh lăn ra giường làm một giấc thật ngon lành. Trời sáng một lúc, anh mới hốt hoảng dậy chào mẹ rồi đi đến nhà thờ.

Hôm nay, cha xứ đón tiếp một đại úy Pháp. Nội dung Đàn không được biết. Anh chỉ chuẩn bị các giấy tờ theo hướng dẫn của cha xứ. Chuẩn bị đầy đủ mọi thứ. Đàn đứng bên cạnh cha xứ chờ khách. Những người bê nước, lau nhà đều phải đi chỗ khác. Cha xứ nuôi một con chó lai rất khôn ngoan. Nó biết nghe người nói. Nhất là việc giữ nhà thì không chê vào đâu được. Cha xứ nói với con chó: "Mặc hôm nay phải gác nhé. Có người lạ thì sủa ba tiếng, còn người quen thì hai tiếng thôi. Người quen trong nhà thì Mặc có thể chạy vào gọi tao, hoặc cháu Đàn ra cũng được".

Khoảng hơn tám giờ sáng, một chiếc ô tô sơn màu đen bóng nhoáng chạy từ ngoài thẳng vào sân nhà thờ. Hai người lính bảo hoàng chân đạp gót vào nhau, tay nâng súng chào đại úy Pháp.

Cha xứ từ phòng tiếp khách và theo sau là Đàn cũng chav ra. Cha xứ đón đại

úy Pháp hơn cả đón tình trường Quảng Bình.

Đại úy Pháp vào phòng khách, rút điều thuốc châm lửa hút. Hắn nói với cha xứ bằng tiếng Pháp:

- Ta bắt đầu vào việc, thưa ngài. Trước hết tôi vui mừng báo cho ngài biết. Ngài được thăng cấp quân hàm trung úy và làm nhiệm vụ đặc biệt.

- Rất cảm ơn đại úy.

- Không phải cảm ơn tôi. Tôi làm gì cho ngài mà cảm ơn. Ngài cảm ơn mẫu quốc mới đúng.

- Dạ. Xin nghe lời đại úy dạy ạ.

Cha xứ thật sự khúm núm trước đại úy Pháp. Gã nói tiếng Pháp chưa được thạo lắm, nhưng Đản đứng bên cạnh thấy chỗ nào gã chưa biết, gã làm hiệu thì Đản dịch ngay.

Đại úy Pháp nghe Đản nói tiếng Pháp, rất khen anh. Tuy nhiên gã bỗng hỏi cha xứ:

- Người giúp việc ông tuyển dụng từ đâu tới. Có đáng tin cậy không?

- Dạ thưa đại úy, cháu đây là con bà chị gái tôi. Tôi nhận nó là có chọn lọc rất cẩn thận đấy ạ. Thằng cháu này rất thông minh. Tiếc là nhà nó nghèo quá, không theo học được. Dạ thưa đại úy, sau khi nhận cháu đến làm việc, tôi thăm nghĩ là sẽ nhờ gửi gắm đào tạo cháu thành người có ích cho chúng ta. Tôi suy nghĩ như vậy có được không ạ?

- Tôi cũng nghĩ như ngài đấy. Tuyển chọn được một người Việt Nam biết nói tiếng Pháp giỏi như cậu ta cũng hơi hiếm. Ông chọn cháu, con chị gái đến giúp việc lại càng tốt. Tôi tin ông, tôi sẽ báo cáo với cấp trên. Có thể cho cậu ta đi học ở Đà Lạt và nếu sang được nước Pháp thì cơ sở đào tạo sẽ tốt hơn nhiều.



Nguyen Thanh

Quan Doi Nhan Dan, 13 July 2004, accessed on 18 July 2004 at

[http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id\\_new=29568&subject=11](http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id_new=29568&subject=11)

## Chiến sĩ tình báo mang biệt danh K9 (số 2)

Ngày 13 tháng 07 năm 2004

Đại úy Pháp và cha xứ làm việc với nhau tỏ ra rất thận trọng. Đại úy Pháp trải tấm bản đồ Đông Dương ra mặt bàn. Ông ta nói một hồi lâu, có tới nửa giờ. Mậu Đản nghe. Anh biết cuộc làm việc này vô cùng quan trọng. Đó là những mưu đồ chiến lược của Pháp cho toàn Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Ý đồ của chúng là tăng cường kiểm soát thật ngặt nghèo đối với tất cả mọi vùng, nhưng đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn và Cần Thơ. Chúng đã đào tạo được một lũ tay sai từ nước ngoài về. Những tên này về nước sẽ thực thi ý đồ của chúng. Đản nghe rõ tên Pháp nói với cha xứ rằng, chúng sẽ củng cố thật vững chắc các vùng tề, phát triển thêm các vùng tề mới khắp cả ba vùng đồng bằng, trung du và miền núi. Sẽ bắt đầu các cuộc hành quân để diệt cộng sản ở khắp mọi nơi, nhất là đánh vào các cơ sở kháng chiến. Bắt cho được các cán bộ lãnh đạo ở từng vùng. Kêu hàng tất cả đối với cán bộ bị bắt. Ai không kêu hàng được thì thủ tiêu sạch sẽ. Tên đại úy Pháp giao trách nhiệm cho cha xứ phải đi tới mọi vùng có giáo dân để hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Đản nghe hai tên trao đổi công việc mà đỏ cả mặt. Anh bỗng giật mình khi tên Pháp hỏi anh:

- Cậu nhỏ phải hết sức giữ bí mật. Nếu lộ, thì cả ông cậu là trung úy cha xứ cũng không gỡ cho cậu khỏi chết. Có ghi chép đầy đủ những nội dung của công việc không?

- Dạ. Thưa đại úy, tôi ghi đầy đủ ạ!

- Cho xem.

Đàn giờ hai tay đưa tập ghi chép cho tên Pháp. Vừa xem, hắn vừa tủm tỉm cười khen Đàn:

- Thật sự cha xứ có một thư ký giỏi giang. Tôi hỏi ngài cha xứ, nếu tôi cần dùng vị thư ký này thì ông đồng tình chứ?

- Tôi xin nguyện dốc tất cả tâm lực phục vụ nước mẹ đại Pháp ạ!

- Tốt.

Tên đại úy Pháp rất thông hiểu tình hình và cả phong tục từng vùng ở đất nước ta. Hắn nói tiếng Việt thành thạo gần như người chính gốc. Cha xứ trịnh trọng mời cơm đại úy Pháp. Đàn được tham dự. Những người phục vụ và lái xe cho tên Pháp ăn niêng ở nhà bếp.

Ăn xong, tên Pháp đứng dậy ra về ngay. Con chó của cha xứ sủa ba tiếng chào người quen.

Chỉ sau một thời gian ngắn, liên quân Pháp-Việt đã tổ chức các cuộc hành quân càn quét ra các vùng nông thôn. Chùng càn quét vùng Quảng Trạch, Bố Trạch, Cự Nẫm và rất nhiều nơi của tỉnh Quảng Bình. Những cuộc đốt phá giết chóc vô cùng dã man.

Ngay sau cuộc giao nhiệm vụ của tên đại úy Pháp cho cha xứ, Đàn đã nhanh chóng và bí mật báo tin cho lãnh đạo tỉnh Quảng Bình. Tỉnh đã thông báo cho lãnh đạo các địa phương, vì vậy các nơi đã chủ động đối phó, đề phòng nên hạn chế được tổn thất.

Mậu Đan đã lập được một tuyến truyền tin riêng cho mình. Cấp trên đã cho một nữ liên lạc đóng vai tu sĩ nhập vào làm việc tại nhà thờ, để trực tiếp truyền tải tin tức từ Đàn về cho lãnh đạo và ngược lại.

Lời nói của tên đại úy Pháp với cha xứ thật nhanh chóng được thực hiện. Anh đã có danh sách được đi học hạ sĩ quan ở Đà Lạt. Cấp trên động viên anh đi học. Đồng chí Cổ Kim Thành còn nói với Đàn:

- Cậu phải tìm cách chui sâu, leo cao. Càng sâu, càng cao càng tốt. Cách mạng rất cần một đội ngũ đông đảo để gánh vác sứ mạng của đất nước, trước hết là làm các nhiệm vụ tổ chức của ta. Từ hôm nay, cậu có biệt danh là K9. Nhớ chưa?

Đàn đứng dậy bắt tay và chào từ biệt đồng chí Cổ Kim Thành. Hai người nắm tay nhau rất chặt. Họ đứng bên bờ sông Nhật Lệ êm đềm, nhìn ra bãi cát trắng phau của huyện Võ Ninh, xa xa là biển Đông đang vỗ sóng.

Sau khóa học hai năm, Đàn đã tốt nghiệp loại ưu tú, được đặc cách phong hàm trung sĩ. Anh trở về ngay Quảng Bình. Anh vẫn làm việc với cha xứ, nhưng không mặc quân phục. Cha xứ càng tin cậy anh hơn nhiều. Hắn giao cho anh nhiều trách nhiệm để làm việc. Anh vẫn cung cấp được nhiều tin cho lãnh đạo tỉnh. Tin tức của anh rất có tác dụng đối với lãnh đạo và phong trào kháng chiến chống Pháp của địa phương. Sau một thời gian ngắn, Đàn được điều vào Huế. Lúc này anh đã lấy vợ. Vợ Đàn là chiến sĩ du kích Hoàng Ngân, quê ở Hưng Yên. Có người trông nom và nuôi dưỡng mẹ già nên Đàn càng yên tâm làm việc.

Năm 1954, Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết. Một nửa nước, miền Bắc bắt tay vào xây dựng phát triển. Các hợp tác xã nông nghiệp được dần dần hình thành. Dân miền Bắc qua cuộc giảm tô, cải cách ruộng đất đã từng bước thay đổi, đi lên một xã hội mới.

Nguyễn Mậu Đan rời miền Bắc vào Huế. Anh bước vào một thời kỳ mới, một giai đoạn mới với nhiệm vụ mới. Anh đưa vợ và con nhỏ vào Nam. Hồi này, mẹ anh vừa mất. Anh nhờ họ hàng và người thân trông nom mồ mã cho bà để lên đường. Ở quê, nhiều người thấy anh làm việc với nhà thờ Đồng Hới, họ nhìn anh với con mắt khác lạ. Anh cười thầm, không oán trách họ.

Huế là một địa bàn lạ đối với Đàn. Giọng nói ở hai vùng gần như một, nhưng phong cách sống của người Huế có vẻ lạnh lùng, không xởi lởi như dân Quảng Bình.

Một thời gian khá dài, anh mới hòa nhập được với dân Huế. Vợ anh là người Hưng Yên. Chị nghe tiếng Huế đã khó, nên hòa nhập rất khó khăn. Nhớ quê hương, nhớ bố, mẹ, họ hàng, nhiều lúc chị bản thân cả người. May mắn là bà con ở Huế không có sự phân biệt với họ. Dần dần họ đều trở thành láng giềng thân thích. Chỗ ở không có. Đàn phải dựng tạm cho vợ con một túp lều tôn. Mùa hè, lũ nhỏ bị nóng thiêu đốt, da đỏ như tôm luộc. Chị thương các con, nhưng chỉ biết nựng con cho chúng yên lòng. Cái khó khăn nhất của Đàn là tìm được tổ chức. Hồi ở Quảng Bình, có một chiến sĩ liên lạc vào nhập vai tu sĩ, cùng hoạt động và làm nhiệm vụ với anh, nhưng vào Huế có tới hơn một năm rồi mà vẫn im như tờ. Nhiều đêm nghĩ về nhiệm vụ mà anh không hề chớp mắt. Đêm như dài vô tận. Đàn hút hết điếu thuốc lá này đến điếu khác, tàn thuốc cứ đầy lên ở chiếc gạt tàn. Huế không có tiếng gà gáy, chỉ có tiếng thạch sùng chạch lười trong đêm. Nhiều lúc, Đàn giật mình ngồi nghe ngóng động tĩnh, nhưng rồi chỉ có sự yên lặng bốn bề.

Một đêm đã qua, sớm ngủ dậy, Đàn thấy một bà già bán bánh hỏi trước cửa nhà anh. Bà nhìn Đàn rất lâu. Khi Đàn cúi xuống lấy bánh, bà ghé sát tai anh nói nhỏ:

- Có phải con là K9?

- Ai nói với bà để biết con?

- Tổ chức giao cho má đi tìm con cả tháng nay bây giờ mới gặp. Con có khỏe không? Vợ con được yên lành cả chứ?

- Dạ. Vợ con con vẫn được mạnh khỏe, chỉ phải cái ở nhà tôn lại nhỏ quá nên các cháu nóng quá.

- Trời đất. Tội chúng nó quá. Thế này nhé, nếu anh không chê thì đưa vợ con đến ở với tôi. Nhà cũng nhỏ thôi nhưng là nhà lá, không nóng nhiều. Hơn nữa, nước sôi đầy đủ, tắm rửa cho các cháu tha hồ, không lo.

Đàn mừng lắm. Anh mừng nhất là tổ chức đã tìm ra mình, từ nay đường dây liên lạc sẽ được nối lại để làm nhiệm vụ. Ngay hôm đó, anh chuyển vợ con đến nhà bà già bán bánh. Bà tên là Yến. Tuy tuổi già mà rất tháo vát nhanh nhẹn. Bà Yến đã hoạt động trong phong trào phụ nữ cứu quốc từ rất lâu. Bà có uy tín với tổ chức, với bà con cố bác ở địa phương.

Vợ con Mậu Đàn về ở với bà, bà vui lên vì có tiếng trẻ nô đùa. Bà không có chồng. Ngày trước, bà yêu và hứa hẹn với một chiến sĩ vệ quốc đoàn nhưng người yêu của bà đã hy sinh trong trận đánh đèo Hải Vân. Bà đã tìm được thi hài của anh đem về mai táng ở gần nhà để hương khói cho tiện.

Bà được tổ chức giao nhiệm vụ đi tìm, nối lại các đường dây bí mật để hoạt động. Nhiều người đã được bà dẫn dắt nối lại đường dây với tổ chức. Ai cũng rất mừng và tỏ lòng cảm ơn bà. Mậu Đàn cũng vậy. Anh không nói bằng lời với bà, nhưng vô cùng cảm ơn bà đã đưa anh nối liền với tổ chức. Từ hôm nay, anh lại có nguồn vui được làm việc, được cống hiến sức lực và trí tuệ cho cách mạng.

Lãnh chúa Ngô Đình Cẩn là em ruột Ngô Đình Diệm. Gia đình họ Ngô có Thực, Diệm, Cẩn, Nhu, vợ Nhu, đều là những linh hồn của ngụy quyền tay sai Mỹ. Từ các quan thầy Pháp, chuyển sang các quan thầy Mỹ, gia đình họ Ngô đều phụng sự đắc lực quan thầy, thực hiện chia cắt đất nước, chia cắt tình cảm thân thương của dân Việt Nam.

Cẩn trị vì đất Huế. Hắn xây những biệt thự sang trọng. Ở giữa dòng sông Hương có một hòn đảo rất đẹp. Cẩn đã dựng một biệt thự ở đây. Thành thoàng, hắn đưa mẹ hắn đến văn cảnh. Mẹ Cẩn nghiện trà thuốc, mỗi mụ ta đen lại. Mẹ con Cẩn rất giống nhau ở sự tàn ác, dã man. Con mụ giết người, giết các chiến sĩ cách mạng thì mụ càng vui, càng động viên con làm mạnh hơn, giết được nhiều cộng sản hơn.

Gọi là biệt thự, nhưng thực ra là nơi tụ tập bọn phản nước hại dân. Bọn chúng đều là lũ ác ôn như nhau, rất khát máu.

Lui tới biệt thự này là những tên trùm chống cộng, những tên có chức sắc, tai to mặt lớn của chính quyền Huế, hoặc chính quyền trung ương Sài Gòn. Nhà tù Huế giam không biết bao nhiêu là chiến sĩ cán bộ của ta. Anh em chết dần, chết mòn ở nhà lao, nhiều người bị chuyển ra đày ở Côn Đảo, Phú Quốc. Họ ra đi không hẹn ngày về.

Mậu Đàn chuyển vào Huế. Anh lần mò tìm tình đồng hương với gia đình Náo

Đình Diễm. Mẹ Diễm có hôm thấy Đản đến nhà, mẹ dò la, nghi hoặc. Mẹ thấy Đản có vẻ dễ thương và dần dần Đản trở nên thân cận với mẹ. Đản tập ăn trầu thuốc để được gần mẹ hơn. Điều đó không khó đối với anh và anh đã chiếm được lòng tin của mẹ và của Cẩn. Rất may cho anh, trong một lần đến nhà Cẩn, gã cha xứ cũng từ Đồng Hới vào đây. Cha xứ đã giới thiệu Đản với mẹ và Cẩn. Hắn nói Đản là cháu, là trung sĩ đổ thủ khoa ở Đà Lạt. Cẩn và mẹ càng thấy yên tâm và tỏ ra yêu mến Đản. Đã thường lệ, mẹ Ngô Đình Cẩn hẹn với Đản một tuần phải có hai, ba ngày đến chơi để nói chuyện quê hương Lệ Thủy, Quảng Bình. Những cuộc gặp gỡ thật hoan hỷ. Mẹ Cẩn nói với con:

- Thăng Cẩn chuyển em Đản vô làm việc với mày có phải tốt hơn không. Tin đưa nào bằng tin nó!

- Thừa mẹ. Con đã có ý định như mẹ, nhưng mà nghĩ lại con định cho Đản nó đi học cao hơn. Đản là đứa thông minh mà mẹ.

- Thế thì còn gì bằng. Làm nhanh nhanh lên! Con có quyền có thế, ai mà dám ngăn con!

 TDP

NGUYỄN THANH (con nữ a)

Quan Doi Nhan Dan, 15 July 2004, accessed on 18 July 2004 at [http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id\\_new=29568&subject=11](http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id_new=29568&subject=11)

## Chiến sĩ tình báo mang biệt danh K9 (số 3)

Ngày 15 tháng 07 năm 2004

Ngô Đình Cẩn lâu nay thường rủ Đản ra đảo để câu cá. Tên trùm mật thám khét tiếng này quả thật là lắm mưu nhiều kế. Hắn đặc biệt có tính hoài nghi với mọi người, kể cả người thân. Đản đã trở thành một người thân thuộc với hắn và cả gia đình hắn, thế nhưng qua những câu chuyện rất bình thường bao giờ Cẩn cũng có ý giải bày đối với Đản. Hắn hỏi Đản:

- Vì sao mà lại lấy cô vợ ở Hưng Yên?

- Cô ấy là người gốc ở Lệ Thủy quê mình mà anh. Bây giờ ở quê còn rất nhiều người họ nội họ ngoại của cô ấy. Họ nội, họ ngoại có dây mơ, rễ má với cả nhà ta nữa đấy. Chánh tổng Hồng đấy, ông ta là con chú, con bác họ với anh. Chánh tổng Hồng không khéo, không biết đề phòng cộng sản, nên bị thiệt mạng uống phí cả một đời.

Mỗi lần gặp, Cẩn lại nghĩ ra một câu chuyện tương tự như thế. Mẹ Đản như đi guốc trong bụng Cẩn, anh đã dự đoán mỗi tình huống và sắp xếp những câu trả lời Cẩn.

Đột nhiên trong một buổi đi câu Cẩn ghé nhỏ vào tai nói với Mẹ Đản:

- Tôi muốn về quê hương chú Đản ạ.

- Làm sao mà về được anh. Bây giờ đã phân giới tuyến, chia làm hai miền mà anh?

- Chú em nổi tiếng là thông minh, học nhiều hiểu rộng mà sao việc này chú em lại thật ngây ngô.

- Anh Bầy dạy em thêm ạ!

- Đây là ý của Hoa Kỳ. Mà chú thấy đấy, Hoa Kỳ là quốc gia giàu mạnh nhất hành tinh này. Họ muốn làm gì mà chả xong.

- Em thì lại nghĩ như thế này. Pháp trước đây đã có cả một hệ thống cơ sở, đồn bốt vững chãi, thế mà phải ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ, nhường cho Việt cộng nửa nước, có thể mạnh nhiều hơn. Khó đấy anh Bầy ạ.

- Trời đất. tranh giành quyền lợi với nhau thì ai mà chả khó. Nhưng bây giờ nếu

ta có một hành động gì thì không những Hoa Kỳ mà có cả Đại Pháp, một quốc gia đã mất miếng ăn là Việt Nam và Đông Dương. Hơn nữa, chú biết là phong cách người Tây, tính hận thù còn bằng bột, mãnh liệt hơn người phương Đông ta. Bây giờ tôi hỏi thật: Chú có dám cùng tôi một tay không? Hay là sợ cộng sản nó lấy mất cái chóp đội nón.

- Có anh thì em còn lo chi ạ. Anh tính toán như thần, như thánh, anh là một bộ óc điện tử. Có anh, thì em còn lo chi nữa ạ. Các anh Diệm, anh Nhu và vợ anh ấy toàn là những bộ óc thánh cả mà còn né anh. Nhà ta thật đại phú, đại phúc.

Cần cười ha há, miệng mở rộng hở cả bộ răng ăn trầu thuốc của hần, cái đen, cái nâu, cái trắng, trông thật lạ lùng.

Đàn vẫn phải chờ đợi, nhưng giây phút chờ đợi thật nặng nề.

Sau buổi đi câu trờ về nhà thì bà mẹ cho anh ở nhờ đã rón rén tiến lại gần. Bà lần trong cặp quần và lấy ra một điều thuốc, bà thì thào:

- Thứ thuốc này không được hút, chỉ được mở ra coi rồi thủ tiêu.

Anh đọc nhanh: "Bọn địch có kế hoạch cho người ra Bắc, đồng chí hãy nắm chắc tình hình, báo tin cho lãnh đạo". Đàn đốt ngay mẩu giấy. Anh vừa sung sướng, nhưng hồi hộp, lo lắng nhiều hơn. Anh nhận biết ngay câu chuyện của Ngô Đình Cần nói muốn về quê hương Lệ Thủy. Anh tính toán phải lựa thật khôn khéo để biết được tin tức này. Mậu Đàn lại đến thăm gia đình Cần. Anh lần mò tìm cách nói chuyện với vợ hần. Nói là vợ nhưng cũng không phải là vợ, hần cũng là một tên mật thám cô môi mà giao du chơi bời với Cần mà thôi. Mẹ ta quen Mậu Đàn, có lần mẹ ta còn mơn trớn với Đàn. Chuyện ấy là một lẽ thường của bọn chúng. Đàn biết lắm và bao giờ anh cũng đề phòng. Hôm nay Đàn đến, mẹ ta đón Đàn rất xun xoe:

- Tôi có tin này. Đàn có nghe không?

- Chị dạy thì làm sao em không nghe được.

- Tôi làm sao mà dạy được cậu. Chỉ có anh Cần thì mới đáng dạy bảo cậu thôi.

Nghe nhé, anh Cần và chiến hữu của anh muốn về thăm Lệ Thủy và về thăm cả đất Bắc đây.

- Việc này em có nghe anh Cần nói trong buổi đi câu cá hôm qua.

- Té ra anh Cần tin cậu hơn tôi.

- Dạ đâu dám. Chắc là anh đã nói với chị trước rồi.

Mẹ ta liếc mắt làm duyên với Đàn, tủm tỉm cười. Mẹ ta quả là một sắc nước. Ở miền Nam này, mẹ ta chỉ kém Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu mà thôi. Mẹ cũng biết thế và tự thấy hãnh diện về mình.

Ngô Đình Diệm và Nhu giao đặc cách cho Cần tổ chức công việc cho người ra Bắc. Sân bay Đà Nẵng đã có hai chiếc C47, một chiếc thực thi nhiệm vụ và một chiếc dự phòng. Gần một trăm tên biệt kích, phần lớn là bọn lính có quê hương ở Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình... được tập trung huấn luyện. Trại huấn luyện ở một nơi bí mật. Bọn chúng trang bị máy thông tin, súng ống rất gọn nhẹ. Chúng được huấn luyện nhảy dù xuống một địa điểm ở vùng Ninh Bình hoặc Nam Định. Dựa vào bọn công giáo đội lốt và bọn phản bội được cài cắm nằm vùng, rồi từ đó sẽ hoạt động đánh phá ta.

\*  
\*

Trung sĩ Mậu Đàn trong bộ quân phục chinh tề. Hôm nay anh tự đi chiếc xe Vét-pa ra Quảng Trị rồi ra gần chân cầu Hiền Lương. Ngắm nhìn về quê sao mà nhớ da diết. Anh đứng rất lâu ở đó. Bỗng có ba tên lính ngụy ôm súng đến quát nạt anh:

- Đây là vùng cấm, ông là trung sĩ chứ có tướng ở đây cũng phải tuân theo quy định. Ông đi ngay cho.

- Các chú lính. Các chú có quê chứ?

- Là người ai mà chả có quê hờ trung sĩ.

- Không nói chuyện lằng nhằng, mời ông đi không có thì chúng tôi mắc liên lụy một tên lính có vẻ như là phụ trách nói với Mậu Đàn.

Anh vẫn ôn tồn mời thuốc bọn chúng và nói:

- Anh biết công việc của chú em. Nhưng anh tiết lộ với các chú em là, anh làm việc ở dinh tỉnh trưởng. Hơn nữa lại là người nhà của lãnh chúa Ngô Đình Cần. Ông

lãnh chúa nói với anh ra ngõ về quê cho đỡ nhớ đây. Ông ta thỉnh thoảng cũng tới đây ngõ về quê, các chú em có thấy không?

- Dạ có ạ. Ông ta còn đưa cả mẹ ra đây. Ông đồn trường ở tận đầu cầu Hiền Lương còn ra đón ông và dẫn ông lên chòi gác để nhìn về quê cơ đấy. Trung sĩ đứng đây cách cầu đến hàng cây số thì nhầm nhè gì.

Bọn lính nghe Đàn nói anh làm việc ở dinh tỉnh trưởng, hơn nữa lại quen biết Ngô Đình Cẩn, không đứa nào dám hó hé.

- Bọn em có lỗi, xin trung sĩ bỏ qua.

- Tôi là người vi phạm quy định, còn các chú có phạm gì đâu. Vui về nhé, chào mừng anh em.

Cả ba tên lính lúc này túm lại đẩy xe cho Đàn vượt qua bãi cát lún. Anh nỗ máy và đi về hướng Huế.

Đàn phóng xe rất nhanh. Anh đi như một đầu thú đua xe, chỉ một loáng đã qua cả cầu Thạch Hãn rồi Quảng Trị. Anh đi khoảng nửa giờ nửa thì giảm ga đi chậm, trên một quãng đường vắng vẻ. Gặp một cô gái trẻ đứng bên đường, cô ta chào anh rồi nói:

- Anh cho em vô Huế với được không?

- Cô lên xe đi cho vui mà. Đi xe một mình xóc lắm, muốn bật cả người lên.

Cô gái nhìn biển xe, nhìn anh rất kỳ. Bất giác cô nói:

- Anh là K9 phải không. Em là Lại-Nguyễn Thị Lại. Em được trên và cả hộp thư báo tin hôm nay anh có mặt ở đây. Em chờ từ sáng mới gặp được anh.

Đàn giật mình khi cô nói đúng mật hiệu của mình, nhưng anh trấn tĩnh lại ngay. Anh đoán chắc nếu bọn gái "thiên nga" hay bọn mật thám thì không đứa nào nói với anh như vậy. Hơn nữa K9 mật hiệu của anh, ngoài bà già, chưa bao giờ anh sử dụng đến. Đây là lần thứ hai.

Cô gái dẫn anh tạt ngang đường, đi vào gần một thôn nhỏ. Cái thôn này chắc hầu hết là người nghèo, nên những mái nhà chỉ lợp tôn, lợp nứa, lá. Mùa hè nóng ghê người, chả khác gì túp lều của anh ở Huế.

- Công việc của chúng ta ra sao?

- Em nói rất ngắn gọn thế này: cấp trên rất cần tin tức từ anh đấy.

- Anh bữa trước đã biết tin này.

- Anh nhận từ đâu tới?

- Từ bà già. Gia đình anh còn được bà đón về cho ở nhờ. Lần khác em có thể vô thẳng Huế. Đi xe lam, xe đò rất lẹ và khám xét cũng không nguy hiểm.

Mẫu Đàn vừa nói vừa lấy bản tin trao cho Lại. Bản tin cũng thu gọn rất nhỏ. Anh đút hai bản tin vào trong hai ống mảnh trúc. Đề phòng gặp bọn địch khám xét có thể dễ thủ tiêu. Đàn nói:

- Đây là tin ban đầu nhưng vô cùng quan trọng. Anh sẽ khẩn trương lấy thêm tin để báo với cấp trên.

Lại chỉ là hòm thư sống di động. Hai người còn kịp tìm được hộp thư cố định ở ngay gần một phiến đá có có mọc rêu phong cách đầu cầu Thạch Hãn chừng bảy trăm mét. Phiến đá này thì không một ai nghi ngờ.

\* \* \*

Vụ máy bay C47 đổ biệt kích xuống bãi biển Ninh Bình diễn ra sau đó. Chúng đi trên một chiếc C47 bay từ Đà Nẵng ra vào khoảng hai giờ đêm. Một tốp biệt kích 9 tên đã tung dù có cả phương tiện làm việc rơi vào đúng tầm đạn của bộ đội, công an và dân quân du kích tỉnh Ninh Bình. Không một tên nào thoát và cũng không một tên nào chống cự. Bọn này đều là người ở các tỉnh miền Bắc. Có đứa ở bên gác nhà thờ Phát Diệm.

Ngô Đình Cẩn lỏng lộn như một con thú điên khi biết tin bọn biệt kích đều sa vào tay Việt Cộng. Hắn đi đi lại lại trong phòng làm việc. Mặc dù có tên trung tá tình báo Mác-kên và một bọn tùy tùng ngồi ở bàn làm việc, Cẩn vừa đi lại lảm nhảm và nói một mình hẩn tự nghe:

- Làm ăn như cục phân. Trận đầu mà thế này thì mất niềm tin.

Mãi lâu sau, Cẩn mới tới bắt tay và nhoen miệng cười thân thiện với trung tá tình báo Mác-kên. Mác-kên có vẻ hiểu tâm lý của Cẩn, hẩn nói như vỗ về:

- Việt Nam các ông có câu tục ngữ: "Thất bại là mẹ thành công" mà ông Cấn. Đây là trận đầu, hơn nữa ta mất một lực lượng không đáng là bao. "Mất trận này, ta bày trận khác". Vẫn là tục ngữ của các ông đấy là gì?

Cấn xã giao với Mác-kên vài phút sau đó quay vào nhìn vào một gã béo phì. Tên này là một quan chức quan trọng của lực lượng đánh ra miền Bắc. Hắn cũng là người Nho Quan, Ninh Bình.

- Ông Năm, các chiến hữu ngoài đó ra sao? Bọn chúng còn làm việc hay bị bọn Việt cộng xô mũi hết rồi.

- Dạ thưa tôi đã kiểm tra rồi ạ. Thứ nhất là ta không biết được lực lượng cộng sản nó phát triển đến như thế. Việt cộng có ba thứ quân, tổ chức và huấn luyện rất nghiêm minh. Phương án chúng huấn luyện chống chúng ta tập kích ở vùng Ninh Bình là rất kỹ càng. Hàng tháng, thậm chí hàng tuần đều được huấn luyện, Việt cộng không những có ba thứ quân là: chủ lực, địa phương, dân quân du kích, riêng lực lượng an ninh thì cũng có ba loại như trên. Đặc biệt hơn là chúng có dân. Ông biết ông Hồ và ông Giáp tổ chức ba thứ quân này ra sao rồi đấy.

 TOP

NGUYEN THANH (Còn nữa)

---

Quan Doi Nhan Dan, 18 July 2004, accessed on 18 July 2004 at [http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id\\_new=29568&subject=11](http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id_new=29568&subject=11)

## Chiến sĩ tình báo mang biệt danh K9

18/07/2004

---

### (Tiếp theo số trước)

- Ông kiểm tra lại xem, hay tin tức của ta có bọn bên trong.  
- Dạ thưa cậu, không thể có được ạ. Tôi xem xét lại hết. Chẳng lẽ ngay trong chúng ta, thưa cậu. Xin cậu thứ lỗi cho tôi nói những điều vừa rồi ạ.  
- Vẫn phải rà soát lại, không được lơ lỏng và xem thường bọn cài cắm và nằm vùng. Tôi mà phát hiện được kẻ hở của ông thì ông nhận tội gì nào?  
- Tôi xin thề vì nền cộng hòa của Việt Nam, tôi sẵn sàng nhận án tử hình, hoặc ít cũng là tù chung thân ạ.

Nguyễn Mậu Đàn được tuyển dụng, cùng với một số tên ít ỏi, sang Mỹ theo học lớp kiểm tra ngân khố. Đàn được sang Mỹ, một phần cũng là do ý kiến đề đạt của Cấn với Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu. Đàn đã báo cáo với cấp trên. Cấp trên đồng ý ngay cho Đàn được đi Mỹ, không có ai phản đối.

Sang nước Mỹ, rất lạ nước lạ cái, nhưng Đàn có vốn tiếng Anh rất khá. Anh được vào khóa học với đủ loại người trên thế giới, từ Hàn Quốc, Trung Quốc đến các nước ở châu Âu, châu Mỹ... những nước có ý đồ của Mỹ thôn tính.

Đàn chưa bao giờ thấy một nhà trường mà công tác tổ chức huấn luyện như khóa học của anh. Rất hiện đại, nhưng lại rất cụ thể, đâu ra đó. Giảng viên đều là những tên có thực tế chiến tranh, lại có học hàm, học vị cao.

Khóa học tiến hành trong hai năm. Đàn tốt nghiệp khóa học loại ưu tú. Các giảng viên trực tiếp và giám hiệu nhà trường đều khen ngợi anh.

Dự xong khóa học Đàn được đáp máy bay về nước. Trước tiên là anh được Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu gọi lên gặp.

Đàn và năm người học ở Mỹ mới về được tiếp trong một phòng riêng ở dinh Gia Long. Dinh được thiết kế xây dựng theo kiến trúc của Pháp, rất sang trọng và tiện lợi.

Anh nghe nói ở dinh có một hệ thống đường hầm rất quy mô. Tất cả những người xây hầm đều bị Diệm, Nhu thủ tiêu, trừ những cố vấn xây dựng Hoa Kỳ và Pháp.

Buổi tiếp các học viên tốt nghiệp kiểm tra ngân khố ở Mỹ về, ngoài Diệm, Nhu còn có Trần Lệ Xuân. Lệ Xuân vốn là người con gái sinh ra ở đất Hà Nội. Đoàn quan sát và thấy Lệ Xuân quả thật là một mỹ nữ yêu kiều. Bản tính nghề nghiệp của anh thấy ở Lệ Xuân, một con người thực sự thông minh và có ý quyết đoán. Đôi mắt của Lệ Xuân rất sắc, nó phù hợp với khuôn mặt và dáng người của mẹ ta. Lệ Xuân cũng là một linh hồn của anh em họ Ngô. Ngô Đình Diệm tỏ ra rất trịnh trọng với nàng em dâu quý. Diệm đã mời Lệ Xuân tham khảo các vấn đề có tính chiến lược của quốc gia. Ý kiến của Lệ Xuân được Diệm và Nhu kính nể.

Thường các buổi tiếp như thế này, Diệm và Nhu vẫn ngồi yên tại chỗ trên chiếc ghế bọc vàng. Nhưng hôm nay tiếp đoàn du học về, Diệm và Nhu cùng Lệ Xuân lại đến bắt tay từng người. Diệm nói với Đoàn:

- Tôi nghe chú Bảy nói là cậu em quê ở Lệ Thủy, Quảng Bình cùng tôi. Chúng ta là đồng hương phải không? Diệm bỗng mũi lòng lấy khăn lau nước mắt. Chắc hẳn lúc này hẳn rất nhớ quê hương, nơi chôn rau cắt rốn của hần.

- Dạ thưa Tổng thống và ông bà cố vấn Ngô Đình Nhu. Tôi chính cũng sinh ra ở đất Lệ Thủy. Được cậu tôi là cha xứ Lai ở nhà thờ Đồng Hới nhận đến làm việc ở đó. Khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết tôi vô làm việc với tỉnh trưởng ở Huế. Tôi được cậu Bảy ưu ái, được mẹ của Tổng thống yêu mến. Thường xuyên bà gọi tôi đến cùng làm bạn ăn trầu thuốc. Vợ tôi cũng được bà gọi đến đấm bóp cho bà ạ. Bà vui lắm, thưa Tổng thống. Bà nói: Bọn đóc tờ tay nó không mềm mại như tay vợ tôi ạ. Thật sự vợ tôi cũng học được một ít về bấm huyệt, xoa bóp vì thế sau mỗi lần xoa bóp cho bà là bà khỏe luôn. Bà thường cho vợ tôi nhiều thứ kể cả tiền và vàng. Vợ tôi không dám nhận liền bị bà mắng yêu.

Buổi tiếp của Diệm, Nhu với các nhân viên du học diễn ra rất nhanh, chỉ khoảng năm, bảy phút. Diệm, Nhu và Lệ Xuân lại bắt tay tiễn họ ra xe. Trước khi Đoàn rời tay Diệm, hần còn căn dặn thêm:

- Tất cả các cậu sẽ về bắt tay vào việc ngay. Cậu em Đoàn về, chuyển vào Đà Nẵng ngay. Tôi đã nói với tướng Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh vùng một chiến thuật, sắp xếp chỗ ở cho cả vợ con cậu và công việc của cậu.

- Vô cùng cảm ơn Tổng thống và ông bà cố vấn. Tôi xin dốc lòng phục vụ Tổng thống, phục vụ Quốc gia đến hơi thở cuối cùng.

Đàn được thăng cấp hàm thượng sĩ nhất, nhưng giữ chức vô cùng quan trọng, đó là chức trưởng ban kiểm tra ngân khố vùng chiến thuật. Đoàn biết chắc ở vị trí công tác mới sẽ có nhiều tin tức quan trọng để báo cáo với cấp trên.

Nguyễn Chánh Thi, một tên tướng có vẻ mặt quái dị. Hai lông mày xéch lên gần thái dương, trông đáng gớm ghiếc. Thi là một tên tướng được Diệm, Nhu yêu mến và trọng dụng. Hần là một trong những tướng tài so với hàng tướng lĩnh của Diệm, Nhu. Chánh Thi đứng ở bậc tam cấp trước cửa một căn phòng.

Tay cầm chiếc ba-toong gỗ mun, hai đầu gậy bịt vàng. Hần có đặc điểm là thích hút thuốc lá vè, mà hầu hết là loại thuốc xì gà La Ha-ba-na nổi tiếng được chuyển từ Mỹ sang.

Mậu Đoàn đến gặp, trình diện Chánh Thi rất sớm. Anh được một tên lính dẫn từ ngoài cổng vào. Trong bộ quân phục với cấp hàm mới phong thượng sĩ nhất, trông đáng vẻ rất oai nghiêm. Đoàn nhìn thấy Thi, anh bước nhanh đến giờ tay chào nghiêm nghị:

- Thưa thiếu tướng tư lệnh. Tôi có mặt nhận nhiệm vụ.

Thi chờ cho Đoàn đến gần, hần bỏ cặp kính ra, ngắm anh một lúc rồi thốt lên:

- A, rất mừng ông thủ khoa đã tới. Tôi đã được Tổng thống Việt Nam cộng hòa báo cho biết, cậu sẽ về làm việc ở vùng chiến thuật một. Tôi vinh hạnh được đón tiếp người quen biết của gia đình Tổng thống.

- Dạ xin cảm ơn thiếu tướng tư lệnh đã hiểu ít nhiều về tôi. Xin phục vụ thiếu tướng ạ!

Thi rất hài lòng về những câu xã giao của Đoàn. Hần đi vào phòng tiếp khách, tiếp sau là Đoàn và một bọn tùy tùng của Nguyễn Chánh Thi.

Sau lời giao nhiệm vụ của Thi cho Đàn, một chai uýt-xky được mở nút. Thi giờ còn đứng tại chỗ để mọi nhân viên đi đến chạm cốc.

- Thử rượu Hoa Kỳ thì sang trọng, nhưng tôi thích thứ rượu tự cất của Việt Nam.

Hắn cười nói cho mọi người cùng hưởng ứng theo.

Sân bay Đà Nẵng vừa nâng cấp, nhưng bây giờ lại được Mỹ cấp thêm vốn. Ăn cưới không bằng lại mặt. Vốn cho cả công việc huấn luyện biệt kích trong đó có cả vốn phát triển sân bay mới có 5 triệu đô-la. Lần này riêng vốn nâng cấp sân bay Đà Nẵng là 500 triệu đô-la. Đàn nhìn con số này, anh tỏ ra kinh ngạc. Chúng muốn làm gì đây? Chắc không khỏi một âm mưu đầu tư tiến công ra Bắc của chúng. Biết vậy, anh lắng lặng như không biết gì. Nhiệm vụ của anh-một trưởng ban kiểm tra ngân khố vùng chiến thuật một là người phải biết đầu tiên các loại vốn chi cho quân sự, an ninh và cả việc phát triển mạng lưới nông thôn để phục mưu đồ tiến công ra Bắc của Diệm, Nhu và bọn Mỹ xâm lược.

Ngay từ khi học ở Mỹ về, Đàn đã có cuộc giao du thâm Ngô Đình Cẩn. Lãnh chúa miền Trung không nói nhiều. Cuộc tiếp của hắn đối với Đàn cũng chỉ trong năm phút. Hắn nói rất ngắn gọn:

- Hai anh Diệm và Nhu đã báo tin cho tôi cậu học đã về, sẽ ra nhận nhiệm vụ ở Đà Nẵng. Cái thằng mặt đen keo kiệt chỉ thẳng hàm thượng sĩ nhất cho cậu. Thật không đáng.

- Dạ thưa đây là luật của Cộng hòa Việt Nam ta ạ.

- Cái gì chả có cái riêng, cái ngoài luật. Cậu cũng máy móc. Nhưng thôi thế cũng được. Cố gắng mà làm tốt nhiệm vụ của ông Thi giao nghe.

Đàn xin phép Cẩn đến thăm mẹ Cẩn ở ngoài đảo. Cẩn không từ chối. Mẹ Cẩn khen Đàn lắm, biết đối xử ngoại giao rất lịch thiệp. Mẹ nói:

- Có vào làm việc ở Đà Nẵng nhưng hằng tuần phải đưa vợ con thăm ta nghe không. Từ giờ trở đi, ta vắng bạn trâu thuốc người quê hương, lại vắng mắt người xoa bóp, bâm huyết, thật là tiếc. Thôi đưa vợ con đi cho nó tốt lành. Ngày mốt nếu lên đường thì ngày ấy ta coi rồi, rất tốt. Tôi chỉ dặn là ở đâu cũng có trời, phật cả. Vợ con cậu không hành giáo thì phải lễ chùa. Đi lương mất gạo, đi giáo mất công. Sửa lễ phải dâng hoàng cho phật phù hộ độ trì nghe chưa. Nhớ lấy, chớ có tiếc tiền mà mất lợi, nhất là lại hỏng việc đấy.

Sau cuộc thăm viếng gia đình Ngô Đình Cẩn, Mậu Đàn lại phóng chiếc Vét-ba ra Quảng Trị. Kiểm tra hộp thư cố định không việc gì, thậm chí còn có vẻ bí mật hơn. Đàn rất yên tâm đến liên hệ gặp Lại. Chờ tới hơn hai tiếng đồng hồ Lại mới tới. Cả hai người lâu ngày gặp lại đều không khỏi vui mừng. Đàn hỏi Lại:

(còn nữa)

## Chiến sĩ tình báo mang biệt danh K9 (Số 5)

Ngày 19 tháng 07 năm 2004

- Ở nhà có nhiệm vụ gì mới mẻ không?  
- Có nhiều đấy. Trước hết là ngoài Bắc lại dành tan trận biệt kích khác. Lần này chúng đổ xuống khu rừng núi ở tỉnh Sơn La. Thấy các anh ngoài đó nói là toán biệt kích mới xuống Sơn La sẽ hợp với cảnh biệt kích đánh bộ từ Lào sang. Quy mô của chúng lớn lắm nhưng đều vào tròng của chúng ta ngoài đó. Các anh ngoài đó giỏi thật.

- Em cứ khen cụ Giáp tài.

Giọng cười của Đan và Lài hợp lại với nhau thật là vui vẻ.

- Anh có quá Mỹ cho em đây.

- Gì vậy?

- Anh rất thực tế. Anh tặng em một cây bút viết ban đêm không cần đèn. Hoa Kỳ nó hiện đại như thế đó. Thật ra làm ra cây bút này không khó, nhưng ta chưa đầu tư đó thôi. Tôi có tin mới báo cáo cấp trên đây. Dịch tập trung nâng cấp sân bay Đà Nẵng, sửa và nâng cấp cảng và nhiều thứ khác, kể cả huấn luyện thêm các tổ biệt kích mới. Em cố gắng nhận chỉ thị mới về báo cho anh. Gia đình vợ con anh ở ngay dưới chân đèo Hải Vân. Chúng nó mua cho anh đấy. Anh chắc là ở đâu chả có kiến. Kệ nó, việc nó nó làm, việc ta ta làm. Dù sao cũng phải hết sức tinh táo.

- Nhà anh số bao nhiêu?

- Hiện nay chưa có số. Em đếm khu nhà có 25 cái chỉ có một cái hai tầng của tên phó tỉnh trưởng Đà Nẵng. Nhà anh ở cách đó bảy nhà. Từ ngang đèo Hải Vân đã nhìn thấy rồi. Tên vợ anh thì em đã biết. Tên anh thì khỏi phải công khai, bọn nó đều biết cả.

Chia tay Lài, anh nhanh chóng về ngay để kịp ngày chuyển gia đình vào Đà Nẵng.

Các buổi chiều, Đan đều mang cần câu ra bờ biển gần sân bay để câu cá. Anh được phép của Nguyễn Chánh Thi đi đến khắp mọi nơi ở vùng chiến thuật một, vì vậy lính gác, lính tuần tra, bọn nào xem chiếc thẻ đặc biệt, đều mời anh đi.

Chỗ ngồi câu cá của Đan có thể nhìn về phía cảng xa xa. Ở đây tiện nhiều cho việc quan sát sân bay Đà Nẵng. Sân bay Đà Nẵng được thi công rất gấp rút. Các phương tiện máy móc đều được tập trung về đây. Chúng làm cả ngày lẫn đêm, lúc nào cũng rầm rập tiếng máy.

Một buổi chiều, trời rất đẹp. Đan ngồi câu chẳng được con cá nào. Anh ngồi máy tiếng má hút hết một bao thuốc Ru-bi. Đan mở bao thứ hai. Anh hít một hơi dài và nhả ra làn khói trắng. Anh lấy làm khoan khoái. Không ngồi câu nữa, Đan nằm ngửa mặt lên trời, mắt lim dim ngắm những làn mây trắng xốp trên bầu trời. Cơn buồn ngủ đến với anh lúc nào chẳng biết. Anh mơ màng trong giấc ngủ. Bỗng có bước chân đến gần. Đan nhồm đậy ngay. Trước mặt Đan là một cô gái diễm lệ. Cô ta cứ tiến thẳng đến chỗ Đan ngồi. Đan tự hỏi: "Cô gái này là ai mà đi vào khu vực cấm này được?". Cô gái nhẹ nhàng hỏi Đan:

- Xin chào chàng thủ khoa. Ai cho phép ông được đến chỗ này? Tôi gọi là ông cho nó trang trọng, tôi đoán chắc ông chỉ hơn tôi khoảng hai tuổi. Thưa bằng ông chắc ông không hái lông?

- Tôi thì sao cũng được. Tuy ít tuổi má khối tóc bạc ra đây này. Không tin thì cô đến má kiểm tra. Hơn nữa tôi đã có vợ, có con. Cô gọi là ông cũng tốt thôi mà.

- Nói như vậy thử xem anh có sợ hãi không. Thôi từ giờ phút này em xin thưa là anh. Đồng ý chứ?

- Tùy cô, tôi có biết cô là ai. Biệt danh cô lại là "bà lớn" thì tôi mắc lỗi.

Đàn và cô gái cùng cười rất vui. Đàn hỏi thêm:

- Sao cô biết tôi là thủ khoa?

- Tổng thống và bà Lệ Xuân nói. Anh làm thế nào mà chinh phục được Tổng thống và bà Lệ Xuân hở anh? Ở miền Nam này chưa có trường hợp nào như thế này đâu nhé.

- Cô cũng quen biết bà Lệ Xuân?

- Dạ có. Em biết bà Lệ Xuân ước chừng được hơn 5 năm rồi đó. Bây giờ thì bà Xuân vừa thân, vừa tin em. Việc gì bà cũng cho em hay.

Đàn nghĩ: "Con người này không phải loại bình thường". Làm việc một thời gian, Đàn biết cô ta là Phó trưởng ban tài chính của vùng chiến thuật một.

Cô gái có tên là Duyên-Trần Lê Mỹ Duyên. Cô là người gốc Huế, nhưng nói tiếng Đà Nẵng. Gia đình cô từ lâu lắm rồi đã chuyển vào thành phố Đà Nẵng. Đã tốt nghiệp đại học kế toán tài chính rồi được tuyển dụng là nhân viên rồi tiến lên làm phó ban tài chính vùng chiến thuật một. Té ra cô cùng ngành với Đàn. Anh vui vì quen được cô gái có cương vị chức sắc quan trọng. Không hiểu anh sẽ khai thác được gì ở cô gái duyên dáng này. Đàn cứ suy nghĩ và chờ đợi. Đến một hôm, rất bất ngờ, cô gái lại có mặt ở ngay phòng làm việc của anh:

- Kính chào anh, bữa trước em hứa là không kêu anh là ông, được chứ?

- Được. Không những thế mà còn vui nữa là đằng khác.

- Nhân ngày vui hôm nay, em xin được chiêu đãi anh. Em hỏi khi không phải, nhưng anh thích món gì? Ở đất Đà Nẵng, em sành hơn anh.

- Thứ gì đối với anh cũng ngon hết.

Đàn và Mỹ Duyên lên xe và chạy ra tâm bàn đảo Sơn Trà. Duyên đã quen cả nhà hàng này. Cô ta gọi món tôm he, cà núc và một chai uyết-ky nhỏ. Bàn đảo Sơn Trà thật là thơ mộng. Mang tiếng làm việc ở Đà Nẵng mà lần đầu tiên anh mới tới đây. Sóng biển nhẹ nhẹ. Và gió mát càng làm cho bữa tiệc thêm thi vị. Anh ăn thật ngon.

Khách sạn Đảo Sơn Trà được trưng bày sang trọng, ở đây có hai khu riêng biệt. Một bên là cho người Việt Nam. Bên kia là cho người nước ngoài, nói gọn là cho bọn Mỹ. Người Việt đến phông khách nước ngoài phải có người nước ngoài bảo kê. Phần lớn người Việt đến đó là bọn gái bán bar.

Đàn hiểu ngay ra rằng. Bọn Mỹ đến đất Đà Nẵng này để thực hiện ý đồ gì. Chúng đến không ngoài ý đồ làm cổ vắn tiếp tay cho bọn tay sai. Cụ thể chúng đang tiến hành thực thi chiến lược tiến công ra Bắc. Đàn không biết Duyên có suy nghĩ đồng điệu như anh không. Anh đã rất thân quen với Duyên nhưng mỗi người một chân trời lý tưởng. Đàn lấy máy ảnh chụp Duyên đang mơ màng. Thật sự anh thấy Duyên khá sắc nước. Nhưng kiểu anh chụp anh cố gắng lấy được hình ảnh bọn Mỹ đang nhậu nhẹt ở bên kia. Càng kiểu ảnh đều là tư liệu cần thiết của anh sau này.

Hai người ngồi ở nhà hàng khá lâu. Khi họ rời nhà hàng thì đêm thành phố Đà Nẵng bừng sáng. Hôm nay Duyên đã ngỡ ỳ:

- Mai một anh em mình vô Sài Gòn chơi nghe anh. Không biết bà Lệ Xuân có việc gì mà kêu em phải có mặt ngay trong đó. Bà Lệ Xuân gọi mà không tới thì chưa biết thế nào anh ạ. Anh đi tháp tùng em một chuyến nghe anh.

Đàn lúc đầu còn lưỡng lự, nhưng rồi anh thấy công việc của anh khi nào có thời cơ là phải chớp ngay lấy.

Cuộc đi vào Sài Gòn được thực hiện ngay sau đó ít hôm. Đàn biết Duyên có chồng là người Hoa. Ông ta hơn Duyên đến mười tuổi. Cuộc tình duyên này Mỹ Duyên không ưng thuận, nhưng vì sức ép của gia đình và nhiều sức ép khác nữa nên Duyên đành chịu. Về chung sống với chồng đã 4, 5 năm mà Duyên không chịu có con với chồng. Người ta lấy chồng nhà giàu thì vui, ngược lại với Duyên có phần buồn tủi. Duyên cứ nghĩ: Gái mà đào có nhan sắc thường hay bạc mệnh. Hoàn cảnh của Duyên sao mà đúng vậy.

Duyên rủ Đàn đi Sài Gòn, cô đã mua vé máy bay cho cả hai người, nhưng phần thì lo ông chồng người Hoa rất hay ghen những người đàn ông quạu hệ với mình, nên cô đã nói với Đàn:

- Vé máy bay em đã mua cho cả anh. nhưng có lẽ anh phải đi xe đó. Em sẽ đón